



VN PCSVN1719 B



- Lưu ý**
- Yêu cầu người lắp đặt hay nhà thầu có kinh nghiệm để lắp đặt sản phẩm. Không nên lắp đặt mà không có hướng dẫn của nhà sản xuất. Lắp đặt bất cẩn sẽ gây rò rỉ môi chất hay nước, chập điện, cháy nổ...
 - Sử dụng các phụ tùng, linh kiện được cung cấp hoặc chỉ định bởi Daikin. Yêu cầu đơn vị lắp đặt hoặc nhà thầu có chuyên môn lắp đặt những phụ tùng, linh kiện này. Sử dụng các phụ tùng, linh kiện trái phép hoặc lắp không đúng có thể gây rò rỉ nước hay môi chất lạnh, chập điện, cháy nổ.
 - Đọc kỹ Hướng dẫn sử dụng trước khi dùng sản phẩm. Tài liệu hướng dẫn cung cấp các chỉ dẫn quan trọng về an toàn cũng như cảnh báo các vấn đề cần lưu ý khi sử dụng. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn và cảnh báo này.

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với nhà nhập khẩu ủy quyền, nhà phân phối hoặc các cửa hàng bán lẻ tại địa phương

Lưu ý về ăn mòn sản phẩm:

1. Máy điều hòa không khí không nên lắp đặt ở khu vực có chất ăn mòn như axit, kiềm.
2. Trường hợp dàn nóng được lắp đặt gần bờ biển, tránh đặt trực tiếp theo hướng gió biển. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp tại địa phương để được tư vấn khi gặp trường hợp này.



Đại lý phân phối

CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH
Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,
1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 3565 7677

CHI NHÁNH CẦN THƠ
37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0292) 626 9977

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,
P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 383 2900

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA
1200 Lê Hồng Phong, P. Phước Long,
TP. Nha Trang
Tel: (0258) 625 8158

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4,
P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236) 362 4250

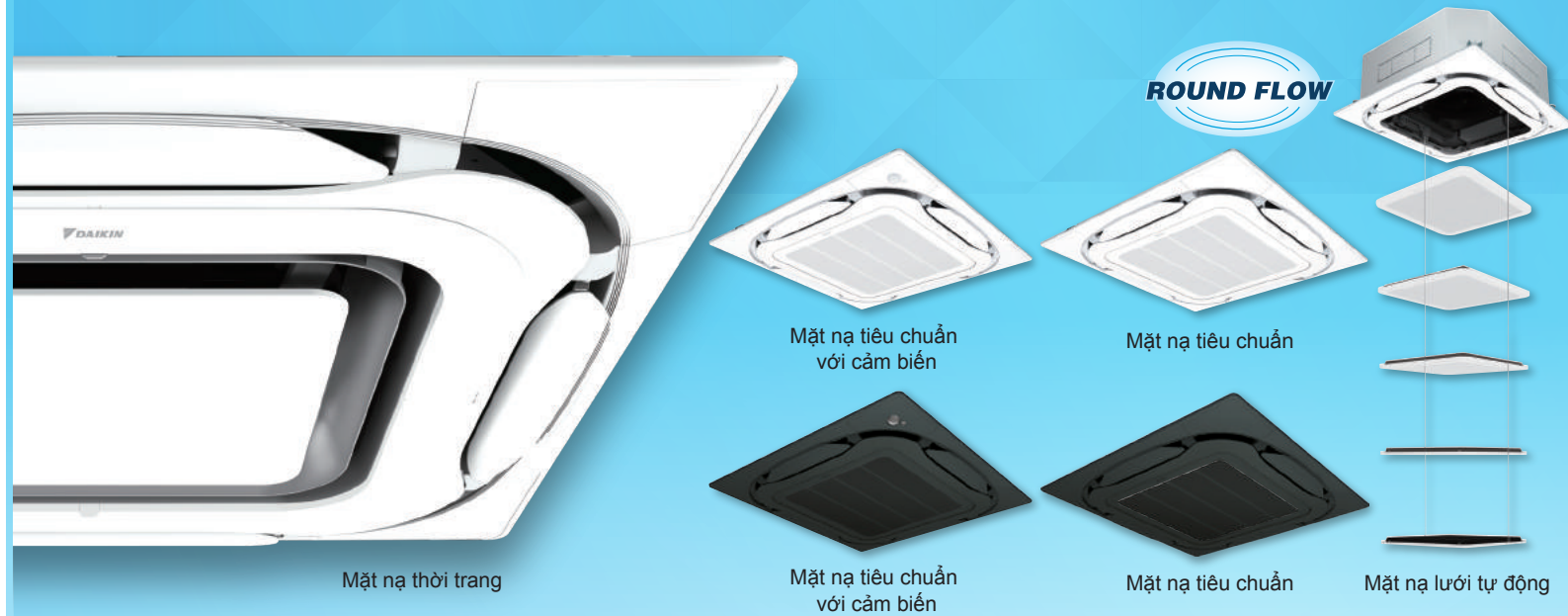


[DaikinVietnam](#) www.daikin.com.vn

• Các đặc tính kỹ thuật, kiểu dáng và thông tin trong cuốn sách này có thể thay đổi mà không cần báo trước.

© All rights reserved
Printed in Vietnam 01/19/001 DAV

Các Dòng Inverter Mới

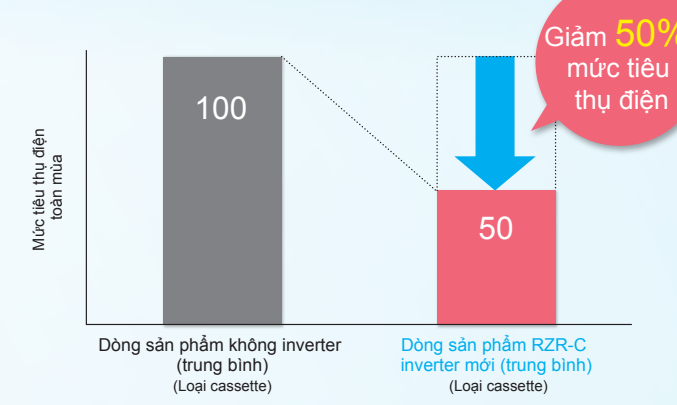


R-32 Super Inverter



Tiết kiệm năng lượng

So sánh mức tiêu thụ điện dựa trên giá trị trung bình hệ số hiệu quả lạnh toàn mùa CSPF



Thiết kế nhỏ gọn

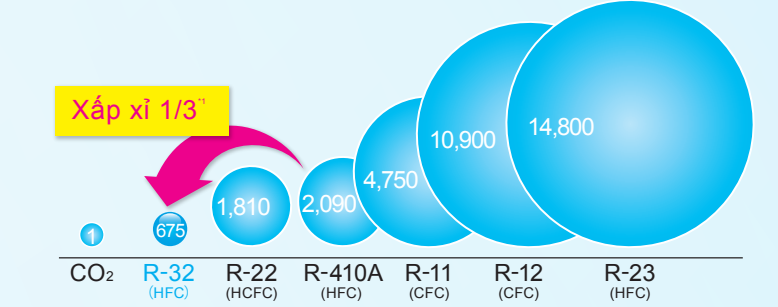
Các dàn nóng mới tiết kiệm không gian nhiều hơn



Từ R-410A đến R-32, Bước cải tiến hướng đến việc làm giảm hiện tượng nóng lên của trái đất

Nếu bạn muốn một môi chất lạnh HFC thế hệ mới hoàn toàn không gây suy giảm tầng ozone và cũng ít tác động đến hiện tượng trái đất nóng lên như R-410A thì hãy sử dụng R-32. Để đạt được mức hiệu suất năng lượng mới mà vẫn đáp ứng các yêu cầu về môi trường, Daikin đã thiết kế lại các dòng sản phẩm SkyAir ngay từ thiết kế cơ bản với việc sử dụng môi chất R-32

So sánh tác động đến hiện tượng trái đất nóng lên của các môi chất lạnh khác nhau



*1. Nguồn: Các giá trị thể hiện tác động hiện tượng trái đất nóng lên trong 100 năm từ Báo cáo Đánh giá lần thứ 4 IPCC. Giá trị so sánh: HFC410A: 2000, HFC32: 675

MỚI Luồng Gió Tuần Hoàn Phân Phối Đều

Gió Mát Và Ấm*1

*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63

Video Cassette đa hướng thổi mới trên kênh YouTube chính thức của Daikin

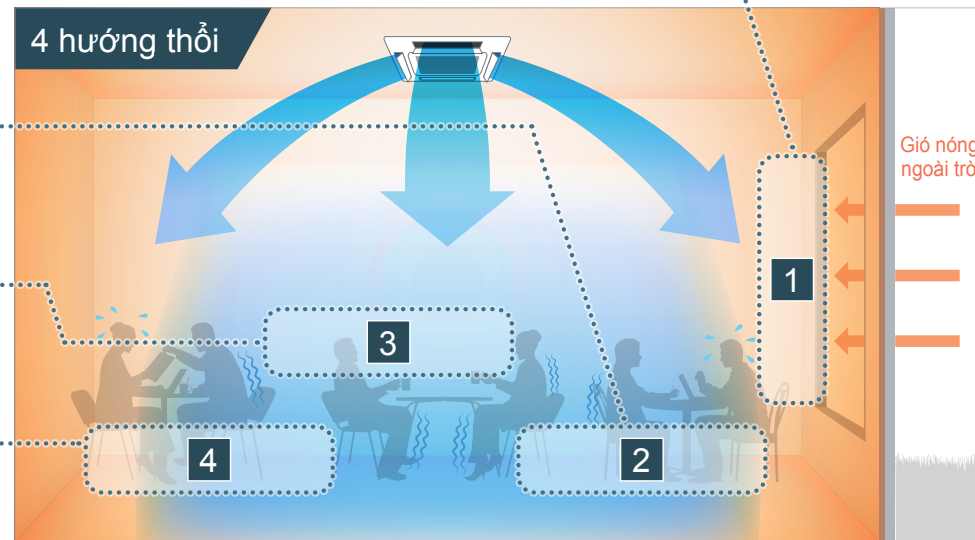


Làm lạnh

Luồng gió của những máy hiện nay tạo ra các khu vực quá lạnh hoặc không đủ mát



- Vấn đề 1:** Gió nóng ngoài trời đi vào phòng theo các cửa sổ và tường làm cho những khu vực này nóng lên.
- Vấn đề 2:** Luồng gió lạnh tập trung trực tiếp ở bên dưới tạo ra những khu vực lạnh trên mặt sàn.
- Vấn đề 3:** Luồng gió thổi trực tiếp vào người tạo cảm giác không thoải mái cho người ở trong phòng.
- Vấn đề 4:** Luồng gió lạnh giảm nhanh gây ra hiện tượng không đủ lạnh ở các góc phòng.



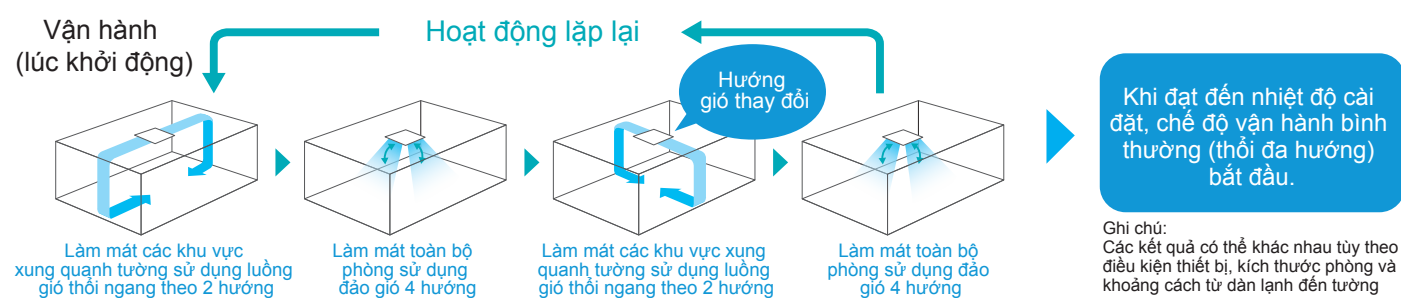
Luồng gió tuần hoàn làm mát toàn bộ căn phòng mang lại cảm giác sảng khoái mà không bao giờ cảm thấy lạnh



Trong lúc thổi gió ngang theo 2 hướng



Cách hoạt động của luồng gió tuần hoàn (Làm lạnh)

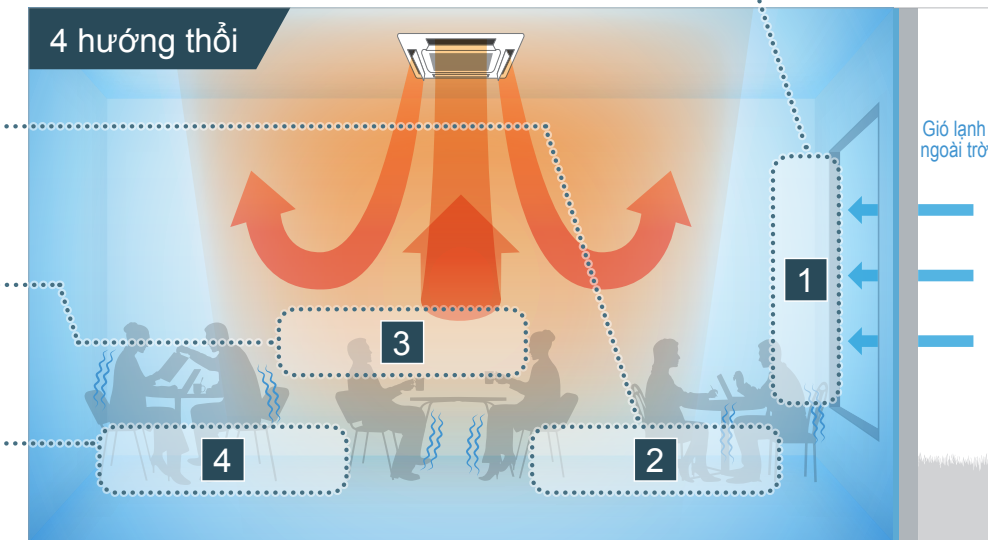


Sưởi ấm

Luồng gió của những máy hiện nay (chỉ thổi từ trên xuống) Không làm ấm khu vực sàn, cửa sổ và tường



- Vấn đề 1:** Gió ngoài trời đi vào phòng theo cửa sổ và tường làm cho những khu vực gần cửa sổ và tường lạnh.
- Vấn đề 2:** Gió ấm không thổi được đến mặt sàn, và các khu vực trên mặt sàn vẫn bị lạnh.
- Vấn đề 3:** Gió nóng thổi trực tiếp vào người tạo cảm giác không thoải mái từ máy điều hòa.
- Vấn đề 4:** Thời gian làm ấm phòng lâu do gió ấm không thổi được đến tất cả các góc.



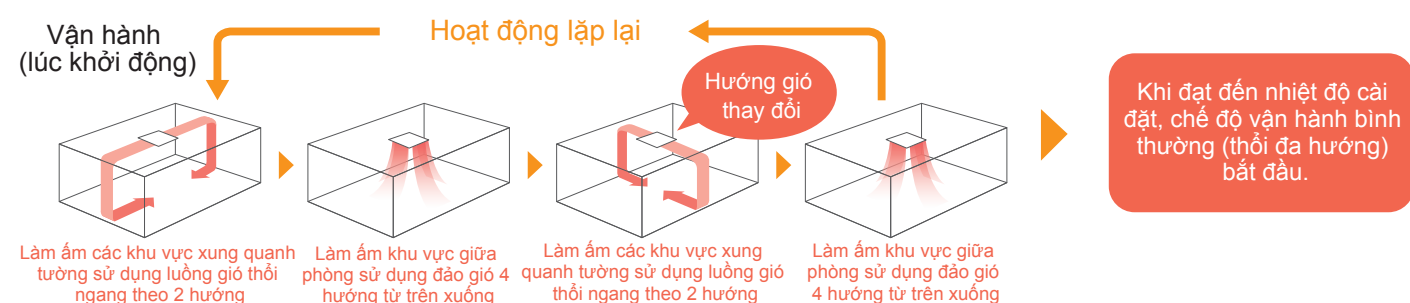
Luồng gió tuần hoàn làm ấm toàn bộ phòng bắt đầu từ bàn chân.



Trong lúc thổi gió ngang theo 2 hướng



Cách hoạt động của luồng gió tuần hoàn (Sưởi ấm)



MỚI Luồng Gió Tuần Hoàn Phân Phối Đều

Gió Mát Và Ấm*1

*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63

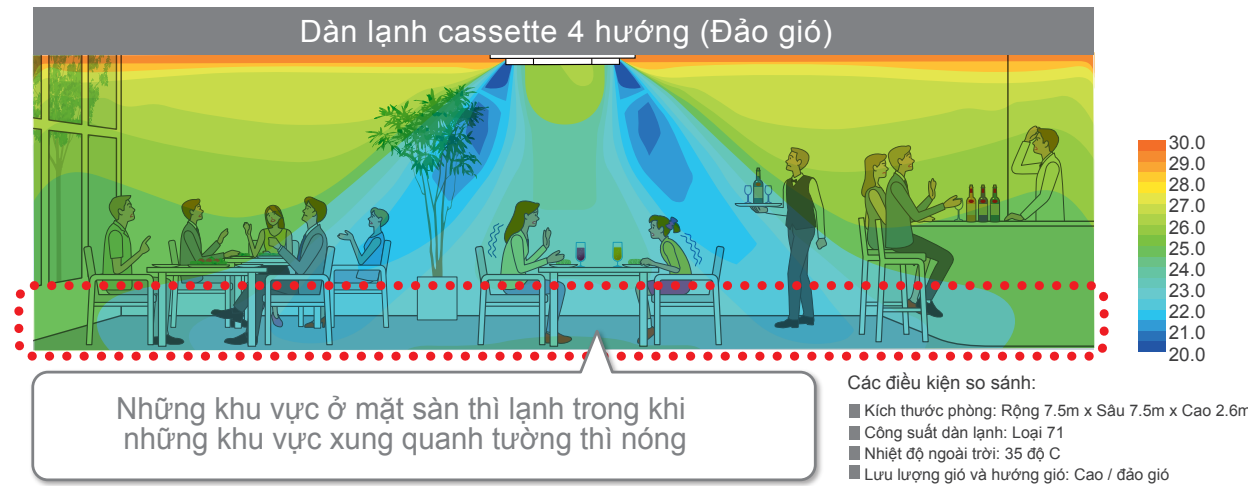
Video Cassette đa hướng thời mới trên kênh YouTube chính thức của Daikin



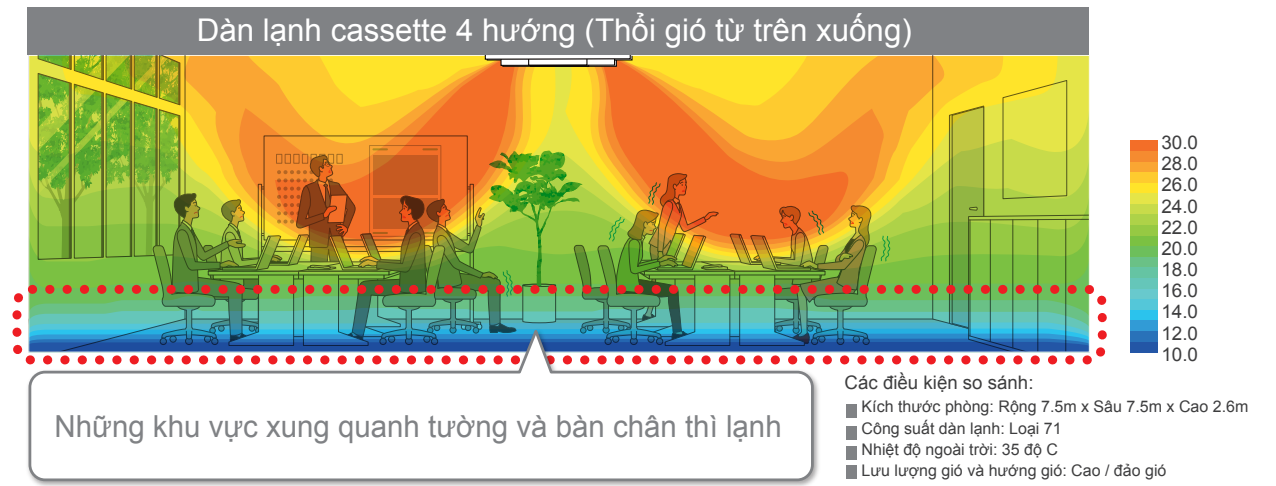
Mang lại sự sảng khoái khắp phòng với nhiệt độ đều và không có khu vực quá lạnh ở mặt sàn

Mang lại sự sảng khoái khắp phòng với nhiệt độ đều và hơi ấm lan tỏa đến bàn chân

Làm lạnh



Sưởi ấm



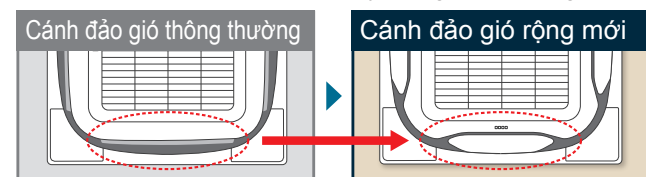
². Tính toán theo những điều kiện so sánh sau: Khi nhiệt độ trung bình ở độ cao 0.6m so với mặt sàn thì sẽ đạt đến nhiệt độ cài đặt (26 độ C)

³. Tính toán theo những điều kiện so sánh sau: Khi nhiệt độ trung bình ở độ cao 0.6m so với mặt sàn thì sẽ đạt đến nhiệt độ cài đặt. (22°C)

Ba công nghệ tạo ra luồng gió tuần hoàn

1 Sử dụng cánh đảo gió mới rộng (thẳng)

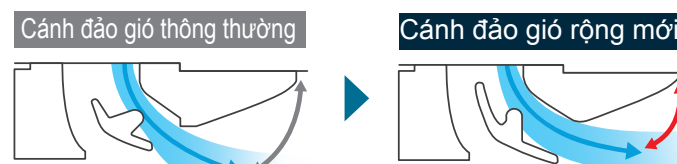
Với nắp mở loại mới lớn hơn, quỹ đạo gió thổi thẳng hơn.



Cấu trúc cánh đảo gió rộng ngăn bụi bẩn và bụi trần.
 Bằng cách thu hẹp hai đầu cánh đảo gió, luồng gió gây ra bụi trần được hướng xuống dưới.

2 Tối ưu góc thổi gió (Phương ngang)

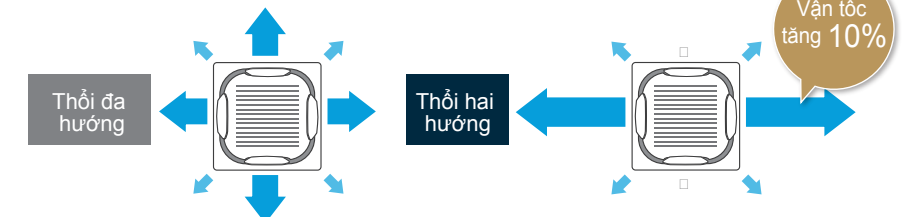
Góc thổi gió theo phương ngang nhiều hơn



3 Tăng vận tốc khí thổi 2 hướng (Thổi mạnh)

Vận tốc tăng lên nhờ thổi 2 hướng. Luồng gió thổi mạnh được tạo ra

2 cửa gió còn lại được điều khiển bằng cách thay đổi hướng (góc) cánh đảo gió để chặn lưu lượng gió thổi ra 2 cửa gió này.

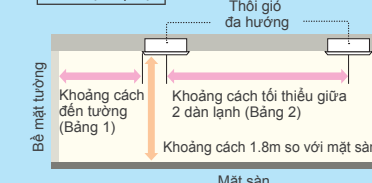


Những điều cần nhớ khi sử dụng luồng gió tuần hoàn

Các điểm chính khi sử dụng

- Hiệu quả có thể khác nhau tùy theo điều kiện phòng, kích thước phòng và khoảng cách đến tường.
- Sự thổi gió có thể khác khi sử dụng mặt nạ thời trang (Sự thổi gió thay đổi lặp đi lặp lại từ thổi ngang 3 hướng thành thổi 4 hướng từ trên xuống (đảo gió) đến thổi 2 hướng theo phương ngang và thổi 4 hướng từ trên xuống (đảo gió)).
- Luồng gió tuần hoàn hoạt động khi kết nối với điều khiển từ xa có dây (BRC1E63). Tuy nhiên, không thể sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Khi sử dụng tấm chắn miệng gió và ống gió nhánh;
 - Khi lựa chọn cài đặt luồng gió đơn;
 - Khi sử dụng điều khiển nhóm ngoài trừ luồng gió thổi đa hướng

Điều kiện lắp đặt



[Bảng 1] Khoảng cách từ dàn lạnh đến tường		
Công suất dàn lạnh	FCF50-71	FCF100-140
Khoảng cách tối đa	Trong vòng 5m	Trong vòng 7m

[Bảng 2] Khoảng cách tối thiểu giữa các dàn lạnh		
Công suất dàn lạnh	FCF50-71	FCF100-140
Khoảng cách tối đa	5m hoặc xa hơn	7m hoặc xa hơn

MỚI Điều Khiển Hướng Gió Độc Lập*1

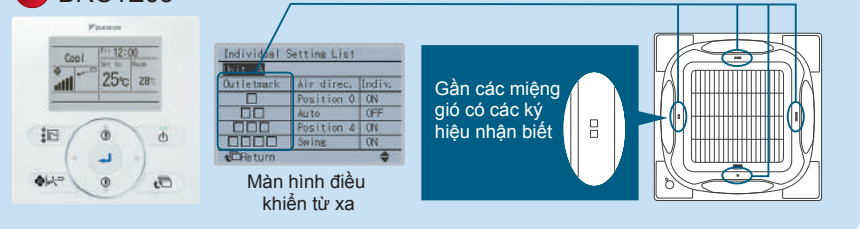
*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63

Điều hòa tiện nghi cho mọi cách bố trí và điều kiện phòng

Hướng gió có thể được điều chỉnh riêng cho mỗi miệng gió để đạt sự phân phối gió tối ưu nhất

Cài đặt dễ dàng với điều khiển từ xa có dây

MỚI BRC1E63



Vị trí 0 (Luồng gió cố định ở vị trí cao nhất)

Không cài đặt độc lập (Luồng gió tự động)

Đảo gió (Lên/xuống)

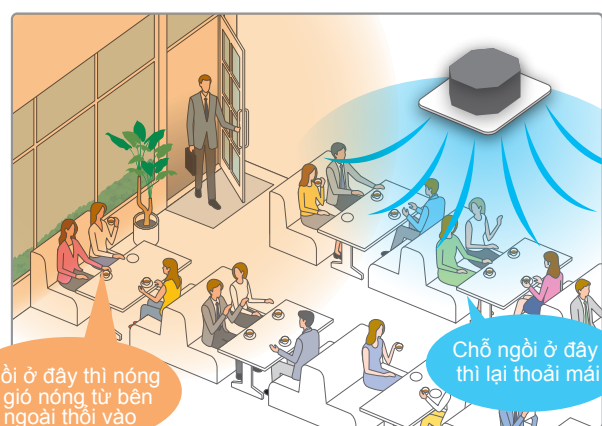
Vị trí 4 (Luồng gió cố định tại vị trí thấp nhất)

- Các cài đặt độc lập cho luồng gió
- Không cài đặt đơn (Luồng gió tự động)
 - Vị trí 0 (Điểm cao nhất)
 - Vị trí 1
 - Vị trí 2
 - Vị trí 3
 - Vị trí 4 (Điểm thấp nhất)
 - Đảo gió

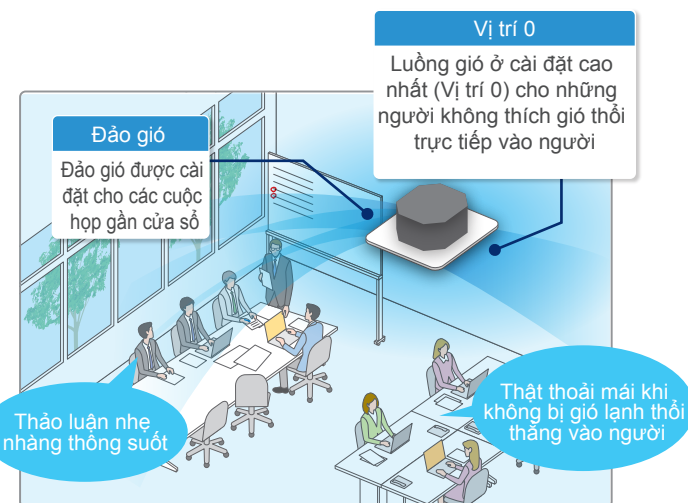
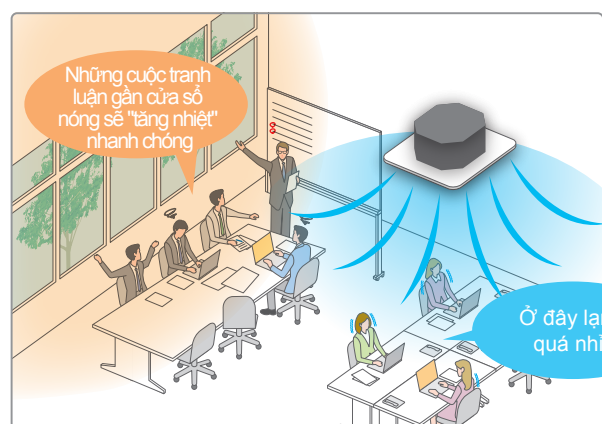
Các cài đặt độc lập có thể thiết lập như nêu trên.

Khi luồng gió độc lập được lựa chọn, hướng gió có thể được điều chỉnh theo cách bố trí phòng

Đối với cửa hàng và nhà hàng



Đối với văn phòng



MỚI Công Nghệ Cảm Biến Daikin*1,2

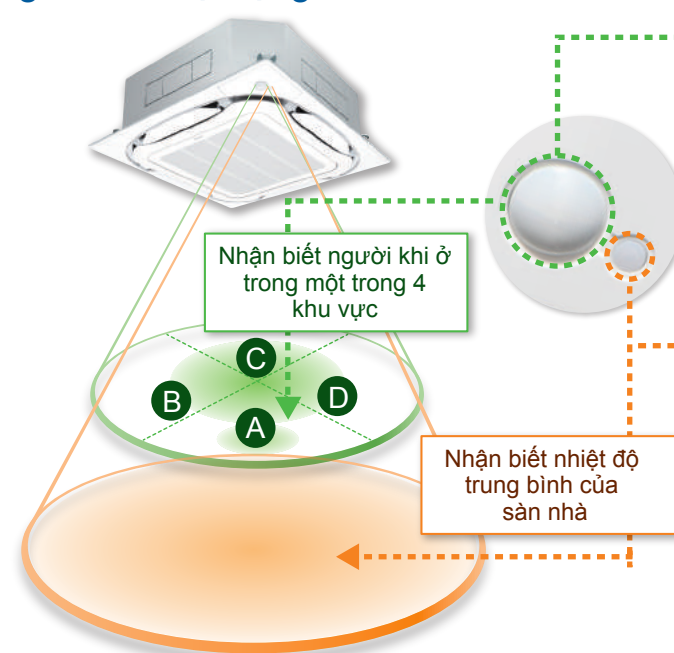
*1. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63
*2. Áp dụng khi lắp đặt mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/IEEK)

Video Cassette đa hướng thời mớ trên kênh YouTube chính thức của Daikin



Cảm biến kép*2

Cảm biến kép và sự điều khiển hướng gió độc lập mang lại sự kiểm soát luồng gió tối ưu tự động.



Cảm biến người bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết có người tại một trong 4 khu vực.

Độ cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính) ³	Khoảng 8.5m	Khoảng 11.5m	Khoảng 13.5m

*3. Cảm biến người bằng tia hồng ngoại có thể nhận biết ở độ cao 80cm so với mặt sàn.

Cảm biến sàn nhà bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết nhiệt độ sàn nhà và tự động điều chỉnh hoạt động của dàn lạnh để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa trần và sàn.

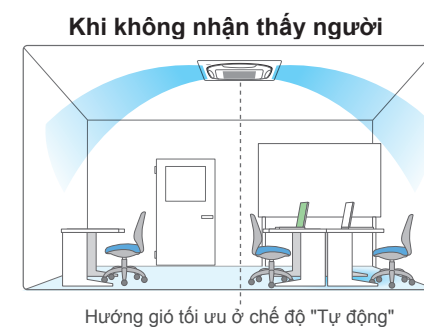
Độ cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính) ⁴	Khoảng 11m	Khoảng 14m	Khoảng 16m

*4. Cảm biến sàn nhà có thể nhận biết nhiệt độ trên bề mặt sàn.

Chức năng luồng gió tự động*5

*5. Hướng gió có thể được cài đặt ở chế độ "Tự động".

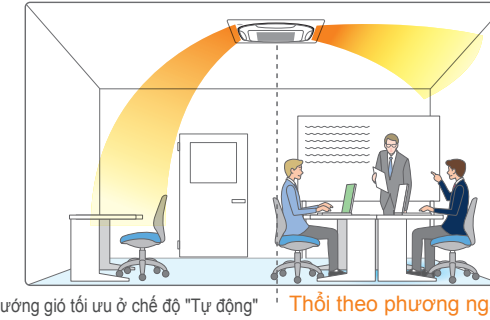
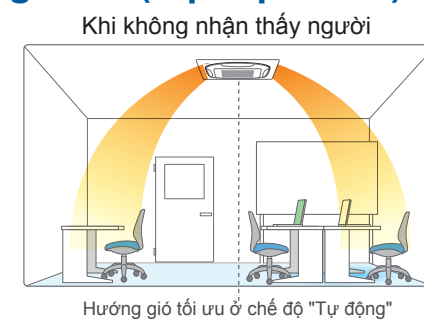
Luồng gió trực tiếp (Mặc định: Tắt) **Làm lạnh** **Làm khô** Khi nhận thấy có người



• Với chế độ hướng gió "Tự động", các cánh đảo gió được điều khiển để thổi gió tối ưu khi phòng trống

• Khi nhận thấy có người, hướng gió được cài đặt ở chế độ "Đảo gió (hẹp)" để mang gió mát đến người sử dụng

Ngăn gió lùa (Mặc định: Tắt) **Sưởi ấm** Khi nhận thấy có người



• Với chế độ hướng gió "Tự động", các cánh đảo gió được điều khiển để thổi gió tối ưu khi phòng trống

• Khi nhận thấy có người, cánh đảo gió sẽ mở sẽ theo phương ngang để không thổi gió nóng vào người sử dụng

Daikin Cung Cấp Các Dòng Inverter

Với Các Loại Dàn Lạnh Khác Nhau



Dàn lạnh cassette âm trần
(Mặt nạ chuẩn với Cắm biến)



Dàn lạnh cassette âm trần
(Mặt nạ chuẩn)



Dàn lạnh âm trần nối ống gió mỏng



Dàn lạnh cassette âm trần
(mặt nạ thời trang)



Dàn lạnh cassette âm trần 4 hướng nhỏ gọn



Dàn lạnh áp trần



Dàn lạnh nối ống gió với áp suất tĩnh trung bình



Dàn lạnh nối ống gió với áp suất tĩnh trung bình



Dàn lạnh tủ đứng

MỤC LỤC

Cassette đa hướng thổi mới

Luồng gió tuần hoàn	Trang.3-6
Điều khiển hướng gió độc lập	Trang.7
Công nghệ cảm biến	Trang.8

Hình ảnh lắp đặt

Trang.9-10

Dãy sản phẩm

Trang.11-12

Dòng sản phẩm Daikin SkyAir

Tiết kiệm năng lượng	Trang.13
Thiết kế nhỏ gọn và nhẹ	Trang.14
Làm lạnh nhanh	Trang.15
Các lợi ích của công nghệ Inverter	Trang.16
Độ bền	Trang.17
Các chức năng tiện lợi	Trang.18
Tái sử dụng đường ống hiện hữu	Trang.19
Thiết kế linh hoạt	Trang.20
Điều khiển luồng gió thông minh	Trang.21
Các tính huống đặc biệt	Trang.21

Dàn lạnh

Trang.22

Dàn lạnh cassette âm trần <Đa hướng thổi>	Trang.23-32
Dàn lạnh âm trần 4 hướng thổi nhỏ gọn	Trang.33-34
Dàn lạnh âm trần nối ống gió mỏng	Trang.35-36
Dàn lạnh nối ống gió với áp suất tĩnh trung bình	Trang.37-38
Dàn lạnh áp trần	Trang.39-40
Dàn lạnh tủ đứng	Trang.41-42

Dàn nóng

Trang.43-44

Điều khiển từ xa

Trang.45-47

Chức năng

Trang.49-54

Thông số kỹ thuật

Trang.55-61

Phụ kiện tùy chọn

Trang.62-64

Kích thước

Trang.65-77

Dịch vụ lắp đặt dàn nóng

Trang.78







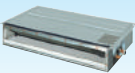
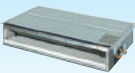












Dãy sản phẩm



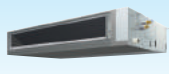

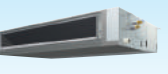








Super Inverter

R-32


SkyAir

Một chiều lạnh





Series	50	60	71
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN < Đa hướng thổi > 	 FCF50CVM	 FCF60CVM	 FCF71CVM
	Dàn lạnh Dàn nóng RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V RZF71CYM
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG THỜI NHỎ GỌN	 FFF50BV1	 FFF60BV1	
	Dàn lạnh Dàn nóng RZF50CV2V	RZF60CV2V	
DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỔI ỐNG GIÓ MỀNG	 FDF50BV1	 FDF60BV1	
	Dàn lạnh Dàn nóng RZF50CV2V	RZF60CV2V	
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	 FBA50BVMA	 FBA60BVMA	 FBA71BVMA
	Dàn lạnh Dàn nóng RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V RZF71CYM
DÀN LẠNH ÁP TRẦN	 FHA50BVMV	 FHA60BVMV	 FHA71BVMV
	Dàn lạnh Dàn nóng RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V RZF71CYM
DÀN LẠNH TỬ ĐỨNG	 FVA50AMVM	 FVA60AMVM	 FVA71AMVM
	Dàn lạnh Dàn nóng RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V RZF71CYM
DÀN NÓNG	 RZF50CV2V	 RZF60CV2V	 RZF71CV2V
	Dàn nóng	RZF71CV2V	RZF71CYM
	Nguồn điện	1 pha, 220V, 50Hz	3 pha, 380-415V, 50Hz

100	125	140	
 FCF100CVM	 FCF125CVM	 FCF140CVM	Trang 23
RZF100CVM RZF100CYM	RZF125CVM RZF125CYM	RZF140CVM RZF140CYM	
			Trang 33
			Trang 35
 FBA100BVMA	 FBA125BVMA	 FBA140BVMA	Trang 37
RZF100CVM RZF100CYM	RZF125CVM RZF125CYM	RZF140CVM RZF140CYM	
 FHA100BVMV	 FHA125BVMA	 FHA140BVMA	Trang 39
RZF100CVM RZF100CYM	RZF125CVM RZF125CYM	RZF140CVM RZF140CYM	
 FVA100AMVM	 FVA125AMVM	 FVA140AMVM	Trang 41
RZF100CVM RZF100CYM	RZF125CVM RZF125CYM	RZF140CVM RZF140CYM	
 RZF100CVM	 RZF125CVM	 RZF140CVM	Trang 43
1 pha, 220-240V, 50Hz	3 pha, 380-415V, 50Hz	1 pha, 220-240V, 50Hz	
	3 pha, 380-415V, 50Hz	1 pha, 220-240V, 50Hz	
		3 pha, 380-415V, 50Hz	

Hai chiều lạnh/sưởi

Series	50	60	71
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN < Đa hướng thổi >			 FCF71CVM
	Dàn lạnh Dàn nóng		RZA71BV2V
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN NỔI ỐNG GIÓ ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH			 FBA71BVMA
	Dàn lạnh Dàn nóng		RZA71BV2V
DÀN LẠNH ÁP TRẦN			 FHA71BVMV
	Dàn lạnh Dàn nóng		RZA71BV2V
DÀN NÓNG			 RZA71BV2V
	Dàn nóng		1 pha, 220V, 50Hz
	Nguồn điện		

SkyAir

100	125	140	
 FCF100CVM			Trang 23
RZA100BV2V			
 FBA100BVMA			Trang 37
RZA100BV2V			
 FHA100BVMV			Trang 39
RZA100BV2V			
 RZA100BV2V			Trang 43
1 pha, 220V, 50Hz			

Các Dòng Inverter Mới

SkyAir

Super Inverter

R-32

Một chiều lạnh

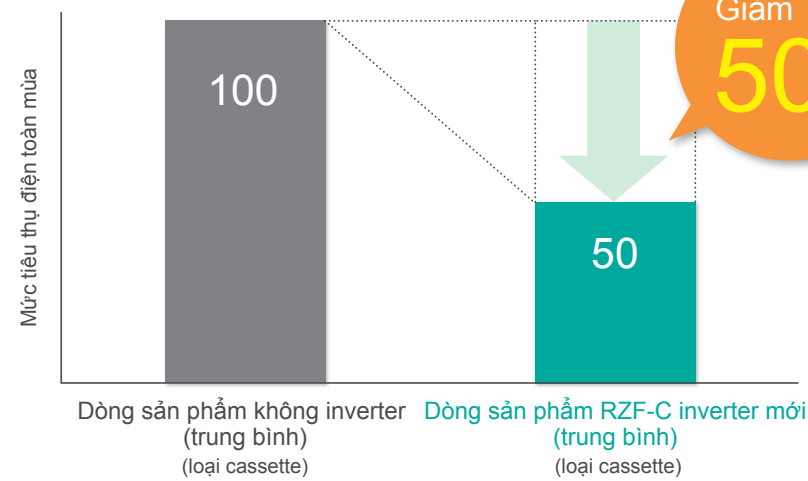
Hai chiều lạnh/sưởi

Tiết kiệm năng lượng

Những dòng máy sử dụng công nghệ inverter mới của Daikin làm giảm mức tiêu thụ năng lượng trong suốt quá trình làm lạnh

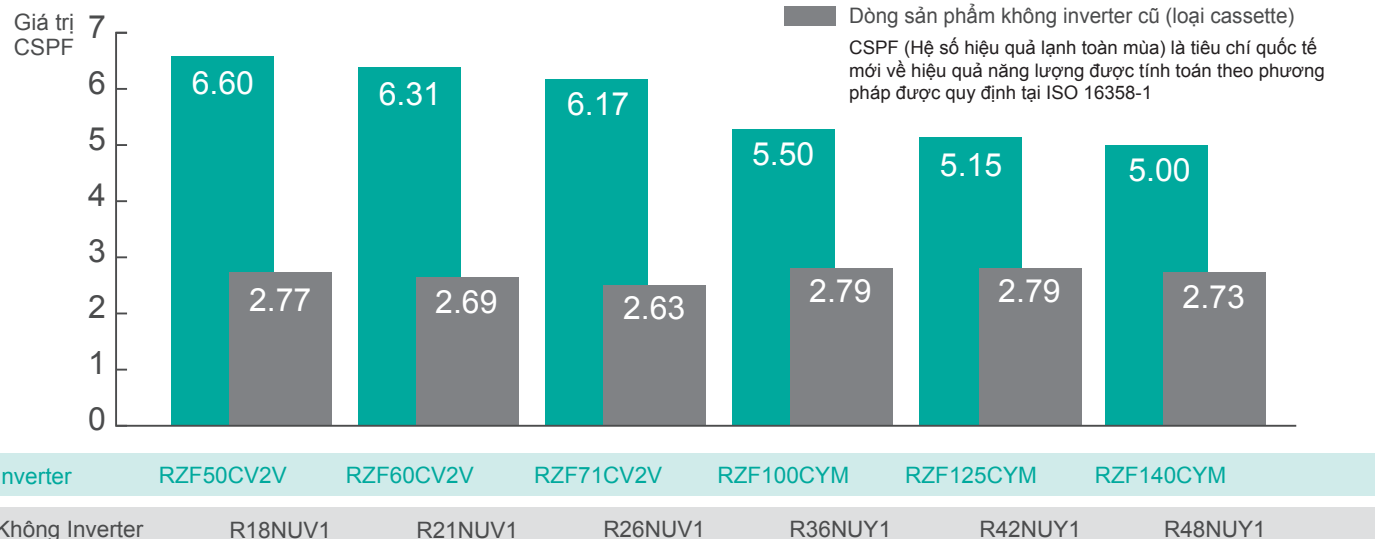
So với các dòng sản phẩm không inverter trước đây, dòng sản phẩm mới RZF-C tiêu thụ năng lượng ít hơn khoảng 50%, làm lạnh nhanh và hiệu quả với ít điện năng hơn.

- So sánh mức tiêu thụ điện dựa trên giá trị trung bình hệ số hiệu quả lạnh toàn mùa CSPF.



Ghi chú: Giá trị 100 thể hiện lượng điện năng do một loại máy không inverter trong một giai đoạn làm lạnh tương đương

- Giá trị CSPF theo công suất của các mẫu cassette

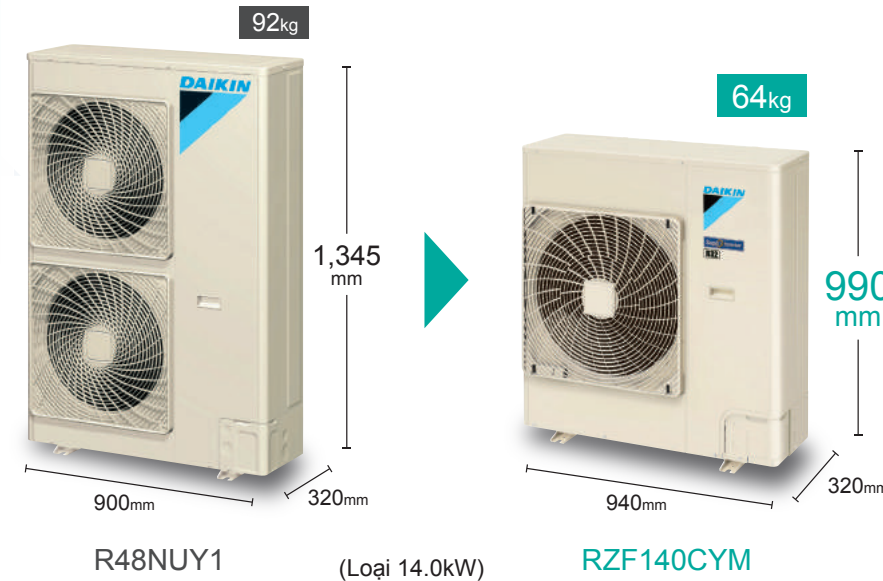


CSPF là gì?

CSPF là giá trị của tổng tải lạnh hàng năm chia cho tổng lượng điện năng tiêu thụ hàng năm với điều kiện ngoài trời được quy định bởi tiêu chuẩn ISO.

Thiết kế nhỏ gọn và nhẹ

- Các dàn nóng mới còn tiết kiệm không gian nhiều hơn



Thiết kế nhỏ gọn, hệ số CSPF cao!

Giảm 23% kích thước 0.39m³ → 0.30m³

Giảm 30% trọng lượng 92kg → 64kg

- So với các dòng không inverter trước đây

Các dàn nóng này nhỏ gọn và nhẹ hơn nhiều. Lắp đặt dễ dàng ở các khu vực giới hạn diện tích.

	7.6 kW R26NUV1 / NUY1	10.6 kW R36NUV1 / NUY1	12.3 kW R42NUY1	14.1 kW R48NUY1
Dòng sản phẩm không inverter R-NU	70kg, 770mm, 900mm	79kg, 1,170mm, 900mm	87kg, 1,170mm, 900mm	92kg, 1,345mm, 900mm

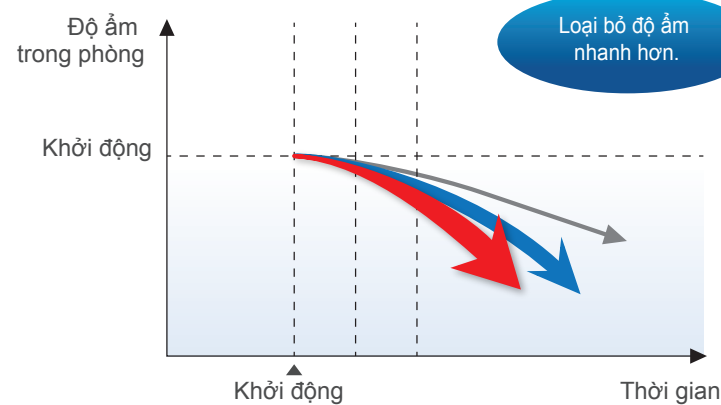
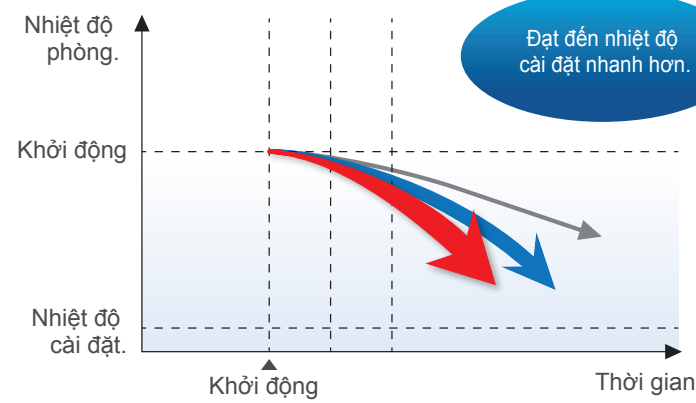
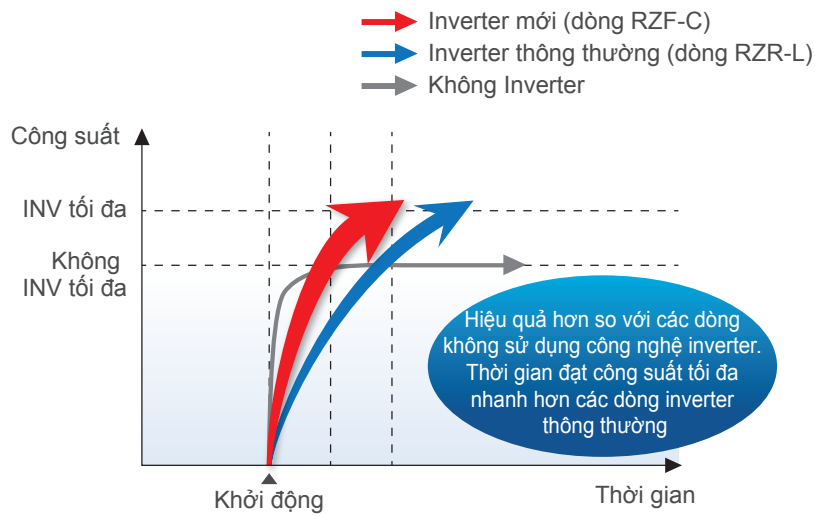
	7.1 kW RZF71CV2V	10.0 kW RZF71CYM	12.5 kW RZF100CVM/CYM	14.0 kW RZF125CVM/CYM	RZF140CVM/CYM
Dòng sản phẩm inverter mới RZF-C	41kg, 595mm, 845mm	48kg, 695mm, 930mm	48kg, 695mm, 930mm	64kg, 990mm, 940mm	64kg, 990mm, 940mm
Giảm trọng lượng	29kg	22kg	31kg	23kg	28kg

Trọng lượng mỗi dàn giảm đáng kể.

Làm lạnh nhanh

■ Làm lạnh nhanh và khử ẩm

Công nghệ điều khiển inverter mới mang lại sự sáng khoái nhanh chóng.



■ Chức năng làm lạnh nhanh khi khởi động

Nhanh chóng và dễ dàng làm không gian trở nên thoải mái trước khi nhân viên hoặc khách hàng đến. Cũng như khả năng làm lạnh tối đa, công nghệ inverter mới có thể loại bỏ độ ẩm trong phòng. Không chỉ làm giảm nhiệt độ phòng, tính năng kép mang lại cảm giác thoải mái cho người sử dụng chỉ trong vòng tối đa 30 phút.



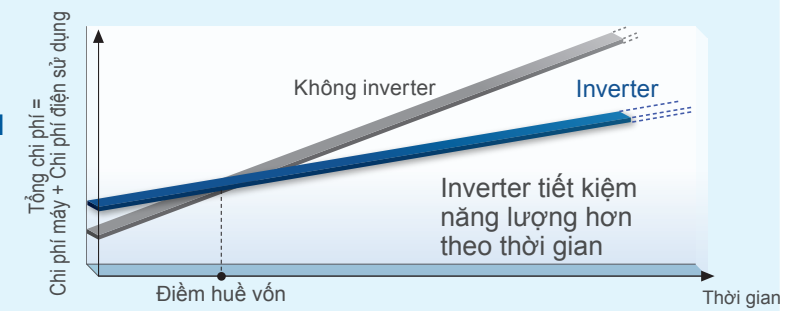
● Điều khiển từ xa BRC1E63 được sử dụng cho chức năng làm lạnh nhanh.



Các lợi ích của công nghệ Inverter

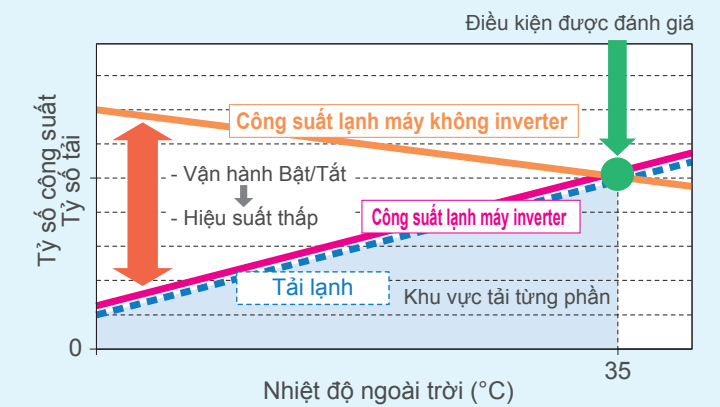
Tại sao công nghệ inverter lại tiết kiệm hơn?

■ Hệ thống inverter tiêu thụ ít điện hơn và nhanh chóng bù lại mức chênh lệch chi phí ban đầu. Điều này dẫn đến tổng chi phí cuối cùng thấp hơn



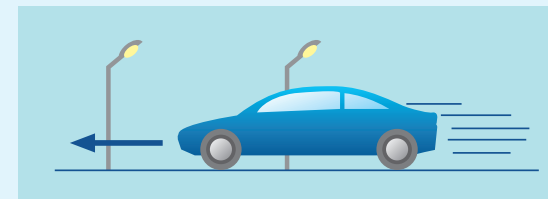
■ Máy điều hòa Inverter có thể điều chỉnh công suất làm lạnh theo mức tải. Điều này giúp cho việc tiêu thụ điện năng ít hơn.

Để đối phó với việc dao động tải, các máy điều hòa không inverter phải liên tục thực hiện Bật (đầy tải)/ Tắt (không tải) trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, các máy inverter lại có thể hoạt động với công suất làm lạnh tối ưu theo mức tải. Do các máy inverter cung cấp công suất làm lạnh tối thiểu với mức tiêu thụ điện tối thiểu, tổng điện năng tiêu thụ có thể giảm trong quá trình làm lạnh.



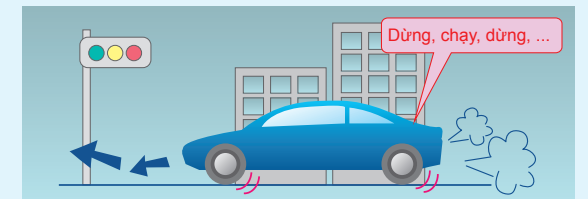
■ Các máy inverter không hoạt động theo nguyên tắc Bật / Tắt liên tục

Inverter Lái xe trên cao tốc



Lái xe liên tục không bị ngắt quãng và hiệu suất nhiên liệu cao hơn

Loại không inverter Lái xe trong thành phố

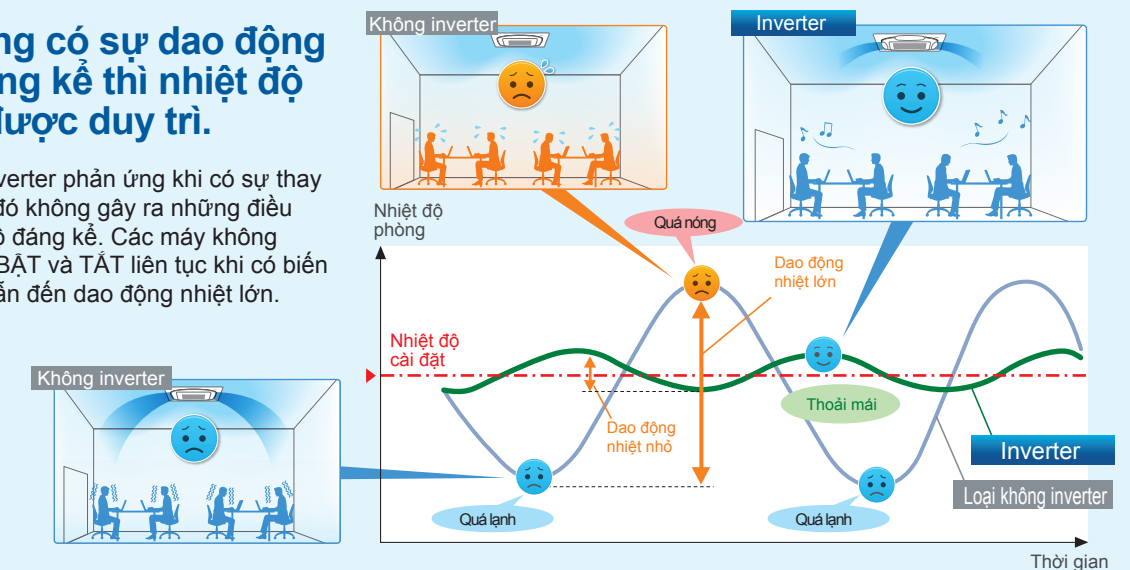


Liên tục dừng và chạy tiêu hao năng lượng và hiệu quả nhiên liệu kém

Tại sao công nghệ inverter mang lại sự thoải mái hơn?

■ Khi không có sự dao động nhiệt đáng kể thì nhiệt độ cài đặt được duy trì.

Điều khiển inverter phản ứng khi có sự thay đổi tải và do đó không gây ra những điều chỉnh nhiệt độ đáng kể. Các máy không inverter phải BẬT và TẮT liên tục khi có biến động tải và dẫn đến dao động nhiệt lớn.



Độ bền

■ Bảo vệ quá áp cho PCB (Tùy chọn cho dàn nóng)

Chỉ đối với dòng RZF

Xem trang 64

Nguồn điện không ổn định là vấn đề phổ biến ở nhiều khu vực. Nó có thể gây ra tình trạng quá tải điện áp và có thể gây hại cho các thiết bị điện tử.

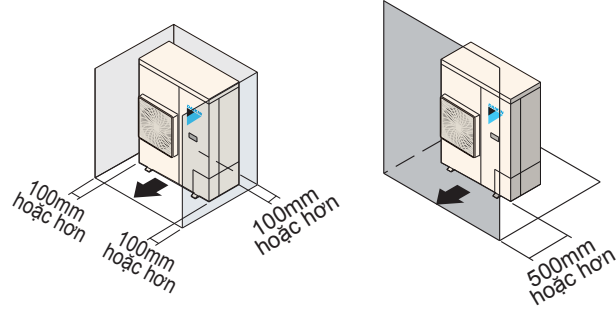
Để tránh tình trạng điện áp không ổn định, người dùng cần gắn một bộ ổn định điện áp khi lắp đặt máy điều hòa. Dòng RZF-C được trang bị một mạch điện tử có độ bền cao.

Mạch điện tử này giúp người dùng không cần lắp đặt bộ ổn định điện áp và giúp bảo vệ các thiết bị trong dàn nóng như động cơ quạt và máy nén.

■ Chế độ bảo vệ tự động khi điện áp thấp

Trong các thời điểm tiêu thụ điện cao điểm ban ngày và ban đêm, nguồn điện có thể dao động. Bộ bảo vệ điện áp thấp sẽ tự động ngắt hoạt động. Khi điện áp phục hồi bình thường, máy sẽ hoạt động trở lại như trước khi ngắt.

■ Dàn nóng vẫn có thể được lắp đặt ngay cả trong những điều kiện không gian giới hạn



■ Dàn trao đổi nhiệt Microchannel

Chỉ đối với dòng RZF

Công nghệ Microchannel tận dụng những lợi ích trao đổi nhiệt vượt trội của nhôm để tạo ra máy điều hòa có hiệu suất cao hơn.

Với hợp kim nhôm chống ăn mòn mới, dàn trao đổi nhiệt microchannel của Daikin trở nên bền hơn.

Một thử nghiệm phun nước muối đã được thực hiện để chứng minh khả năng chống ăn mòn của các sản phẩm của Daikin trong các môi trường ăn mòn trong một khoảng thời gian nhất định.

● Kiểm định độ bền

- Tổ chức kiểm định: MTEC Thái Lan
- Tiêu chuẩn kiểm định: ASTM B117
- Kết quả

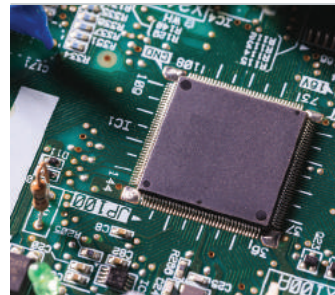


Sau khi trải qua cuộc thử nghiệm cường độ cao, dàn trao đổi nhiệt microchannel của Daikin có thể giữ nguyên hình dạng mà không bị ăn mòn và điều này khẳng định độ bền của thiết bị trong môi trường ăn mòn cao.

■ PCB được phủ lớp bảo vệ (dàn nóng)

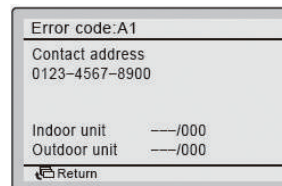
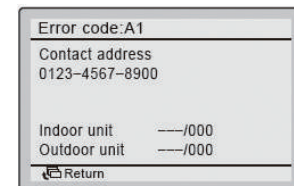
Các bản mạch được phủ lớp bảo vệ nhằm ngăn chặn các vấn đề do độ ẩm và bụi bẩn trong không khí gây ra. Nó cũng giúp chống lại sự xâm nhập của muối từ gió biển.

Cả hai mặt của bản mạch dàn nóng đều được phủ lớp bảo vệ.



■ Chức năng tự chẩn đoán giúp hỗ trợ phản hồi nhanh chóng

Khi có thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình LCD của điều khiển từ xa, một đèn LED sẽ bật trên máy. Khi lắp đặt điều khiển BRC1E63, một mã báo lỗi sẽ xuất hiện, trên đó thể hiện thông tin liên hệ và tên sản phẩm. Hãy liên hệ với nhà phân phối Daikin của bạn và cung cấp mã báo lỗi và tên sản phẩm.



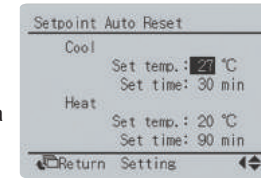
Các chức năng tiện lợi

■ Bộ điều khiển từ xa BRC1E63 bao gồm các chức năng tiện lợi.

Tự động chỉnh về nhiệt độ đã thiết lập trước bởi người sử dụng.

● Tự động trở về điểm cài đặt

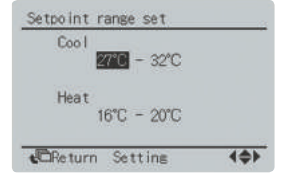
- Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt thay đổi, sau thời gian cài đặt tự động, nhiệt độ mới sẽ trở về giá trị đã cài đặt trước đó.
- Các khoảng thời gian có thể lựa chọn từ 30, 60, 90 hoặc 120 phút



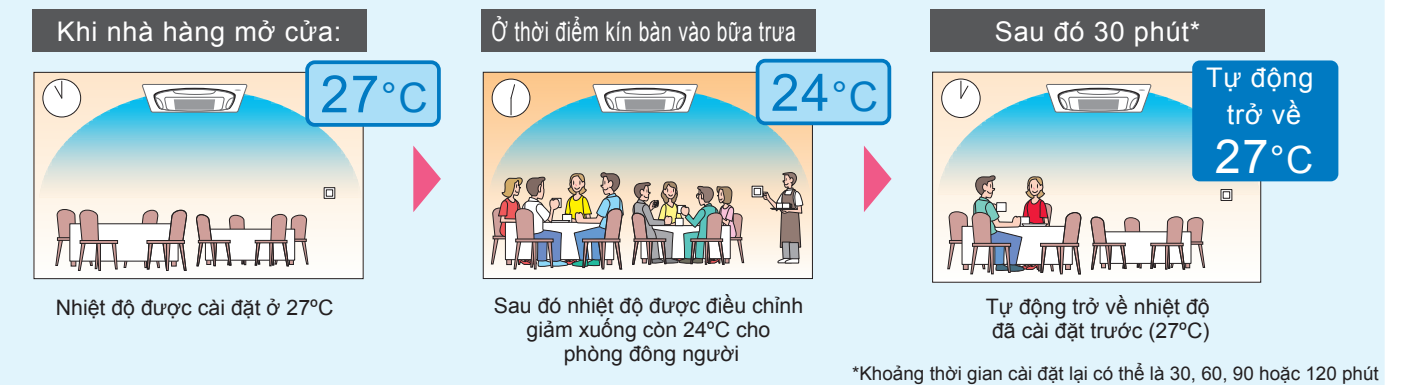
Người sử dụng có thể cài đặt trước các mức nhiệt độ thấp và cao.

● Cài đặt khoảng nhiệt độ

- Tiết kiệm năng lượng bằng cách cài đặt các mức nhiệt độ thấp nhất và cao nhất
- Tránh việc sưởi hoặc làm lạnh quá mức
- Chức năng này tiện lợi nếu điều khiển được lắp đặt ở những nơi mà bất cứ ai cũng có thể thay đổi các cài đặt.



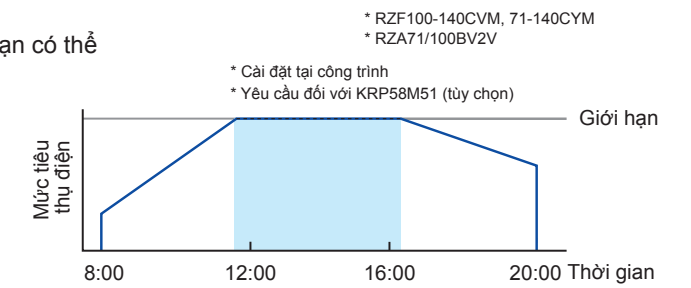
Ví dụ nhà hàng



■ Chức năng kiểm soát nhu cầu

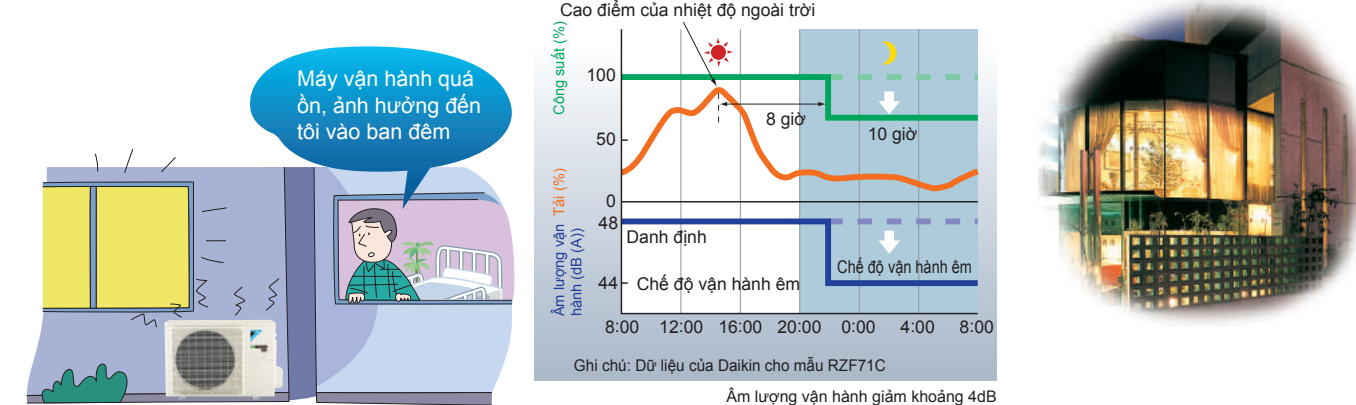
Bằng cách cài đặt các giới hạn để hạn chế việc tiêu thụ điện, bạn có thể chi trả ít hơn cho các hóa đơn tiền điện.

- Việc tiêu thụ điện được ưu tiên hàng đầu, và giới hạn mức tiêu thụ tối đa của một máy.
- Mức tiêu thụ tối đa có thể cài đặt ở mức 40, 60, 70, 80 hoặc 100%.



■ Chế độ hoạt động vào ban đêm

Chức năng này tính đến việc ảnh hưởng do hoạt động của máy điều hòa đến hàng xóm xung quanh.



Tận dụng đường ống hiện hữu

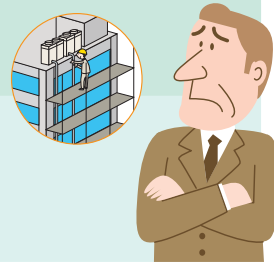
Chỉ đối với dòng RZF

Ưu lợi 1

Đơn giản hóa quy trình lắp đặt, giúp giảm bớt thời gian và chi phí

Khi xem xét việc thay máy điều hòa, liệu những vấn đề sau có làm bạn bận tâm?

- Thời gian tạm ngưng việc kinh doanh
- Doanh số bị ảnh hưởng trong quá trình thay máy điều hòa
- Chi phí cao và thời gian làm việc kéo dài do cần giàn giáo để thay đường ống



Những vấn đề này đều đã được Daikin giải quyết

Chúng tôi giảm chi phí thi công và thời gian bằng cách tận dụng đường ống hiện hữu ở những nơi có thể.



*Các điều kiện nghiêm ngặt được áp dụng, xin xem bảng ở trang 43 đối với các kích cỡ ống có thể chấp nhận để tái sử dụng.

Ưu lợi 2

Bạn có thể tăng công suất làm lạnh và đạt hiệu suất năng lượng cao hơn

Nâng cấp lên một máy điều hòa với công nghệ hiện đại nhất mang lại sự thoải mái nhiều hơn và hiệu suất năng lượng cao hơn.

R22 không inverter
dòng 7.6 kW

FHC26NUV1
R26NUV1
CSPF: 2.63

R32 inverter
dòng 14.0 kW

Sử dụng lại đường ống!

FCF140CVM
RZF140CVM
CSPF: 5.00



Những máy điều hòa với công suất cao hơn đảm bảo hiệu quả sử dụng tốt hơn khi hoạt động trong điều kiện nhiệt gia tăng phát ra từ các thiết bị văn phòng và người sử dụng.

Công nghệ

Công nghệ tiên tiến với việc sử dụng van tiết lưu điện tử chống ăn mòn, thiết bị trung hòa axit và độ tin cậy máy nén tăng lên giúp cho việc tận dụng đường ống hiện hữu mà không cần súc rửa đường ống để quá trình thay thế máy được đơn giản hóa

<p>Dầu bôi trơn máy cải tiến</p> <p>Một chất trung hòa axit được bổ sung vào để loại bỏ axit (ion clo), tác nhân gây ra ăn mòn</p> <p>Axit (ion clo) Chất trung hòa axit Ống gas</p>	<p>Van tiết lưu điện tử chống ăn mòn cao</p>	<p>Máy nén có độ tin cậy cao</p> <p>Sự bền của máy nén tăng lên bằng việc lắp đặt một bộ lọc hoặc bình tách lỏng để thu tạp chất.</p> <p>Máy lọc hoặc ắc quy Máy nén</p>
---	---	---

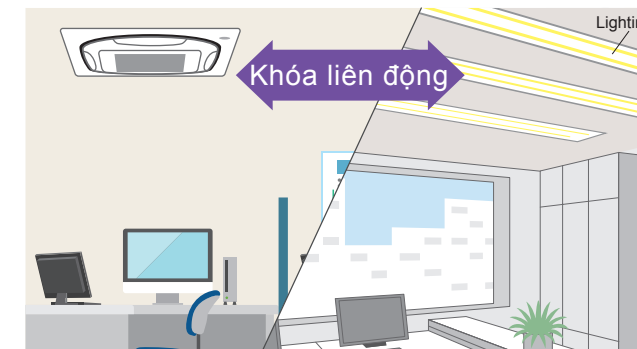
*Các điều kiện nghiêm ngặt được áp dụng, xin xem bảng ở trang 43 đối với các kích cỡ ống có thể chấp nhận để tái sử dụng.

Thiết kế linh hoạt

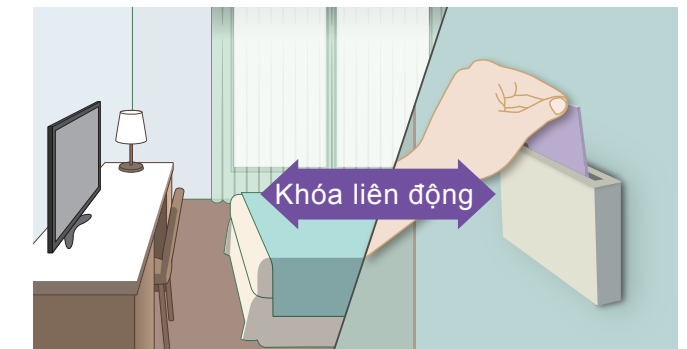
Có thể điều khiển cơ chế vận hành BẬT - TẮT bằng lệnh điều khiển bên ngoài

*Cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa
*Ngoại trừ dòng FFF và FDF

Loại dàn cassette thổi đa hướng



Dàn lạnh nối ống gió với áp suất tĩnh trung bình



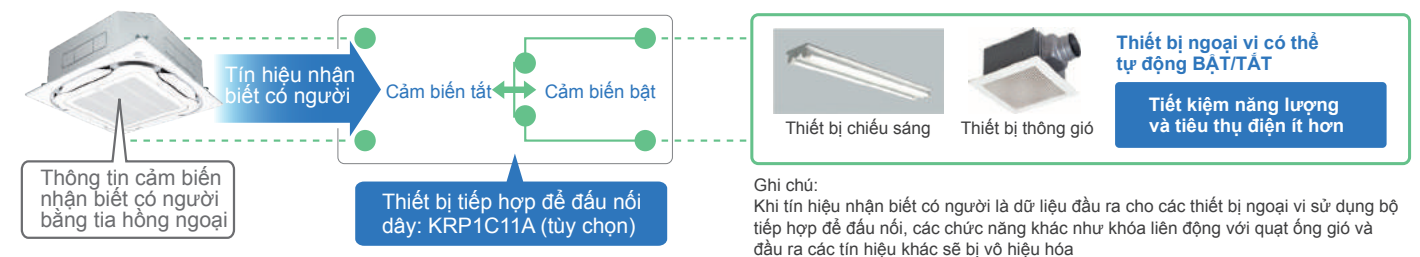
Khóa liên động các thiết bị ngoại vi (chỉ có ở dòng FCF-C)

Điện năng được tiết kiệm thông qua khóa liên động* của các thiết bị ngoại vi như đèn với cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại

* Để đấu dây thiết bị tiếp hợp tùy chọn cần sử dụng KRP1C11A

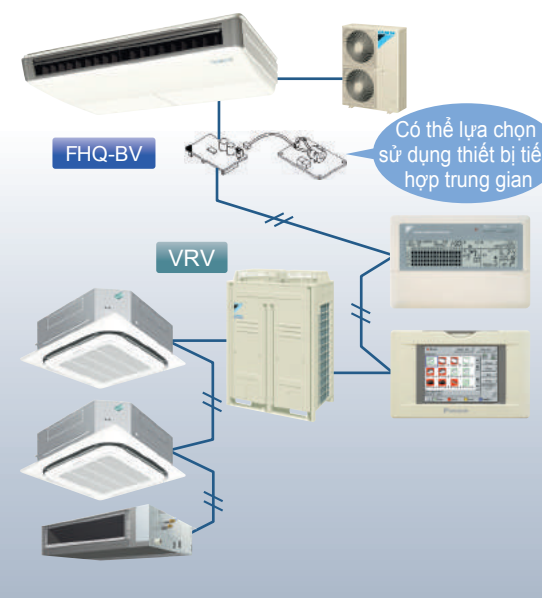
Cảm biến tia hồng ngoại nhận biết sự hiện diện của con người được tích hợp trên mặt nạ cảm biến, và tín hiệu phát hiện con người có thể được phát ra và khóa liên động cùng với các thiết bị ngoại vi như thông gió và chiếu sáng.

Chế độ khóa liên động cảm biến
Tín hiệu nhận biết có người của cảm biến tia hồng ngoại có thể BẬT/TẮT các thiết bị ngoại vi mà không cần khóa liên động với việc hoạt động/tạm ngưng của máy điều hòa (BẬT/TẮT).

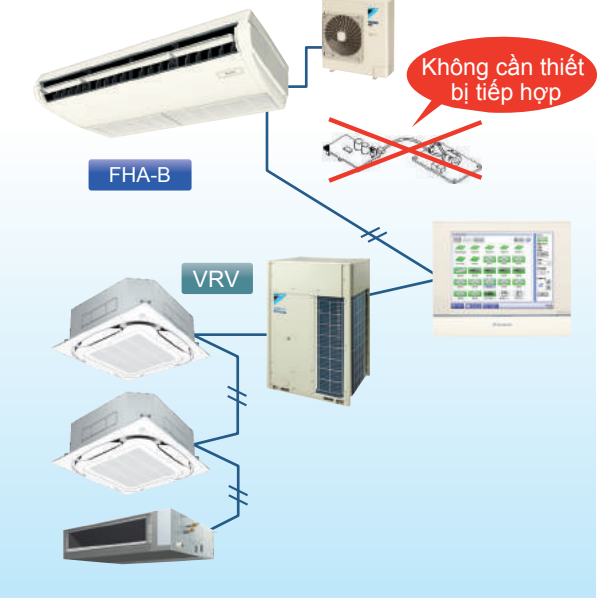


Dàn lạnh (FCF, FBA, FHA và FVA) có thể kết nối với chuẩn DIII-Net

Dàn lạnh trước đây



Dàn lạnh mới



Việc dễ dàng kết nối DIII-Net tiêu chuẩn và chiều dài ống mang đến các dàn lạnh thích hợp cho các công trình dự án sử dụng hệ thống VRV và SkyAir

Kiểm soát luồng gió thông minh

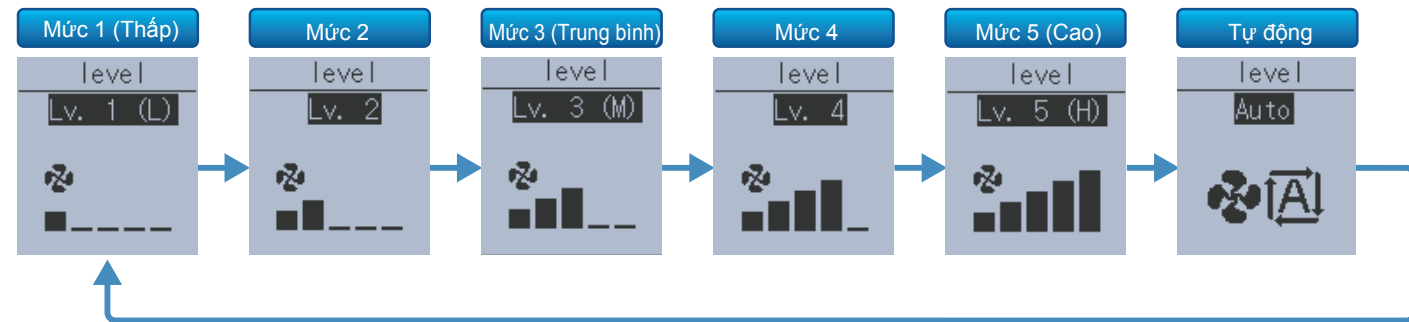
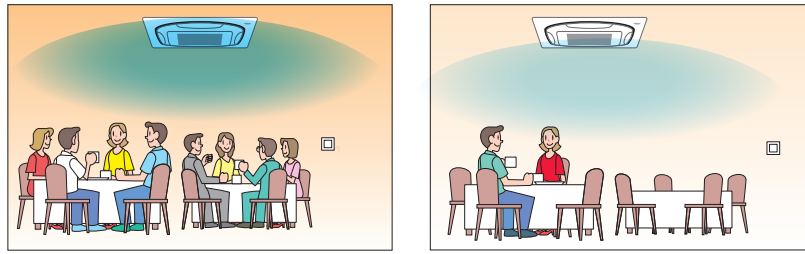
Các dàn lạnh có thể cung cấp chế độ 5 và 3 bước kiểm soát lưu lượng gió

5 bước: dòng FCF và FHA
3 bước: dòng FBA

Đảm bảo sự thoải mái nhờ chế độ lưu lượng gió "tự động" phù hợp với mức tải

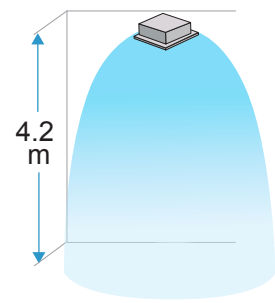
*Ngoại trừ dòng FFF và FDF

Hiệu suất năng lượng tiện lợi cho các cửa hàng vào các thời điểm cao điểm và vắng khách.

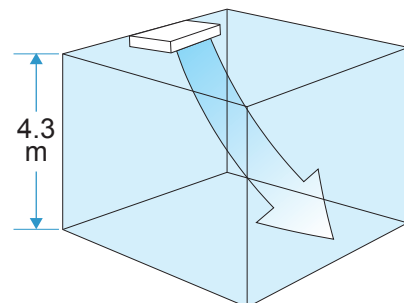


Tiện lợi cho các trần nhà cao và không gian mở với khoảng cách thổi xa

Loại cassette <Đa Hướng Thổi>: Loại áp trần: tối đa 4.3 m
tối đa 4.2 m



Xem trang 29



Xem trang 40

*Cài đặt tại chỗ với điều khiển từ xa



Tiết kiệm hơn hoặc thoải mái hơn trong các trường hợp đặc biệt

Chỉ có ở dòng RZF

Chế độ nhiệt hiện cao giúp tiết kiệm điện nhiều hơn



Ở các nơi như phòng máy chủ đơn giản khi việc hút ẩm không cần thiết thì sử dụng chế độ "Nhiệt hiện cao" giúp tiết kiệm nhiều điện năng hơn.

*Chức năng này có ở dòng RZF-C. Cài đặt tại chỗ với điều khiển từ xa

Chế độ làm lạnh hút ẩm cao giúp mang lại cảm giác thoải mái hơn



Trong nhà hàng và các không gian khác nơi có đông người tụ tập, chế độ "Làm lạnh hút ẩm cao" giúp giảm độ ẩm và mang lại cảm giác dễ chịu hơn.

*Chức năng này có ở dòng RZF-100-140CVM, 71-140CYM. Cài đặt tại chỗ trên dàn nóng

Chi tiết đặc tính kỹ thuật sản phẩm

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Đa Hướng Thổi>	FCF-C Series		Trang 23
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI NHỎ GỌN	FFF-B Series		Trang 33
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN NÓI ỒNG GIÓ MỎNG	FDF-B Series		Trang 35
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN NÓI ỒNG GIÓ ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH	FBA-B Series		Trang 37
DÀN LẠNH ÁP TRẦN	FHA-B Series		Trang 39
DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG	FVA-A Series		Trang 41
DÀN NÓNG	RZF-C Series RZA-B Series		Trang 43
ĐIỀU KHIỂN TỪ XA			Trang 45

Chuẩn mực mới từ dàn lạnh Cassette thổi gió đồng nhất 360°



Tùy chọn

Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển có dây)



BRC1E63

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt

Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu



Một chiều lạnh
(Màu trắng)
BRC7M635F
(Màu trắng)
BRC7M635K
(Màu đen)

Hai chiều
lạnh/sưởi
(Màu trắng)
BRC7M634F
(Màu trắng)
BRC7M634K
(Màu đen)



Đơn vị nhận tín hiệu
(Loại đã cài đặt)

Bộ điều khiển từ xa không dây được cung cấp trong bộ có bộ thu tín hiệu.

Các loại mặt nạ



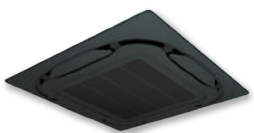
Mặt nạ tiêu chuẩn với cảm biến (Màu trắng)



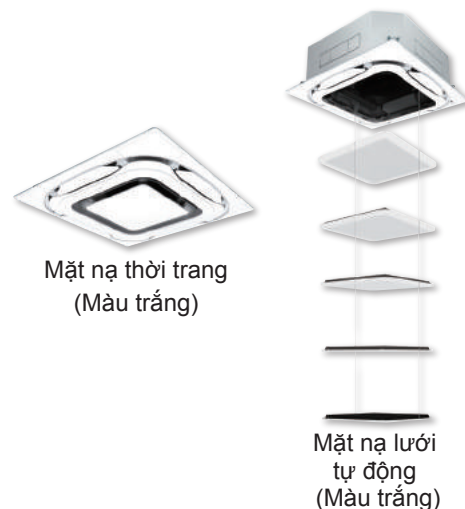
Mặt nạ tiêu chuẩn (Màu trắng)



Mặt nạ tiêu chuẩn với cảm biến (Màu đen)



Mặt nạ tiêu chuẩn (Màu đen)



Mặt nạ lưới tự động (Màu trắng)

Xem trang 3-8 để biết các chức năng mới của dàn cassette thổi đa hướng

Video Cassette đa hướng thổi mới trên kênh YouTube chính thức của Daikin



Luồng gió tuần hoàn

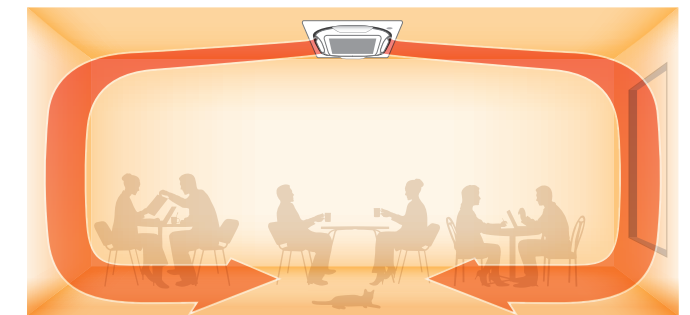
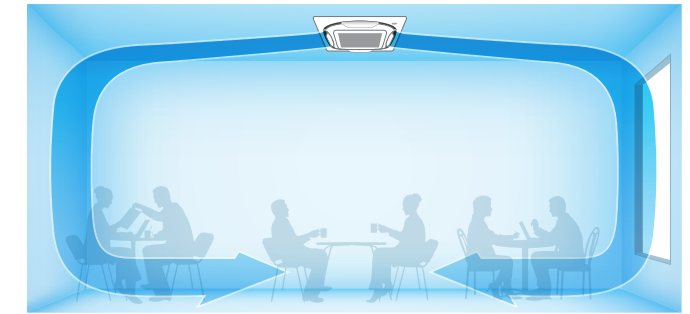
Làm lạnh toàn bộ phòng mang lại cảm giác sảng khoái mà không cảm thấy quá lạnh.

Chế độ làm lạnh thực hiện lặp đi lặp lại các bước sau khi khởi động

- Thổi ngang 2 hướng
- ↓ Đào gió 4 hướng
- Thổi ngang 2 hướng (đổi hướng)
- ↓ Đào gió 4 hướng

Chế độ sưởi ấm thực hiện lặp đi lặp lại các bước sau khi khởi động

- Thổi ngang 2 hướng
- ↓ Thổi gió 4 hướng từ trên xuống
- Thổi ngang 2 hướng (đổi hướng)
- ↓ Thổi gió 4 hướng từ trên xuống



Điều khiển hướng gió đơn

Hướng gió có thể được điều chỉnh cho từng miệng gió để mang lại sự phân phối gió tối ưu phù hợp với các điều kiện hướng gió (mức tải lớn và nhỏ)

Có thể lựa chọn các vị trí 0 đến 4, đảo gió, và không cài đặt độc lập.



360° Airflow

Phân bố nhiệt độ đồng đều



Luồng gió phân bố đồng đều tạo cảm giác dễ chịu khắp phòng

Mức độ thoải mái trong phòng không đổi khi nhiệt độ cài đặt tăng 1°C

Thoải mái tối đa

Các kiểu luồng gió có thể lựa chọn

Gió được thổi ra từ miệng gió ở các góc tạo cảm giác dễ chịu, sảng khoái khắp phòng.

Các kiểu thổi gió điển hình Có tổng cộng 18 kiểu thổi gió.

Thổi đa hướng



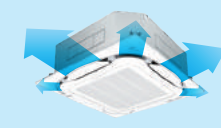
(Ví dụ: Máy được lắp ở giữa trần)

Thổi 3 hướng



(Ví dụ: Máy được lắp gần tường)

Thổi 2 hướng hình chữ L



(Ví dụ: Máy được lắp trong góc)

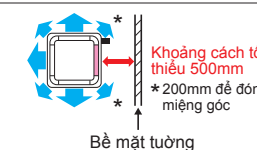
Thổi 2 hướng đối lưu



(Ví dụ: Máy được lắp trong phòng dài)

Cũng có thể thổi 4 hướng

Khoảng cách đến tường cần thiết để đóng miệng gió



Bề mặt tường

Khoảng cách tối thiểu 500mm

* 200mm để đóng miệng góc

Lưu ý:

- Một kiểu mặt nạ được sử dụng dành cho tất cả các kiểu thổi. Nếu lắp đặt các kiểu khác ngoài kiểu thổi đa hướng, cần sử dụng tấm chắn miệng gió (phụ kiện tùy chọn) để che các miệng gió không sử dụng.
- Độ ồn tăng khi sử dụng thổi 2 hướng hoặc 3 hướng.
- Mặt nạ thời trang không thể thổi 2 hướng và 3 hướng

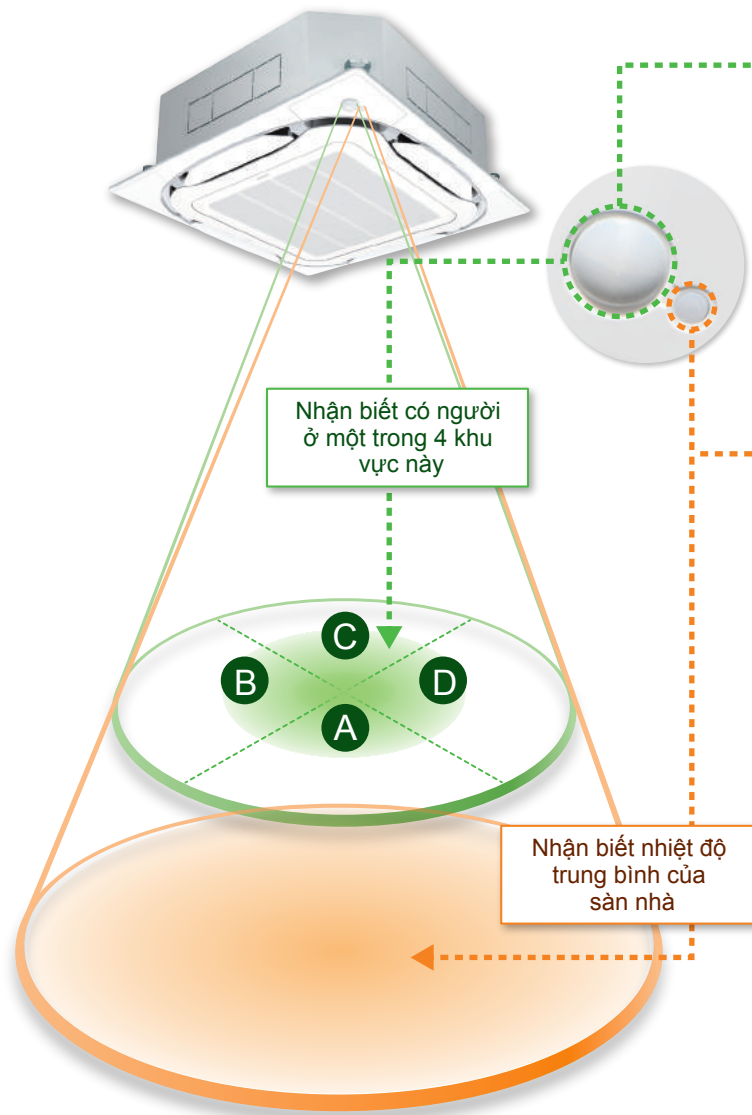
Công nghệ cảm biến Daikin*1,2

*1. Áp dụng khi mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/EEK) được lắp đặt.
*2. Áp dụng khi điều khiển từ xa có dây BRC1E63 được sử dụng.



Cảm biến kép

■ Cảm biến kép và điều khiển luồng gió độc lập giúp cho việc kiểm soát luồng gió tối ưu một cách tự động.



Cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết có người ở một trong 4 khu vực.

Chiều cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính) ³	Khoảng 8.5m	Khoảng 11.5m	Khoảng 13.5m

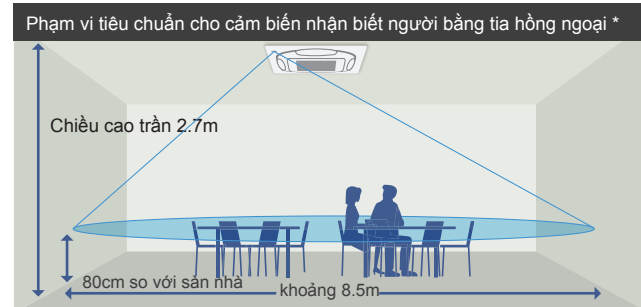
³. Cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại có thể nhận biết ở khoảng cách 80cm so với sàn nhà

Cảm biến sàn nhà bằng tia hồng ngoại

Cảm biến nhận biết nhiệt độ sàn nhà và tự động điều chỉnh hoạt động dàn lạnh để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa trần nhà và sàn nhà.

Chiều cao trần nhà	2.7m	3.5m	4.0m
Khoảng cách nhận biết (đường kính) ⁴	Khoảng 11m	Khoảng 14m	Khoảng 16m

⁴. Cảm biến hồng ngoại phát hiện ở bề mặt sàn.



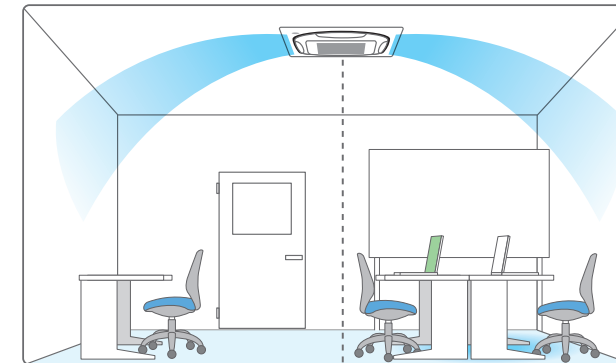
*[Liên quan đến cảm biến nhận biết người bằng tia hồng ngoại]
- Nhận biết người bằng các chuyển động mạnh như người bước đi cách cảm biến ở một khoảng cách nhất định.
- Cảm biến không thể nhận biết có người khi nằm trong các khu vực điểm mù.
- Lưu ý khi sử dụng cảm biến sàn nhà bằng tia hồng ngoại.
- Nhiệt độ nhận biết có thể bị ảnh hưởng bởi các nguồn nhiệt khác, cửa sổ hoặc các thiết bị phát nhiệt trong phạm vi nhận biết.

Chức năng luồng gió tự động*5

*5. Hướng gió nên được cài đặt ở chế độ "Tự động".

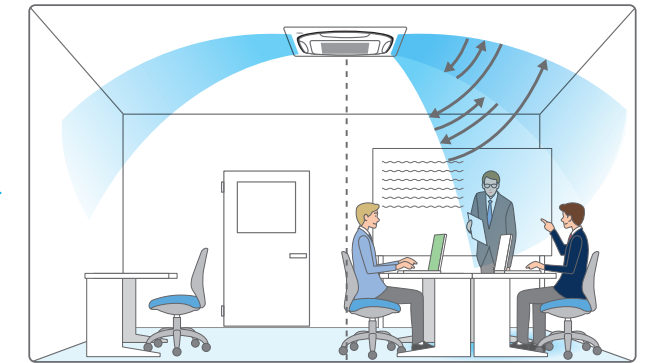
Luồng gió trực tiếp (mặc định: TẮT) Làm lạnh Làm khô

Khi không phát hiện người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động"

Khi phát hiện có người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động"

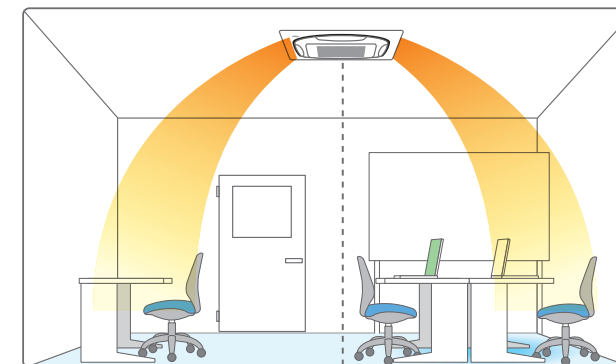
Đào gió (hợp)

- Với chế độ hướng gió "Tự động", các miệng gió được điều khiển mang lại luồng gió tối ưu khi phòng không có người.

- Khi nhận biết có người, hướng gió chuyển sang cài đặt "Đào gió (hợp)" để thổi gió mát đến người dùng.

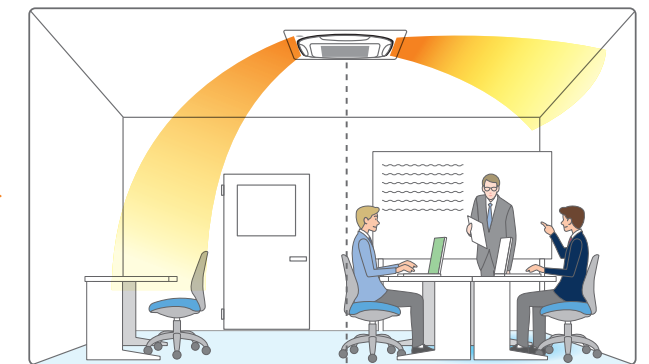
Ngăn gió lùa (mặc định: TẮT) Sưởi ấm

Khi không phát hiện người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động"

Khi có người



Hướng gió tối ưu bằng chế độ "Tự động"

Thổi gió ngang

- Với chế độ hướng gió "Tự động", các cửa gió được điều khiển mang lại luồng gió tối ưu khi phòng không có người.

- Khi có người, gió lùa được ngăn lại bằng cách điều chỉnh cửa gió thổi ngang.

- Khi nhận biết không có người trong vòng 5 phút, máy tự động trả lại chế độ điều khiển cửa gió cho phòng không có người.

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Đa Hướng Thổi>

Công nghệ cảm biến Daikin*1,2

*1. Áp dụng khi lắp đặt mặt nạ cảm biến (BYCQ125EEF/EEK)
*2. Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa BRC1E63

Sáng Khoái và Tiết Kiệm Năng Lượng Ngăn Tình Trạng Quá Lạnh/Quá Nóng*6

*6. Hướng gió và tốc độ gió nên được chỉnh ở chế độ "Tự động"

Nhận biết nhiệt độ sàn và ngăn tình trạng quá lạnh.

Làm lạnh

Không có chức năng cảm biến

Nhận biết nhiệt độ phòng ở 30°C.

30°C gần trần nhà

20°C gần sàn nhà

Tiết kiệm năng lượng

Nhiệt độ gần người được tự động tính toán bằng cách nhận biết nhiệt độ sàn. Năng lượng được tiết kiệm vì khu vực xung quanh bàn chân không bị quá lạnh.

Với chức năng cảm biến

Nhiệt độ phòng được tính ở mức 27°C tại khu vực xung quanh người

30°C gần trần nhà

24°C gần sàn nhà

Nhiệt độ sàn nhà thấp hơn nhiệt độ gần trần nhà được cảm biến nhận biết

Điều khiển nhiệt độ tự động sử dụng nhiệt độ gần người như là nhiệt độ phòng

Bàn chân được giữ ấm và thoải mái khi giảm bớt gió lùa khó chịu

Sưởi ấm

Không có chức năng cảm biến

Khi gió thổi ngang...

Gió lùa được giảm thiểu nhưng bàn chân bị lạnh

17°C gần sàn nhà

Bàn chân bị lạnh vì gió thổi tập trung gần trần nhà. Khu vực gần sàn nhà không đạt nhiệt độ cài đặt và bàn chân cảm thấy lạnh.

Vi lý do này, chúng tôi phải tăng nhiệt độ cài đặt.

Khi gió thổi từ trên xuống...

Bàn chân thì ấm nhưng gió lùa mạnh

20°C gần sàn nhà

Gió lùa gây cảm giác không thoải mái vì thổi từ trên xuống. Để tránh gió lùa, hướng gió được thay đổi sang thổi ngang và bàn chân sẽ bị lạnh.

Có chức năng cảm biến

20°C gần sàn nhà

Nhiệt độ sàn nhà thấp hơn được cảm biến nhận biết và gió thổi từ trên xuống những khu vực không có người

Để giảm gió lùa, gió được thổi ngang khi cảm biến nhận biết có người

Tạo cảm giác thoải mái vì gió lùa giảm đi và khu vực xung quanh bàn chân được sưởi ấm

Tiết kiệm năng lượng

Giúp tránh việc người dùng tăng nhiệt độ quá cao bởi vì lúc này được sưởi ấm từ bàn chân.

Nhằm tăng sự thoải mái, chế độ lưu lượng gió tự động điều khiển luồng gió tương ứng với mức chênh lệch nhiệt độ giữa trần nhà và sàn nhà.

Khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ trần nhà và sàn nhà, lưu lượng gió tự động tăng. Khi chênh lệch nhiệt độ nhỏ, lưu lượng gió tự động giảm.

Chức năng cảm biến nhận biết*8,9

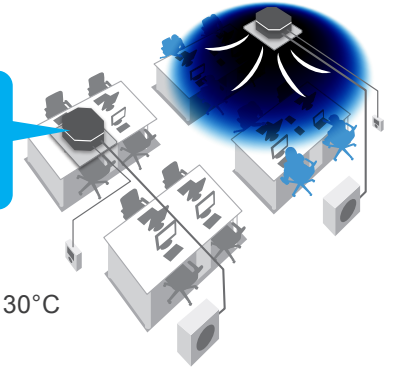
*8. Không có các chức năng này khi sử dụng điều khiển nhòm.
*9. Người dùng có thể cài đặt những tính năng này bằng điều khiển từ xa

Chế độ cảm biến giảm nhiệt độ (mặc định: TẮT)

Khi không có người trong phòng, nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh.

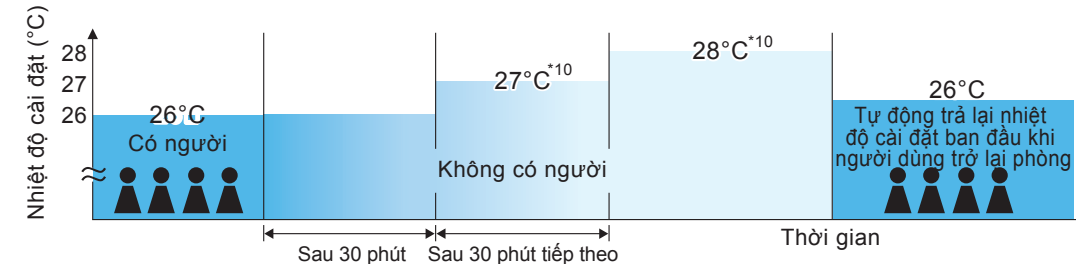
- Hệ thống tự động tiết kiệm năng lượng bằng việc nhận biết phòng có người hay không. Nhiệt độ cài đặt được tự động điều chỉnh khi phòng không có người.

Giảm hoạt động ở những nơi không có người.



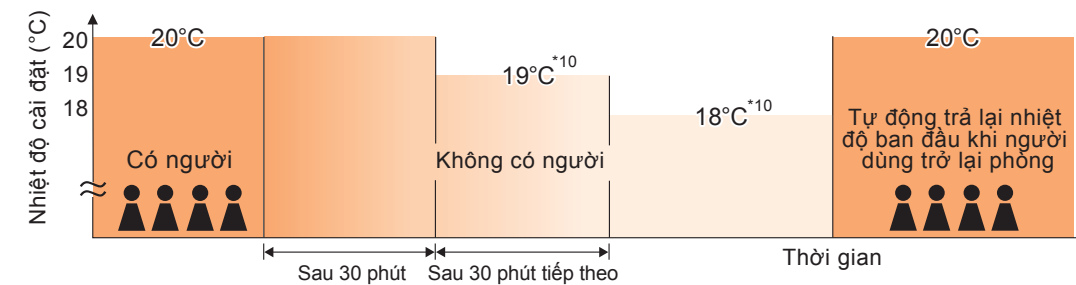
Ví dụ

- Nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 26°C
- Biên độ nhiệt điều chỉnh: 1.0°C
- Thời gian điều chỉnh: 30 phút
- Giới hạn nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 30°C



Ví dụ

- Nhiệt độ cài đặt làm lạnh: 20°C
- Biên độ nhiệt điều chỉnh: 1.0°C
- Thời gian điều chỉnh: 30 phút
- Giới hạn nhiệt độ cài đặt sưởi ấm: 16°C



Biên độ nhiệt và thời gian có thể được lựa chọn từ 0.5 đến 4 độ C với mức tăng lũy tiến 0.5 độ C và 15, 30, 45, 60, 90 hoặc 120 phút tương ứng bằng điều khiển từ xa.

*10. Trên màn hình chính của điều khiển từ xa, nhiệt độ cài đặt không thay đổi.

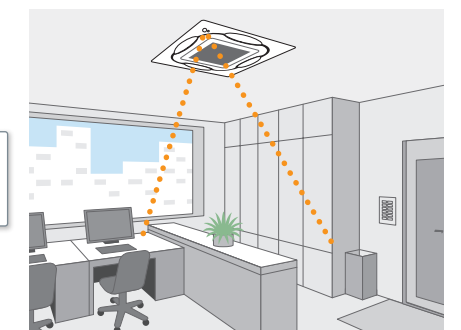
Chế độ cảm biến ngưng hoạt động (mặc định: TẮT)

Khi không có người trong phòng, hệ thống tự động ngưng hoạt động.*11,12

- Hệ thống tự động tiết kiệm năng lượng bằng cách nhận biết phòng có người hay không.
- Dựa trên điều kiện sử dụng được cài đặt sẵn, hệ thống tự động ngưng hoạt động nếu phòng không có người.

Thời gian ngưng hoạt động khi không có người có thể tùy chọn từ 1 đến 24 giờ với mức lũy tiến 1 giờ bằng điều khiển từ xa.

*11. Lưu ý rằng khi người dùng trở lại phòng, máy điều hòa sẽ không tự động bật lên.
*12. Để bảo vệ máy, hệ thống có thể tạm thời hoạt động ở chế độ dừng chờ

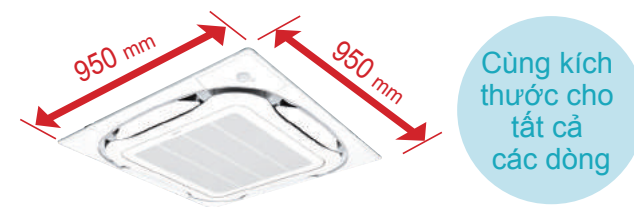


DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Đa Hướng Thổi>

Sáng khoái

Mặt nạ vuông đồng nhất

Mặt nạ cùng kích cỡ cho tất cả các dòng máy. Điều này giúp cho việc duy trì tính thẩm mỹ gọn gàng khi lắp đặt nhiều thiết bị trong cùng một phòng.



Tiện lợi và sáng khoái tối ưu từ 3 chế độ đảo gió

Hướng gió	Cài đặt tiêu chuẩn ¹	Cài đặt ngăn gió lùa (cài đặt tại chỗ)	Cài đặt chống bắn trần ² (cài đặt tại chỗ)
Hướng gió theo mong muốn	Sử dụng cho các mảng gió nhẹ	Khi không thích gió lùa.	Khuyến khích sử dụng cho các cửa hàng có trần màu sáng cần giữ sạch.
Đảo gió tự động			
Cài đặt hướng thổi 5 mức độ			
Ngăn gió lùa (theo chế độ sưởi)		Ở chế độ bắt đầu sưởi và bộ cảm biến nhiệt TẮT, hướng thổi gió được cài đặt tự động gần theo phương ngang để ngăn việc tiếp xúc trực tiếp với các luồng gió lùa.	
Điều khiển hướng thổi tự động		Tự động phục hồi hướng thổi đã cài đặt.	

Chú ý:
¹Hướng thổi được cài đặt ở vị trí chuẩn khi dàn lạnh được giao từ nhà máy. Vị trí này có thể thay đổi bằng điều khiển từ xa.
²Nên đóng các miệng gió ở góc dàn lạnh.

Tốc độ quạt có thể thay đổi: 5 bước và tự động

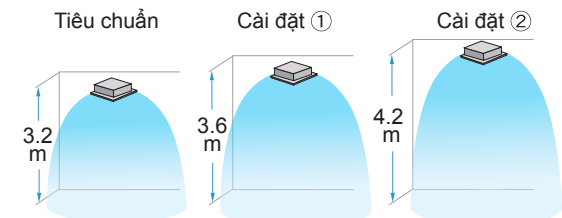
Việc điều khiển lưu lượng gió được tăng từ 3 bước lên 5 bước. Chức năng lưu lượng gió tự động là chức năng mới ở dàn lạnh này.

Vận hành êm ái

Dàn lạnh	Độ ồn				
	H	HM	M	ML	L
50-71C	37.0	34.5	32.0	29.5	27.5
100C	45.0	41.5	38.0	35.0	32.5
125/140C	46.0	43.0	40.0	36.0	32.5

Thích hợp với các trần nhà cao

Ngay cả trong các không gian với trần nhà cao, luồng gió được điều chỉnh thổi xuống đến mặt sàn.



Khi chế độ thổi đa hướng được lựa chọn thì gió có thể thổi được đến các trần nhà ở độ cao 4,2m (100-140C)

■ Chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và số lượng miệng gió (Chiều cao trần chỉ là các giá trị tham khảo)

Chiều cao trần nhà	Tiêu chuẩn	Số lượng miệng gió được sử dụng						
		50-71C				100-140C		
		Thời đa hướng	Thời 4 hướng	Thời 3 hướng	Thời 2 hướng	Thời đa hướng	Thời 3 hướng	
Trần cao ①	3.0 m	3.4 m	3.3 m	3.8 m	3.6 m	3.9 m	4.0 m	4.2 m
Trần cao ②	3.5 m	4.0 m	3.5 m	—	4.2 m	4.5 m	4.2 m	—

Chú ý:
 .Những giá trị nêu trên dành cho các mặt nạ tiêu chuẩn. Vui lòng xem hướng dẫn cài đặt cho các mặt nạ thời trang.
 Cài đặt của nhà máy dành cho chiều cao trần nhà tiêu chuẩn và luồng gió thổi đa hướng.
 .Các cài đặt cho trần nhà cao mức (1) và (2) được cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa
 .Các bộ lọc hiệu suất cao không có trong các ứng dụng trần nhà cao.

Sạch sẽ

Máng nước xả ion bạc kháng khuẩn

Phương pháp kháng khuẩn được tích hợp trong dàn lạnh, sử dụng ion bạc trong máng nước xả để ngăn sự phát triển của các chất nhờn, vi khuẩn, nấm mốc gây ra mùi hôi và tắc nghẽn. (Tuổi thọ của ống ion bạc phụ thuộc vào môi trường sử dụng, nhưng 2 đến 3 năm nên thay một lần.)



Cánh đảo gió không có gờ

Các cánh đảo gió có thể được tháo rời mà không cần dùng công cụ. Tránh hiện tượng ngưng tụ, ngăn cản bụi bẩn bám vào cánh đảo gió. Dễ dàng vệ sinh.



Phin lọc được xử lý kháng khuẩn và chống mốc

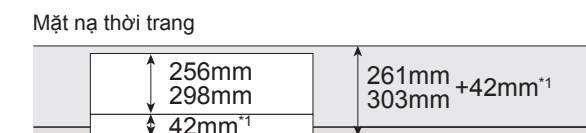
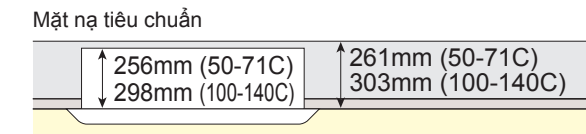
Ngăn mốc và các vi sinh phát triển từ bụi và hơi ẩm bám vào bộ lọc

Lắp đặt dễ dàng và nhanh chóng

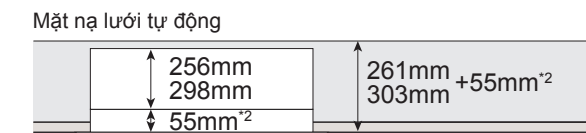
Gọn nhẹ

Tất cả các dòng đều có thể lắp đặt mà không cần sử dụng thiết bị nâng.

Có thể lắp đặt ở các trần nhà hẹp



*1. Chiều cao thân máy (không gian trần nhà yêu cầu) cao hơn 42mm so với mặt nạ tiêu chuẩn

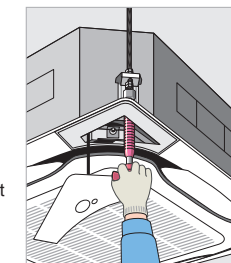


*2. Chiều cao thân máy (không gian trần nhà yêu cầu) cao hơn 55mm so với mặt nạ tiêu chuẩn.

*Khi không gian trần nhà hạn chế thì có thể lựa chọn sử dụng đệm mặt nạ (xem trang 28).

Điều chỉnh độ cao dễ dàng

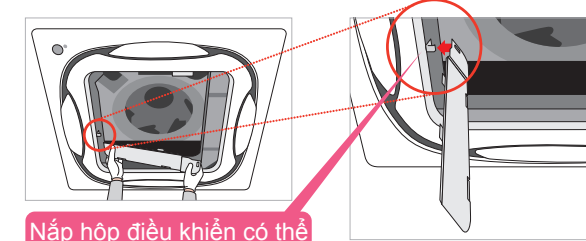
Mỗi góc máy đều có một vít điều chỉnh giúp cho việc điều chỉnh độ cao áp trần của máy trở nên dễ dàng.



Lưu ý:
 Nếu có lắp đặt điều khiển từ xa thì một bộ thu tín hiệu sẽ được đặt ở một trong các vít điều chỉnh này.

Gắn tạm thời nắp hộp điều khiển

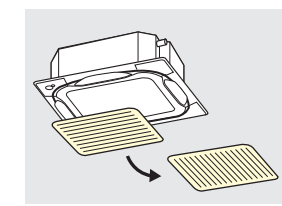
Nắp hộp điều khiển có thể gắn tạm thời trên dàn lạnh, không cần phải leo xuống thang để lấy nắp.



Nắp hộp điều khiển có thể treo vào móc khi tháo ra

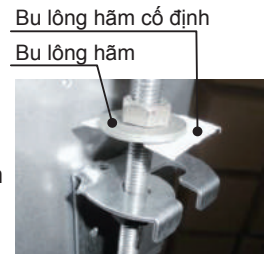
Lắp đặt ở bất kỳ vị trí nào

Vì hướng của lưới hút gió có thể điều chỉnh sau khi lắp đặt nên có thể chỉnh đồng nhất khe của hướng lưới khi lắp đặt nhiều dàn.



Treo dễ dàng

Các tấm cố định vòng đệm giúp giữ cố định vòng đệm và ngăn vòng đệm rơi xuống, giúp việc lắp đặt dễ dàng.



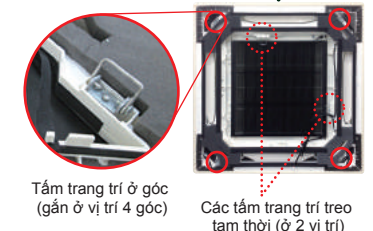
Tháo nắp đậy góc dễ dàng

Có thể dễ dàng tháo nắp đậy góc mà không cần sử dụng vít hoặc công cụ.



Dễ dàng gắn tạm thời mặt nạ trang trí

Bên cạnh các tấm trang trí gắn tạm thời ở 2 vị trí thường sử dụng, các tấm trang trí gấp ở 4 góc cũng được cung cấp.

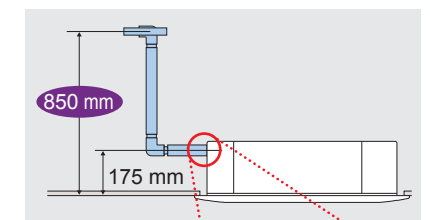


Tấm trang trí ở góc (gắn ở vị trí 4 góc)

Các tấm trang trí treo tạm thời (ở 2 vị trí)

Hệ thống bơm nước xả

Hệ thống bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn của máy với độ nâng 850 mm

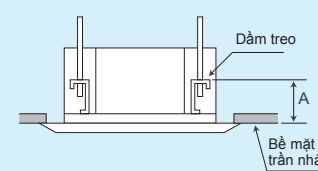


Đầu nối ống nước xả trong suốt



Điều chỉnh độ cao móc treo

Vì cấu trúc dầm treo thay đổi, các kích thước từ trần nhà đến dầm treo cũng thay đổi khi điều chỉnh độ cao từng dàn lạnh.



Mặt nạ tiêu chuẩn	Kích thước
Mặt nạ thời trang	125-130mm
Mặt nạ lưới tự động	167-172mm
Tùy chọn khoảng* + mặt nạ tiêu chuẩn	175-180mm

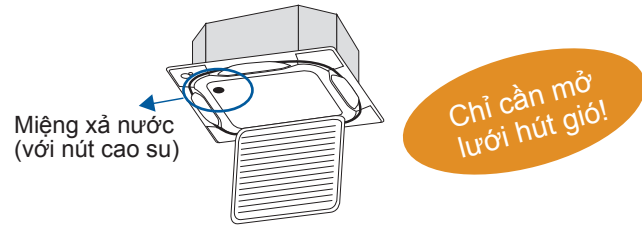
*Phin lọc hiệu suất cao, phin lọc siêu bền và cửa lấy gió sạch

Để dàng bảo dưỡng

Tình trạng máng nước xả và nước xả

Có thể kiểm tra tình trạng của máng nước xả và nước xả bằng cách mở nút nước xả và lưới hút gió.

Chú ý: Đối với các yêu cầu liên quan đến việc lắp đặt mặt nạ lưới tự động, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng địa phương hoặc đại diện Daikin.

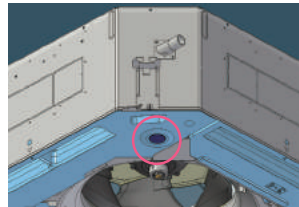


Miệng xả nước (với nút cao su)

Chỉ cần mở lưới hút gió!

Miệng xả nước 24mm

Miệng xả nước cho phép đưa một ngón tay hoặc một tấm gương nha khoa vào để kiểm tra máng nước xả có sạch không. Tháo lưới hút gió để có thể tiếp xúc miệng xả nước.



Mặt nạ lưới tự động (tùy chọn)

Việc vệ sinh lưới và phin lọc gió có thể được thực hiện mà không cần sử dụng thang leo bằng cách hạ độ cao lưới.

Điều khiển từ xa chuyên dụng cho mặt nạ lưới tự động (BRC16A2) được bao gồm trong máy. Không thể thực hiện được thao tác này với điều khiển BRC1E63.

Mức giảm độ cao tương ứng với độ cao trần nhà và có thể cài đặt với 8 mức độ khác nhau.

Tiêu chuẩn độ cao trần nhà (m)	Mức giảm độ cao
2.4	1.2
2.7	1.6
3.0	2.0
3.5	2.4
3.8	2.8
4.2	3.1
4.5	3.5
5.0*	3.9

*Phạm vi luồng gió là 4.5m. Vui lòng tham khảo "các tiêu chuẩn độ cao trần nhà và số lượng miệng gió" ở trang 25.



Phin lọc siêu bền (tùy chọn)

Xem trang 32

Không cần bảo dưỡng khi sử dụng trong các cửa hàng thông thường hoặc văn phòng trong thời gian lên đến bốn năm.

Nhận biết áp suất khí thấp

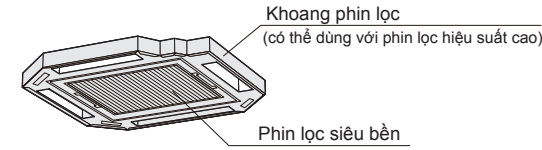


Tùy chọn

Các tùy chọn được yêu cầu cho các môi trường hoạt động khác nhau.

Phin lọc siêu bền

Ngay cả trong môi trường nhiều bụi mà máy điều hòa phải hoạt động liên tục, phin lọc siêu bền chỉ cần vệ sinh một năm một lần.

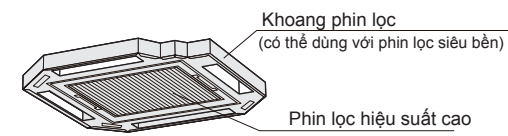


Môi trường nhiều bụi: Thay phin lọc hàng năm
*Đối với mật độ bụi 0,3mg/m³ (Cần bộ lọc không khí riêng biệt)
1 năm (khoảng 5.000 giờ) ≈ 15 giờ/ngày x 28 ngày/tháng x 12 tháng/năm

Cửa hàng hoặc văn phòng thông thường: Thay phin lọc 4 năm một lần
*Đối với mật độ bụi 0,15 mg/m³
4 năm (khoảng 10.000 giờ) ≈ 8 giờ/ngày x 25 ngày/tháng x 12 tháng/năm x 4 năm

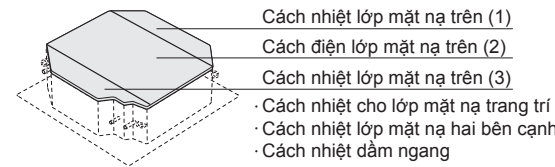
Phin lọc hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%.



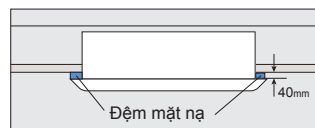
Bộ cách nhiệt khi độ ẩm cao

Hãy sử dụng bộ cách nhiệt khi bạn cho rằng nhiệt độ và độ ẩm bên trong tương ứng vượt quá 30°C và 80%



Đệm mặt nạ

Chỉ sử dụng khi có không gian tối thiểu giữa trần treo và tấm trần.



Chú ý: Một số cấu trúc trần nhà có thể gây khó khăn cho việc lắp đặt. Hãy liên hệ với Đại lý bán hàng của Daikin trước khi lắp đặt.

Tấm chắn miệng gió

Tấm chắn miệng gió ngăn gió thoát ra ở miệng gió không sử dụng đối với kiểu thổi gió 2 hướng hoặc 3 hướng.

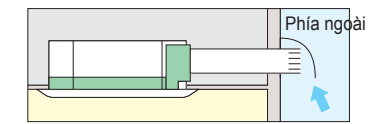
Ống nhánh

Khoang này cho phép bạn kết nối ống tròn linh hoạt với mở cửa xả khí bất cứ lúc nào sau khi lắp đặt.

Bộ nạp gió tươi

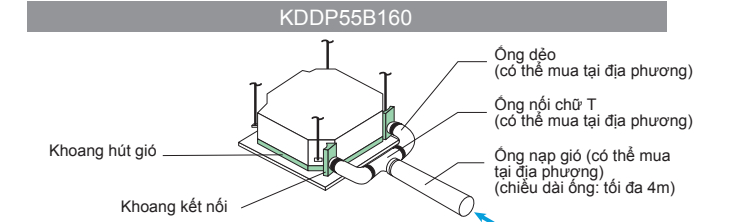
Ghi chú 1.2

Sử dụng bộ nạp gió tươi này, có thể lắp thêm ống dẫn để tăng khả năng hút không khí từ bên ngoài. Có hai loại khoang có thể nạp gió ở hai bộ phận: ống nối chữ T và không có ống nối chữ T.

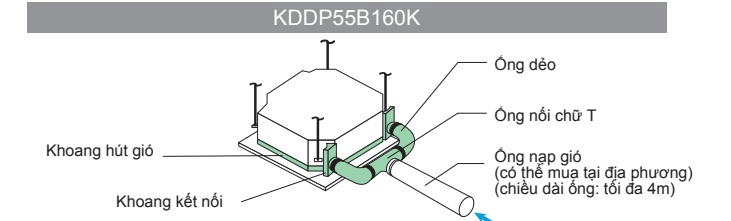


Máy có thể được lắp đặt theo các cách sau:

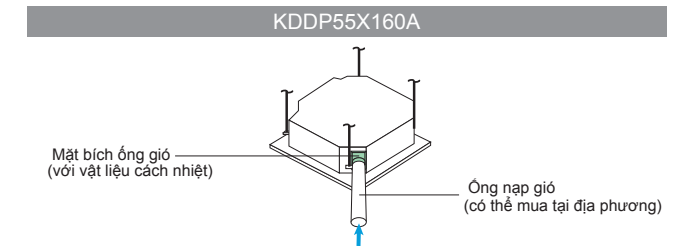
Loại khoang (không có ống nối chữ T) Ghi chú 3.4.5



Loại khoang (có ống nối chữ T) Ghi chú 3.4.5



Loại lắp trực tiếp Ghi chú 6



Ghi chú:

- Sử dụng các phụ kiện máy có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành.
- Các ống gió nối, quạt, lưới côn trùng, bộ chắn khói, bộ lọc gió và các phụ tùng khác nên mua tại địa phương nếu cần thiết.
- Khi mua quạt gió tại địa phương, cần có một khóa liên động với máy điều hòa. Phụ kiện tùy chọn PCB (KRP1C11A) cần cho việc khóa liên động.
- Khi lắp đặt bộ nạp gió tươi (loại khoang), hai góc miệng gió phải đóng.
- Nên giới hạn lưu lượng gió nạp qua bộ nạp khoảng 10% lưu lượng khí tối đa của dàn lạnh. Việc nạp lượng gió nhiều hơn có thể làm tăng tiếng ồn khi vận hành và ảnh hưởng đến việc điều hòa nhiệt độ.
- Lưu lượng gió tươi cho loại lắp trực tiếp thì tương đương 1% lượng gió dàn lạnh. Khi cần nhiều gió tươi hơn thì nên dùng loại khoang.

Kiểu dáng thanh lịch dễ dàng lắp đặt trong các tòa nhà cũ và mới



FFF50/60BV1



Tùy chọn

Phụ kiện yêu cầu cho dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa

(Điều khiển từ xa có dây)



BRC1E63

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt

Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu

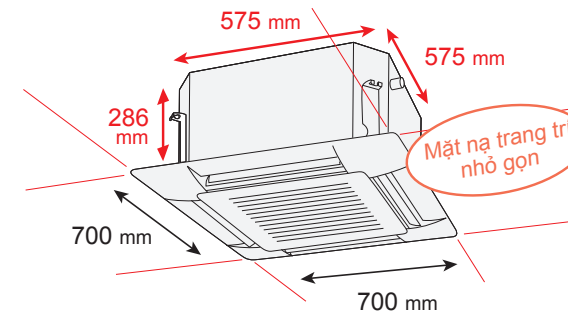


Một chiều lạnh BRC7E531W

Bộ thu tín hiệu (loại lắp sẵn)
Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ

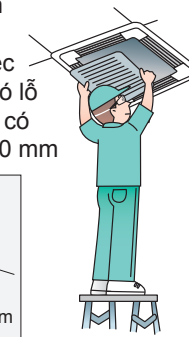
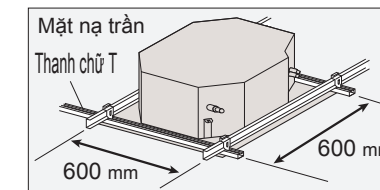
Nhỏ gọn

Thiết kế để lắp đặt vừa vặn vào khung trần rộng 600mm



Lắp đặt vừa vặn mà không cần lưới chữ T

Hộp điều khiển được lắp sẵn bên trong thân máy. Vì thế việc bảo dưỡng trở nên đơn giản bằng việc tháo mặt nạ gió hồi. Không cần có lỗ mở trần ngay cả đối với các máy có kích thước lớn hơn 600 mm x 600 mm



Vận hành êm ái

Quạt thổi êm ái, nhưng đường kính nhỏ

Đạt sự vận hành êm ái với thiết kế thân nhỏ gọn và nắp đậy dạng xoắn giúp giảm áp suất tĩnh bên trong dàn lạnh.

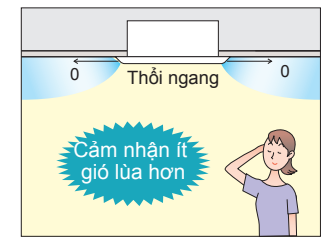


Nắp đậy dạng xoắn →

Dàn lạnh	Độ ồn dB(A)	
	Cao	Thấp
50/60B	41	32

Thoải mái

Thiết kế giúp giảm gió lùa



Sàng khoái lan tỏa đều khắp phòng

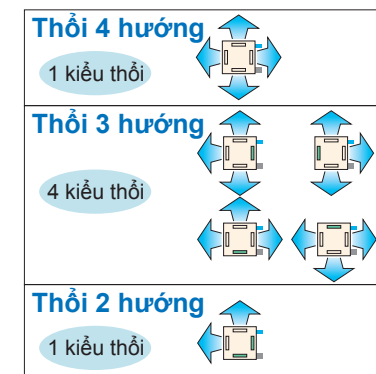
Vận hành đảo gió tự động phân phối không khí đều hơn

Hướng thổi gió có thể được điều chỉnh tùy theo điều kiện phòng

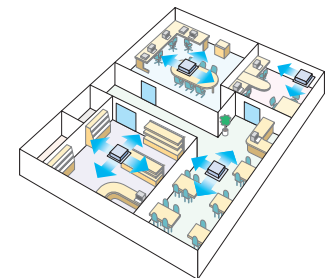
	Đảo gió tự động	Cài đặt hướng thổi 5 mức độ
Cài đặt tiêu chuẩn	Đảo gió tự động trong khoảng 0° và 60°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 0° và 60°
Cài đặt ngăn gió lùa (Cài đặt tại chỗ)	Đảo gió tự động trong khoảng 0° và 35°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 0° và 35°
Cài đặt ngăn trần (Cài đặt tại công trình)	Đảo gió tự động trong khoảng 25° và 60°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau giữa 25° và 60°

Ghi chú: Các góc được cung cấp ở trên mang tính chỉ dẫn

Hệ thống thổi 4 hướng



Hướng gió có thể lựa chọn tùy theo cách lắp đặt



"■" thể hiện ống chia ga
"■" ống xả " ■" thể hiện tấm chắn miệng gió (tùy chọn)

Ghi chú: Độ ồn khi vận hành tăng lên khi sử dụng chế độ thổi 2 hướng hoặc 3 hướng.

Ghi chú: Với kiểu lắp đặt thổi 3 hướng hoặc 2 hướng, tấm chắn miệng gió (tùy chọn) phải được sử dụng để đóng các miệng gió không dùng đến.

Hai cảm biến nhiệt có thể lựa chọn

Cả dàn lạnh và điều khiển từ xa có dây đều có các cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt có thể cài đặt ở dàn lạnh hoặc cài đặt gần khu vực mong muốn trên điều khiển từ xa có dây để tăng cảm giác sang khoái. Tính năng này cần được thợ lắp đặt cài đặt ngay từ đầu.

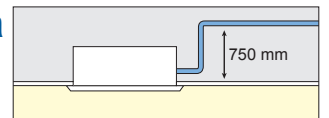
*Cảm biến nhiệt trên dàn lạnh phải được sử dụng khi máy điều hòa được điều khiển từ một phòng khác.
**Điều khiển từ xa không dây không có cảm biến nhiệt.

Tốc độ quạt có thể thay đổi: Cao/Thấp

Cài đặt chế độ gió cao giúp gió có thể được thổi tối đa, trong khi cài đặt chế độ gió thấp giúp giảm thiểu gió lùa.

Hệ thống bơm nước xả

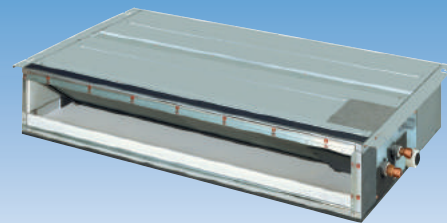
được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn của máy với độ nâng 750 mm.



Phù hợp với các trần nhà hẹp



FDF50/60BV1



Ghi chú: Vui lòng xem thông số kỹ thuật cho các đặc điểm luồng gió và áp suất tĩnh bên ngoài

Tùy chọn

Phụ kiện yêu cầu cho dàn lạnh

Điều khiển điều hướng từ xa

(Điều khiển từ xa có dây)



BRC1E3

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt

Tiêu chuẩn

Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu.

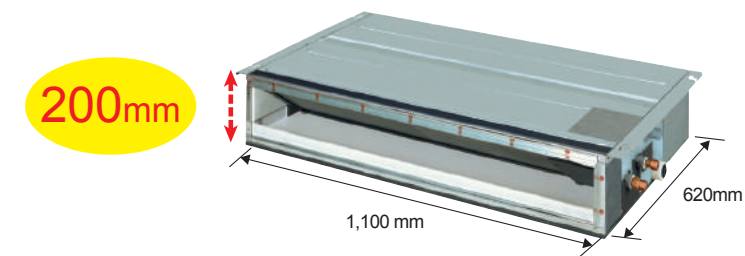


Một chiều lạnh BRC4C64

Bộ thu tín hiệu (loại lắp rời)
Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Thiết kế mỏng và nhỏ gọn

Chỉ cao 200 mm



Lắp đặt dễ dàng ở các vị trí trần nhà hẹp với chiều cao chỉ 240 mm.

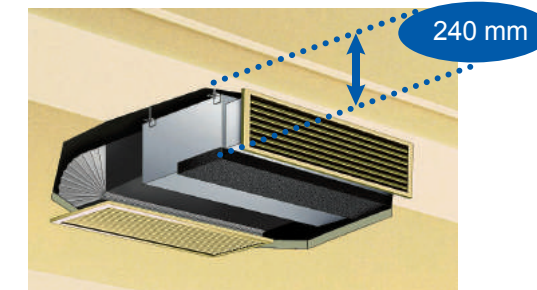
Dàn lạnh	FDF50B	FDF60B
Độ cao	200 mm	
Độ rộng	1,100 mm	
Độ sâu	620 mm	
Trọng lượng	30 kg	

Lắp đặt trong vách

Loại dàn lạnh nối ống gió mỏng có thể được giấu bên trong trần nhà giúp không gian bên ngoài gọn gàng. Việc lắp đặt này thích hợp cho các phòng khách với trần nhà thấp hoặc không gian nội thất cần giấu dàn lạnh. Các dòng FDF-B có chiều rộng 900 và 1,100 mm và giúp cho các dàn lạnh này trở nên lý tưởng trong các không gian hẹp. Tất cả các dòng có chiều cao 200 mm cần không gian chỉ 240 mm từ vị trí trần treo và phần trần nhà trống. Với những kích thước nhỏ gọn này, bất kỳ dàn lạnh nào cũng có thể dễ dàng lắp đặt trên các trần nhà hẹp.



Khe hút và lưới hút gió (các bộ phận mua được tại địa phương)
Cửa thoát khí

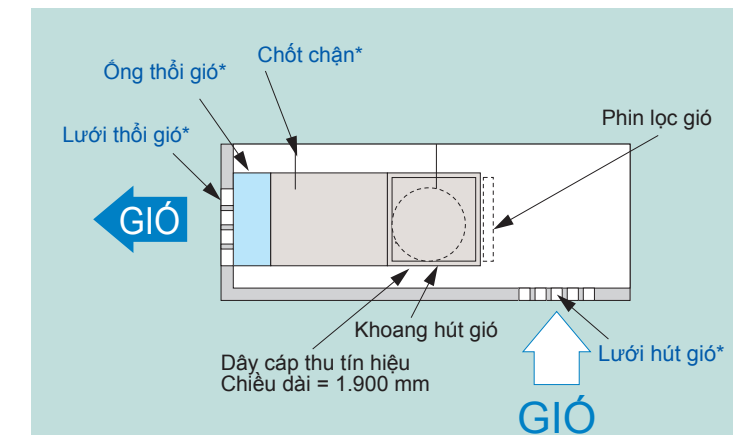


Lắp đặt hoàn thiện gọn gàng

Dấu hiệu nhận biết duy nhất của các dàn lạnh giấu trần này là các lưới gió.
Lưới gió lắp vừa vặn vào trần nhà giúp giữ nguyên thiết kế ban đầu của căn phòng.

Vận hành êm ái

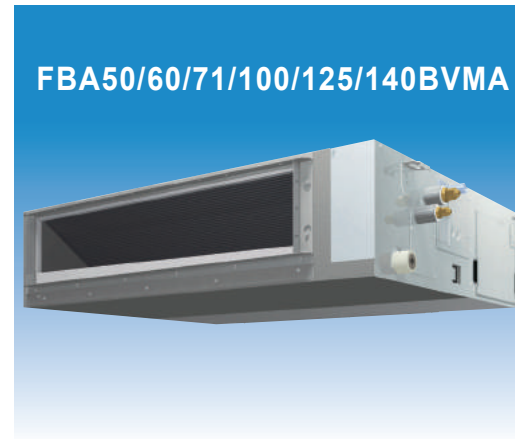
Dàn lạnh	Độ ồn dB(A)	
	Cao	Thấp
50/60B	38	34



*Các bộ phận có thể mua tại địa phương

Ghi chú:
1. Để ngăn tiếng ồn khi vận hành tăng, tránh lắp đặt lưới hút gió trực tiếp dưới khoang hút gió.
2. Lưới gió, mối nối ống, ống góp và các bộ phận lắp đặt khác nên mua tại địa phương. Các loại dàn lạnh nối ống gió không có bơm nước xả.

Thiết kế mỏng hơn làm tăng tính linh hoạt khi lắp đặt



Tùy chọn
Phụ kiện yêu cầu cho dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa
(Điều khiển từ xa có dây)

BRC1E63

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD không dây
Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu

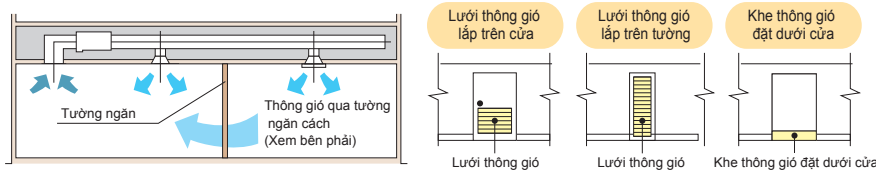
Một chiều lạnh **BRC4C66**
Hai chiều lạnh sưởi **BRC4C65**

Bộ thu tín hiệu
(Loại lắp rời)

Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Điều hòa không khí đồng thời cho hai phòng và lưu thông gió (thông gió mờ)

Khi bật điều hòa hai phòng cùng một lúc, lượng gió cấp cho từng phòng phải được tuần hoàn trở lại máy điều hòa. Để đảm bảo điều này, phải lắp đặt hệ thống thông gió cho từng phòng hoặc phải có cửa thông gió lắp ở ngăn trên vách tường hoặc dưới cửa giữa hai phòng.



Lưu ý: Phương pháp khe thông gió đặt dưới cửa nên được sử dụng khi lưu lượng gió nhỏ.

Linh hoạt trong thiết kế và lắp đặt

Với độ cao chỉ 245 mm

Việc lắp đặt khả thi ngay cả trong các tòa nhà có trần hẹp.



Một trong những thiết kế gọn nhẹ nhất của ngành điện lạnh trong phạm vi áp suất tĩnh trung bình.

Dàn lạnh	50/60/71B	100/125/140B
Độ cao (mm)	245	
Độ rộng (mm)	1,000	1,400
Độ sâu (mm)	800	

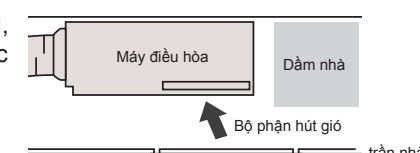
Độ cao đường ống nước xả được nâng cao hơn

Nhờ vào việc sử dụng bơm nước xả DC được lắp đặt sẵn với phụ kiện tiêu chuẩn



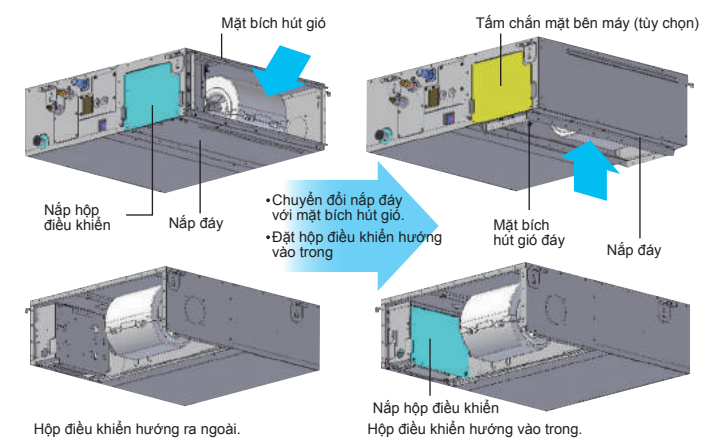
Có sẵn đường hút ở đáy thiết bị

Việc đi dây và bảo trì, sửa chữa có thể thực hiện phía dưới dàn lạnh (cần phụ tùng tùy chọn)



Hút gió bên hông

Hút gió từ đáy



Cảm giác sang khoái

Tốc độ quạt có thể thay đổi: 3 mức và Tự động * Khi sử dụng điều khiển BRC1E63

Sạch sẽ

Máng nước xả ion bạc kháng khuẩn

Phương pháp kháng khuẩn được tích hợp trong dàn lạnh sử dụng ion bạc trong máng nước xả để ngăn sự phát triển của các chất nhờn, vi khuẩn, nấm mốc gây ra mùi hôi và tắc nghẽn. (Tuổi thọ của ống ion bạc phụ thuộc vào môi trường sử dụng, nhưng 2 đến 3 năm thì nên thay đổi một lần.)



Áp suất tĩnh bên ngoài có thể điều chỉnh

Sử dụng động cơ quạt DC có thể điều chỉnh áp suất tĩnh bên ngoài trong khoảng từ 50 Pa đến 150 Pa.



Cài đặt áp suất tĩnh thấp khi ống gió ngắn

Cài đặt áp suất tĩnh cao cho các nhu cầu sử dụng cao hơn như khi sử dụng van gió và ống gió dài.

Lưu lượng gió dễ chịu đạt được tùy vào các điều kiện như chiều dài ống gió.

Chức năng điều chỉnh tự động lưu lượng gió

Kiểm soát lưu lượng gió bằng điều khiển từ xa trong quá trình chạy thử máy. Lưu lượng gió được điều chỉnh tự động đến xấp xỉ +/- 10% tốc độ gió cao.

Điều khiển bằng khóa liên động

Là một tính năng tiết kiệm điện năng, máy điều hòa không khí có thể được khóa lẫn với hệ thống cửa từ của khách sạn. Với việc sử dụng hệ thống quản lý tòa nhà như ba, việc thấp sáng và điều hòa không khí có thể điều khiển với cơ chế khóa liên động



* Cài đặt tại chỗ với điều khiển từ xa

Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Dễ dàng giao tiếp và kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm.

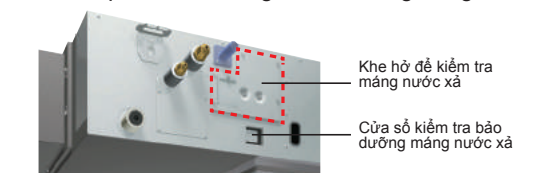
Bảo dưỡng dễ dàng

Vị trí chỗ mờ máng nước xả

được điều chỉnh giúp dễ dàng hơn trong việc kiểm tra.

Cửa sổ kiểm tra bảo dưỡng máng nước xả

Cửa sổ này giúp cho việc kiểm tra bụi bẩn bám vào máng nước xả và nhận biết sự thoát nước trong quá trình lắp đặt mà không cần sử dụng dụng cụ đồ nghề.



Hiệu suất cao

Động cơ quạt một chiều và hệ thống bơm nước xả DC

Được sử dụng để tăng hiệu năng.

Luồng gió sáng khoái lan tỏa khắp phòng



FHA50/60/71/100BVMV
FHA125/140BVMA



Tùy chọn

Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa
(Điều khiển có dây)



BRC1E63

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu



Một chiều lạnh **BRC7M56**

Làm lạnh hai chiều lạnh/sưởi **BRC7M53**



Bộ thu tín hiệu (loại lắp sẵn)
Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Kiểu dáng thời trang

Thiết kế tinh tế

Nắp máy đóng gọn gàng khi không sử dụng



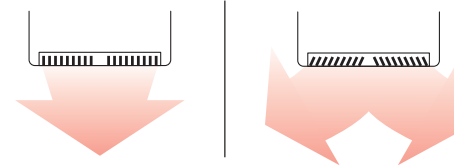
Màu trắng

Thoải mái

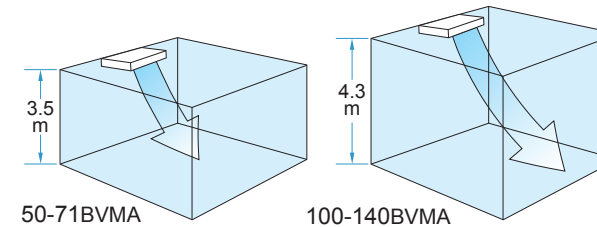
Công nghệ động cơ quạt một chiều kết hợp cánh quạt rộng sirocco và bộ trao đổi nhiệt lớn mang đến luồng khí nhiều hơn và giữ cho máy vận hành êm ái

Đào gió tự động (từ trên xuống và từ dưới lên) và cánh đảo (bên trái và bên phải có thể chỉnh tay) mang lại sự thoải mái cho căn phòng

Cánh hướng dòng có thể chỉnh tay để có luồng gió thổi theo góc thẳng hoặc góc rộng



Thích hợp với các trần nhà cao



50-71BVMVA

100-140BVMVA

	50-71B	100B	125/140B
Trần tiêu chuẩn	2.7m trở xuống	3.8m trở xuống	4.3m trở xuống
Trần cao	2.7m-3.5m	3.8m-4.3m	—

Lưu ý: Các cài đặt của nhà máy là cài đặt "tiêu chuẩn". Trường hợp "Trần cao" có thể cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa.

Có thể điều chỉnh tốc độ quạt: 5 bước và tự động

Điều khiển luồng gió được cải tiến tăng từ 3 bước lên 5 bước. Lưu lượng gió tự động cũng được trang bị.

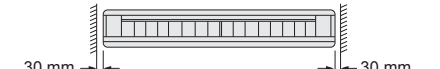
Vận hành êm ái

Dàn lạnh	Độ ồn				
	H	HM	M	ML	L
50/60B	37.0	36.0	35.0	33.5	32.0
71B	38.0	37.0	36.0	35.0	34.0
100B	42.0	40.0	38.0	36.0	34.0
125B	44.0	42.5	41.0	39.0	37.0
140B	46.0	44.0	42.0	40.0	38.0

Lắp đặt linh hoạt mang lại tự do trong thiết kế

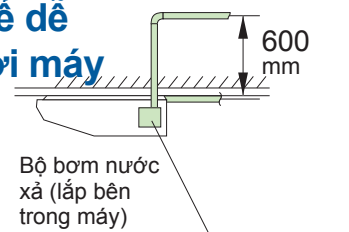
Lắp đặt linh hoạt

Máy có thể lắp gọn hơn trong các điều kiện không gian hẹp. *Nước sử dụng trong quá trình thử máy có thể được xả ra từ miệng xả khí thay vì từ một bên máy như các mẫu máy trước đây.



Bộ bơm nước xả (tùy chọn) có thể dễ dàng kết hợp với máy

Việc nối với ống xả có thể thực hiện bên trong máy. Đầu ra của ống ga và ống xả chung nhau.

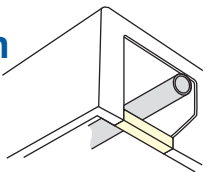


Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Có thể kết nối với hệ điều khiển trung tâm không cần phụ kiện.

Đi dây và bảo trì, sửa chữa có thể thực hiện bên dưới dàn lạnh.

Dễ dàng đi ống ở bên hông nhờ vào khung có thể tháo rời.



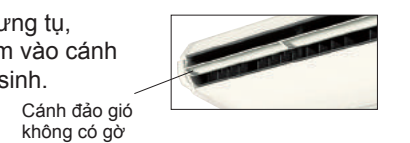
Bảo dưỡng dễ dàng

Hệ thống bơm nước xả (tùy chọn) với có kháng khuẩn ion bạc

Giúp ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc máng xả.

Cánh đảo gió không có gờ

Tránh hiện tượng ngưng tụ, ngăn cản bụi bám vào cánh đảo gió. Dễ dàng vệ sinh.



Bề mặt phẳng, có thể vệ sinh dễ dàng

Dễ dàng lau bụi khỏi bề mặt của máy.

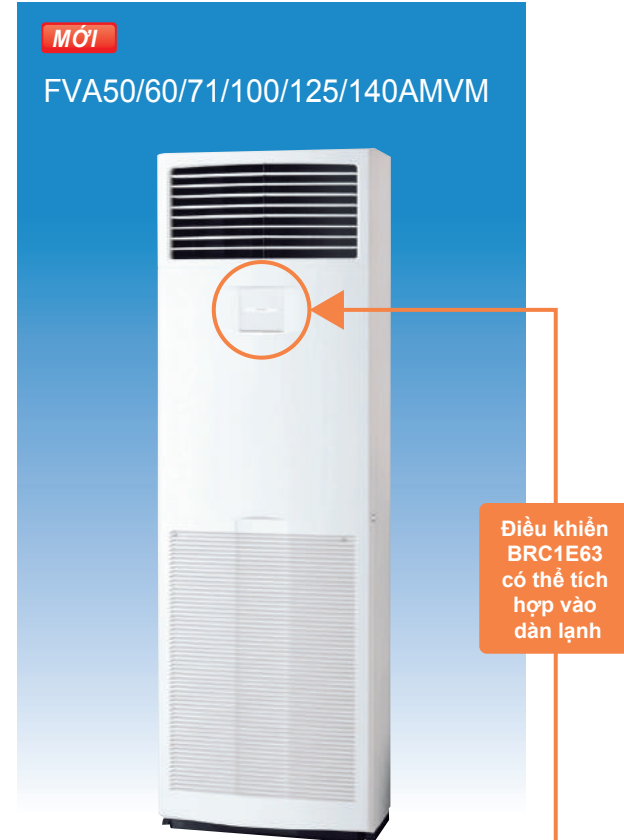
Lưới chống dầu

Lưới hút gió sử dụng chất liệu nhựa chống bám dầu.

Tăng độ bền khi sử dụng máy trong các nhà hàng hoặc các môi trường tương tự.

Lưu ý: Được thiết kế để sử dụng trong các salon, phòng ăn, và các mặt sàn kinh doanh, đặc tính kỹ thuật này không phù hợp với không gian nhà bếp hoặc các môi trường khác nghiệt khác

Thoải mái hơn với chức năng điều khiển luồng gió mới



Điều khiển BRC1E63 có thể tích hợp vào dàn lạnh

Tùy chọn

Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển điều hướng từ xa
(Điều khiển từ xa có dây)

BRC1E63

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt

Điều khiển từ xa LCD có dây
Bộ nhận tín hiệu phải được gắn trong dàn lạnh.

Một chiều lạnh BRC4C66

Bộ nhận tín hiệu (Loại tách rời)

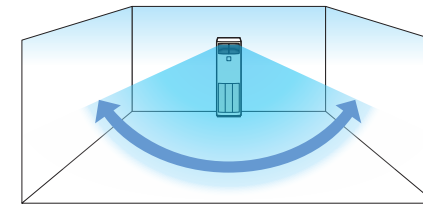
Bộ điều khiển từ xa không dây được cung cấp trong một bộ có bộ thu tín hiệu.

- Sản phẩm này được trang bị cảm biến gas. Cảm biến gas phản ứng với khói gas đó, các tác nhân hóa học và sơn cũng như các thiết bị chứa khí dễ cháy (bao gồm propan, butan hoặc metan) và thuốc xịt sử dụng khí dễ cháy (như LPG), bao gồm thuốc trừ sâu và thuốc xịt tóc. Khi điều này xảy ra, một sự cố sẽ được hiển thị và máy sẽ không thể hoạt động.
- Một cảm biến khí đã từng phản ứng phải được thay thế bằng cảm biến khí mới.

Điều khiển luồng gió dễ chịu

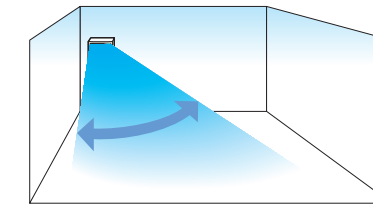
- Hướng thổi trái và phải (Bằng điều khiển từ xa)** (Áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E63.)
Có thể chọn 3 kiểu đảo gió tự động để phù hợp với mỗi kiểu phòng.

Kiểu 1 Đảo gió đều phía trước



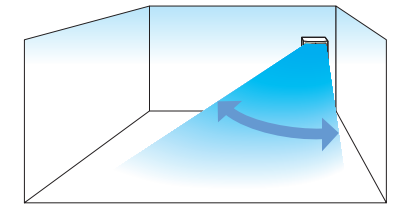
Khi máy được đặt ở giữa phòng.

Kiểu 2 Đảo gió sang trái



Khi máy được đặt ở góc phòng.

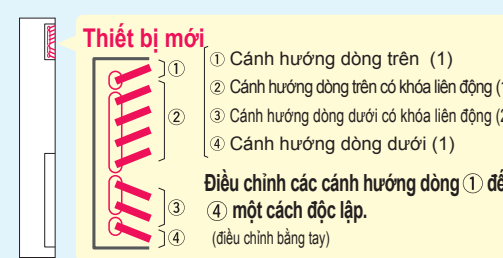
Kiểu 3 Đảo gió sang phải



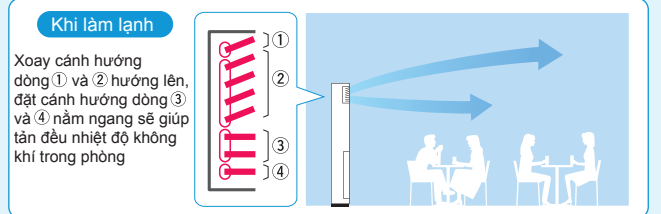
- Hướng thổi lên xuống (bằng tay)**

Đảo gió lên xuống độc lập nhanh chóng phân bổ nhiệt độ đồng đều trong phòng, giúp tiết kiệm điện.

Tự do lựa chọn hướng đảo lên/xuống với 8 cánh hướng dòng (phương ngang)



Ví dụ ứng dụng



Thoải mái

- Tốc độ quạt có thể thay đổi: Tự động và 3 cấp**
Chế độ "Tự động" chỉ áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E63.

- Chế độ tốc độ quạt cao** (áp dụng cho FVA50-100)

Để lưu thông gió về phía góc cuối phòng, có thể tăng lưu lượng gió lên 5% hoặc 10% tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt của khách hàng (cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa).

- Chức năng "khử ẩm"**

Chế độ hút ẩm được kiểm soát bằng bộ vi xử lý để tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột gây khó chịu.

Hiệu suất cao

- Động cơ quạt một chiều tăng hiệu suất hoạt động.

Lắp đặt dễ dàng

- Trọng lượng nhẹ**

Trọng lượng nhẹ giúp dễ dàng vận chuyển và lắp đặt dàn lạnh.. (kg)

Dàn lạnh	50/60/71A	100/125/140A
Trọng lượng	42	50

- Tiêu chuẩn kết nối**

Có thể kết nối với hệ điều khiển trung tâm không cần phụ kiện tùy chọn.

Dễ bảo trì

- Phin lọc khí tiêu chuẩn có độ bền cao, sử dụng trong 1 năm không cần bảo dưỡng**

Phin lọc này có thể rửa và tái sử dụng sau 1 năm.

* Đối với nơi có mật độ bụi 0.15 mg/m³

- Cài đặt hai khoảng thời gian (2500 giờ và 1250 giờ) sẵn có để phù hợp với môi trường lắp đặt. Thời gian bảo dưỡng khuyến cáo được hiển thị trên điều khiển từ xa (Tín hiệu lọc)
- Thời gian vệ sinh định kỳ phin lọc có thể rút ngắn tùy thuộc vào môi trường sử dụng.

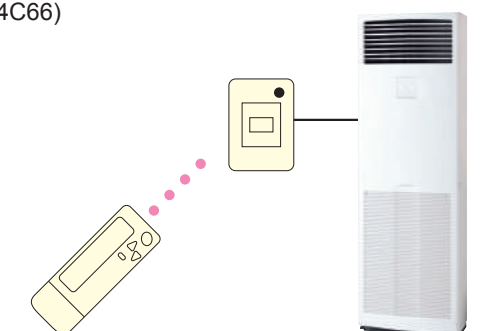
- Sử dụng chức năng khóa an toàn của lưới tản nhiệt hút**

Lưới hút gió không bao giờ mở ngay cả khi bị tác động mạnh.

Tiện nghi

- Bộ điều khiển từ xa không dây (loại riêng) được cung cấp trong một bộ có bộ thu tín hiệu.**

(BRC4C66)





Dàn nóng nhỏ gọn



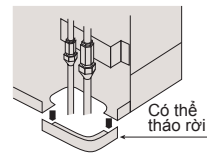
Đễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng

Đễ dàng bố trí nhờ đường ống 4 hướng nổi

(RZF125-140C, RZA71/100B)

Đễ dàng lắp đặt đường ống do có thể tháo rời mặt nạ bên ngoài để nối ống đằng trước, bên phải và đằng sau.

Một phần của khung đỡ dàn nóng có thể tháo rời giúp việc đi ống đễ dàng hơn.



Thu hồi gas thuận tiện

(Chức năng thu hồi môi chất làm lạnh)

Đễ dàng thu hồi môi chất lạnh khi di chuyển thiết bị hoặc thay đổi cách bố trí với công tắc thu hồi.

*Chức năng thu hồi này chỉ dành cho những trường hợp nạp trước môi chất làm lạnh.

*Mặc dù chế độ thu hồi cho phép thu hồi hầu hết môi chất lạnh trong một thời gian ngắn, một lượng môi chất lạnh vẫn sẽ còn lại bên trong dàn lạnh và ống gas.

Sử dụng máy thu hồi môi chất lạnh, thu hồi phần môi chất lạnh còn lại từ công van chặn dịch vụ cho đến khi áp suất xuống đến 0.09MPa (đồng hồ áp suất: -0.011MPa) hoặc thấp hơn

Chức năng phát hiện áp suất khí thấp

Việc kiểm tra áp suất và lưu lượng khí hiệu quả sẽ giảm nhân lực cần thiết cho công tác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa.

Tái sử dụng đường ống hiện hữu: Bảng kích cỡ ống môi chất lạnh

Chỉ có ở series RZF

Dàn nóng	Điều kiện	Kích cỡ ống hiện hữu (Lông/Hơi)						Chênh lệch độ cao	Áp suất thiết kế (Áp suất cao)
		6.4 / 12.7	6.4 / 15.9	9.5 / 12.7	9.5 / 15.9	9.5 / 19.1	12.7 / 15.9		
RZF 50-71CV2V	Điều kiện	■	▲	■	○	×	△	Tối đa 30m	4.15MPa
	Chiều dài ống tối đa	10m*	10m*	50m	50m	—	25m		
	Chiều dài ống tối đa đã được nạp MCL	10m	10m	30m	30m	—	15m		

Dàn nóng	Điều kiện	Kích cỡ ống hiện hữu (Lông/Hơi)						Chênh lệch độ cao	Áp suất thiết kế (Áp suất cao)
		6.4 / 12.7	6.4 / 15.9	9.5 / 12.7	9.5 / 15.9	9.5 / 19.1	12.7 / 15.9		
RZF 71CYM 100-140C	Điều kiện	■	▲	■	○	×	△	Tối đa 30m	4.15MPa
	Chiều dài ống tối đa	10m*	10m*	50m	50m	50m	25m		
	Chiều dài ống tối đa đã được nạp MCL	10m	10m	30m	30m	30m	15m		

- Kích cỡ ống tiêu chuẩn
- Cùng điều kiện với ống tiêu chuẩn
- △ Chiều dài ống và chiều dài ống đã được nạp sẵn môi chất lạnh ngắn hơn nhiều
- ▲ Chiều dài ống và chiều dài ống đã được nạp sẵn môi chất lạnh ngắn hơn nhiều
- Công suất lạnh thấp hơn (lưu ý đến chiều dài ống)
- ×
- Không được phép sử dụng lại đường ống hiện hữu

- *Chiều dài ống tối thiểu cho phép là 5m
- * Xem hướng dẫn lắp đặt để biết thêm chi tiết ngoài những thông số đề cập ở bảng bên trái như lưu lượng môi chất lạnh cần nạp thêm.
- * Làm sạch đường ống hiện hữu nếu độ dài quá 30m
- * Làm sạch đường ống hiện hữu nên chiều dài đường ống đã được nạp sẵn môi chất lạnh vượt quá giới hạn của đường ống hiện hữu để thực hiện thu hồi môi chất lạnh.

Chức năng vận hành êm vào ban đêm

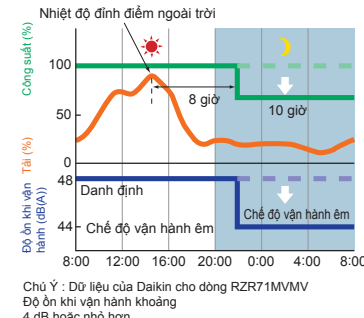
Chế độ tự động vận hành êm vào ban đêm sẽ khởi động 8 tiếng sau khi nhiệt độ đạt đỉnh điểm vào ban ngày, sau đó sẽ trở lại chế độ vận hành bình thường trong vòng 10 tiếng

★ Giảm tiếng ồn sẽ làm giảm công suất.

Lưu ý:

¹ Giá trị quy đổi phòng không dội âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong quá trình vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.
² Giá trị khi làm lạnh. Giá trị sẽ thay đổi khi sưởi.

Môđi chiều lạnh	Độ ồn ¹ (dB(A))	
	Danh định ²	Chế độ vận hành êm vào ban đêm
RZF50-71C	48	44
RZF100C	49	45
RZF125C	52	45
RZF140C	54	45
RZA71B	48	45
RZA100B	51	48



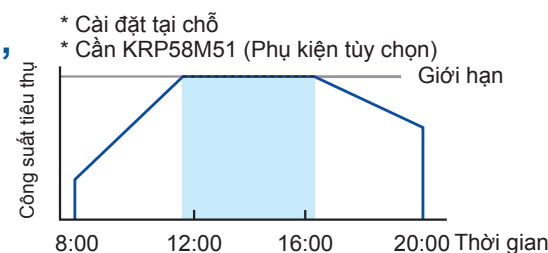
Chú Ý: Dữ liệu của Daikin cho dòng RZR71MVMV Độ ồn khi vận hành khoảng 4 dB hoặc nhỏ hơn

Chức năng kiểm soát nhu cầu

Bằng cách cài đặt các giới hạn tiêu thụ điện, bạn có thể cắt giảm chi phí cho các hóa đơn tiền điện

(RZF100-140CVM, 71-140CYM, RZA71/100B)

Công suất tối đa được duy trì trong phạm vi công suất đã cài đặt, giúp tận hưởng luồng gió sáng khoái và kiểm soát hiệu quả các yêu cầu. Mức tiêu thụ điện tối đa có thể cài đặt là 40, 60, 70, 80 và 100%.



- * Cài đặt tại chỗ
- * Cần KRP58M51 (Phụ kiện tùy chọn)

Công nghệ tiết kiệm năng lượng

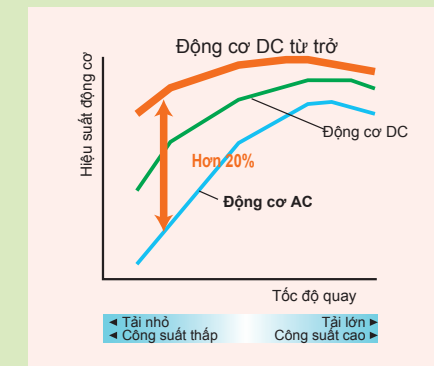
Máy nén có hiệu suất cao được cải tiến để đạt chỉ số COP cao và năng suất lớn hơn

1 Máy nén xoắn ốc DC từ trở

Dòng sản phẩm biến tần DC của Daikin được trang bị máy nén xoắn ốc DC từ trở.

Máy nén xoắn ốc DC từ trở sử dụng 2 loại mô-men khác nhau: Nam châm Neodym*1 và mô-men từ trở*2.

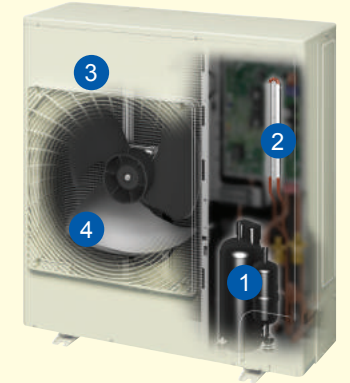
Động cơ này tiết kiệm năng lượng vì trong quá trình hoạt động nó cần ít điện năng nhưng vẫn sản sinh ra công suất lớn hơn động cơ AC và động cơ DC truyền thống



Chú Ý: Dữ liệu dựa trên kết quả nghiên cứu trong điều kiện có kiểm soát tại phòng thí nghiệm của Daikin.



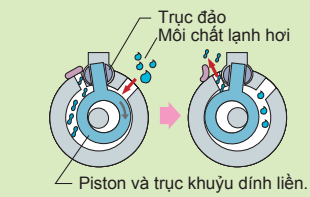
- *1. Nam châm Neodym mạnh gấp xấp xỉ gấp 10 lần so với nam châm Ferrite tiêu chuẩn.
- *2. Mô-men được tạo ra do sự thay đổi năng lượng giữa sắt và các bộ phận của nam châm.



Máy nén swing

Hiệu suất cao trong vận hành bán tải.

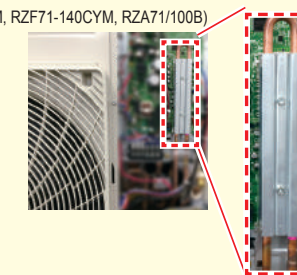
Tiết kiệm năng lượng, ngăn ngừa ma sát và rò rỉ khí môi chất lạnh.



2 Làm mát bằng môi chất lạnh

(RZF100-140CVM, RZF71-140CYM, RZA71/100B)

Hệ thống làm mát bằng môi chất lạnh độc quyền của Daikin mang lại hiệu suất làm mát cao ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời cao.



Làm mát bằng môi chất lạnh giúp bảo vệ bản mạch và duy trì công suất lạnh cao ngay cả khi nhiệt độ ngoài trời cao.

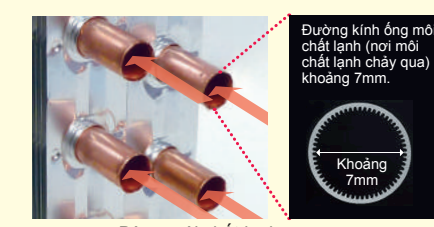
3 Công suất ngưng tụ cao với dàn trao đổi nhiệt micro channel

Chỉ có ở series RZF

Giảm cản gió

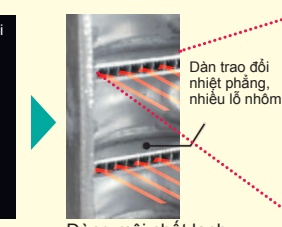
Các ống của dàn tản nhiệt được làm phẳng giúp cải thiện lưu lượng gió và tăng hiệu suất truyền nhiệt.

Ống và cánh tản nhiệt thông thường

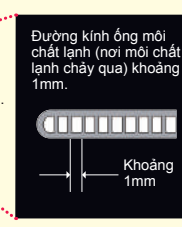


Dòng môi chất lạnh

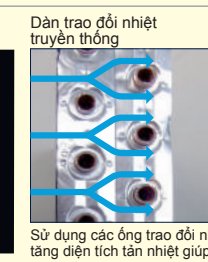
Dàn trao đổi nhiệt micro channel



Dòng môi chất lạnh



Dòng môi chất lạnh



Sử dụng các ống trao đổi nhiệt phẳng và nhiều lỗ gia tăng diện tích tản nhiệt giúp tiết kiệm năng lượng.

4 Quạt

Cánh quạt chân vịt có khía chữ V (RZF50-100C)

Việc sử dụng cánh quạt chân vịt có khía chữ V mô phỏng hiệu suất hoạt động của cánh loài thiên nga, điều này giúp cho lượng gió đều và không bị thất thoát.



Cánh quạt chân vịt có khía chữ V Φ440 dành cho RZF50-71CV2V Φ550 dành cho RZF100CVM, RZF71-100CYM

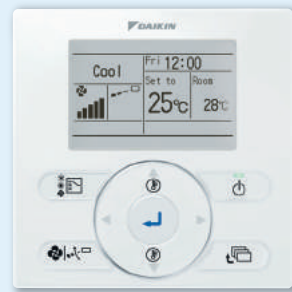


Mô phỏng hoạt động của loài thiên nga.

Điều khiển từ xa với màn hình LCD dễ đọc có cấu hình điều

Điều khiển từ xa tùy chọn đã được nhắc đến ở trang giới thiệu các loại dàn lạnh.

Bộ điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa LCD có dây)



BRC1E63

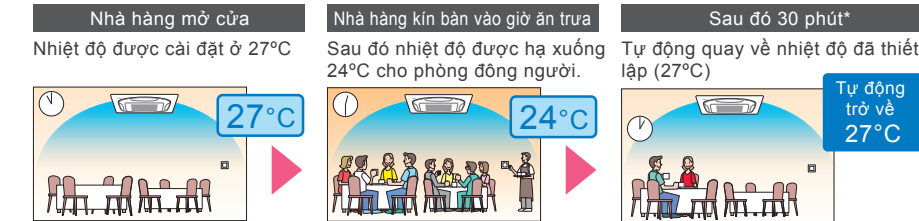
Điều khiển từ xa có thiết kế đơn giản nhưng hiện đại, lớp vỏ màu trắng sáng hài hòa với nội thất trong phòng. Thao tác bằng điều khiển từ xa vô cùng đơn giản, tiện lợi, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên điều khiển.

Tiết kiệm năng lượng

Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt

- Ngay khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt sẵn sẽ tự động được thiết lập sau khoảng thời gian cài đặt sẵn.
- Có thể lựa chọn khoảng thời gian từ 30, 60, 90 hoặc 120 phút.

Ví dụ về nhà hàng

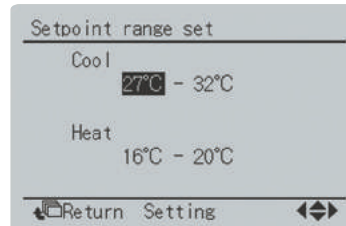


Hẹn giờ tắt (đã được lập trình)

- Cài đặt và lưu cài đặt trong từng khoảng thời gian để tự động tắt điều hòa sau khi cài đặt thời gian khởi động
- Thời gian được cài đặt sẵn có thể từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt

- Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ tối thiểu và tối đa.
- Tránh nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh.
- Chức năng này rất tiện lợi nếu có thể lắp điều khiển từ xa ở nơi mà mọi người đều có thể thao tác.



Tiện nghi

MỚI Điều khiển luồng gió 5 cấp

Giám sát tiêu thụ điện năng *1,2,3,4

- Có thể kiểm tra lượng điện năng tiêu thụ hiện tại và thời gian trước đó: theo ngày (khoảng thời gian 2 giờ), theo tuần (khoảng giờ gian 1 ngày), và theo năm (khoảng thời gian 1 tháng).

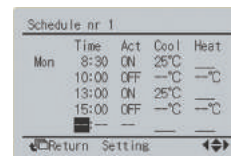
Ghi chú:
 *1 Tính năng có sẵn tùy vào model (giới hạn một phần tính năng)
 *2 Cần cài đặt thời gian
 *3 Tính năng không sử dụng được khi dùng điều khiển nhóm
 *4 Giá trị mang tính tham khảo để so sánh và không nhằm mục đích điều tra trong việc tính toán điện năng tiêu thụ, có những trường hợp giá trị tính toán khác với kết quả đo trên đồng hồ.

Cài đặt ngược (Mặc định: TẮT)

- Duy trì nhiệt độ phòng trong biên độ nhất định trong lúc không có người bằng cách khởi động tạm thời máy điều hòa đã TẮT.

Lập lịch hàng tuần

- 5 hoạt động một ngày có thể được cài đặt cho từng ngày trong tuần.
 - Chức năng ngày nghỉ sẽ tắt chế độ hẹn giờ đối với những ngày được cài đặt là ngày nghỉ.
 - Có thể cài đặt 3 chế độ lập lịch độc lập.
- (Ví dụ: mùa hè, mùa đông, giữa mùa)



MỚI Tự động hiển thị tắt

- Khi ngừng hoạt động, màn hình LCD sẽ TẮT. Nó sẽ hiển thị trở lại khi ấn bất kỳ nút nào.
- Khoảng thời gian có thể cài đặt trước từ 10, 30, 60 phút và TẮT. Cài đặt ban đầu là 30 phút.

Điều khiển hệ thống phong phú và có thể điều khiển nhiều dàn lạnh

Điều khiển từ xa LCD không dây

MỚI



BRC7M635F

Bộ thu nhận tín hiệu (dùng cho dàn lạnh cassette âm trần)

- Điều khiển từ xa cung cấp kèm theo bộ thu nhận tín hiệu.
- Bộ thu nhận tín hiệu lắp trong mặt nạ trang trí hoặc dàn lạnh.
- Hình dạng của bộ thu nhận tín hiệu sẽ thay đổi tùy thuộc vào dàn lạnh.

Lưu ý: Bộ phận thu tín hiệu trong hình bên là loại gắn trong mặt nạ trang trí của dàn cassette âm trần.

- MỚI ● LCD đèn nền của điều khiển từ xa không dây mới



Ấn nút đèn nền giúp thao tác dễ dàng trong phòng tối.

Điều khiển từ xa không dây dành cho các loại dàn lạnh khác nhau

	Một chiều lạnh	Hai chiều lạnh/sưởi
MỚI DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN	BRC7M635F (Trắng) MỚI BRC7M635K (Đen) MỚI	BRC7M634F (Trắng) BRC7M634K (Đen)
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN NHỎ GỌN	BRC7E531W	—
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ MỎNG	BRC4C64	—
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH	BRC4C66	BRC4C65
DÀN LẠNH ÁP TRẦN	BRC7M56 MỚI	BRC7M53
MỚI DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG	BRC4C66	—

Điều khiển từ xa có dây được trang bị cảm biến nhiệt độ

- Cho phép cảm biến nhiệt độ gần hơn với khu vực mục tiêu để gia tăng sự dễ chịu. (Khi sử dụng điều khiển từ xa từ phòng khác, cần chọn cảm biến nhiệt độ trên miệng gió ra ở dàn lạnh)

Bảo trì và sửa chữa dễ dàng

- Các cài đặt ban đầu có thể thực hiện bằng điều khiển từ xa. Sau khi hoàn tất xây dựng nội thất, dàn lạnh cassette có thể được cài đặt từ xa, không cần sử dụng thang để tiếp cận với việc cài đặt bằng tay. Các nội dung cài đặt: Trần cao, hướng gió, loại phin lọc, địa chỉ điều khiển trung tâm (địa chỉ điều khiển nhóm được cài đặt tự động)

- Điều khiển từ xa được trang bị với tên model và các tính năng hiện thị sự cố.; thuận tiện hơn trong việc sửa chữa khi gặp sự cố. (Tính năng hiển thị tên model của có ở BRC1E63)

SkyAir sử dụng chung điều khiển với Thiết bị Thông gió thu hồi nhiệt và những máy điều hòa Daikin khác, giúp việc khóa lẫn trở nên thuận tiện. Dễ dàng phù hợp với các hệ thống điều khiển từ xa trung tâm, nhiều tính năng, quy mô lớn.

- Lắp đặt và kết nối dây điều khiển giữa SkyAir và các thiết bị điều hòa khác của Daikin rất dễ dàng.

Màn hình LCD hiển thị trạng thái vận hành bằng chữ, số và hình động.

- Hiện thị luồng gió/đảo gió
- Hiện thị nhiệt độ/chế độ vận hành cài đặt trước
- Hiện thị thời gian lập trình
- Chức năng tự động chẩn đoán

Hiện thị trạng thái vận hành đảo gió tự động và vị trí cài đặt cho góc thổi gió.
 Hiện thị nhiệt độ trong phòng và trạng thái cài đặt trước (quạt, làm khô, làm lạnh).
 Có thể cài đặt thời gian khởi động và tắt máy cho mỗi bộ hẹn giờ trong vòng 72 giờ. Màn hình LCD cũng hiển thị thời điểm cần vệ sinh bộ lọc, khi thiết bị trung tâm đang thay đổi cài đặt và thời điểm cần vệ sinh hệ thống thông gió
 Kiểm soát trạng thái vận hành trong phạm vi hệ thống bao gồm 40 hạng mục và hiển thị cảnh báo khi hệ thống có sự cố.

Hệ thống đa dạng điều khiển nhiều loại dàn lạnh

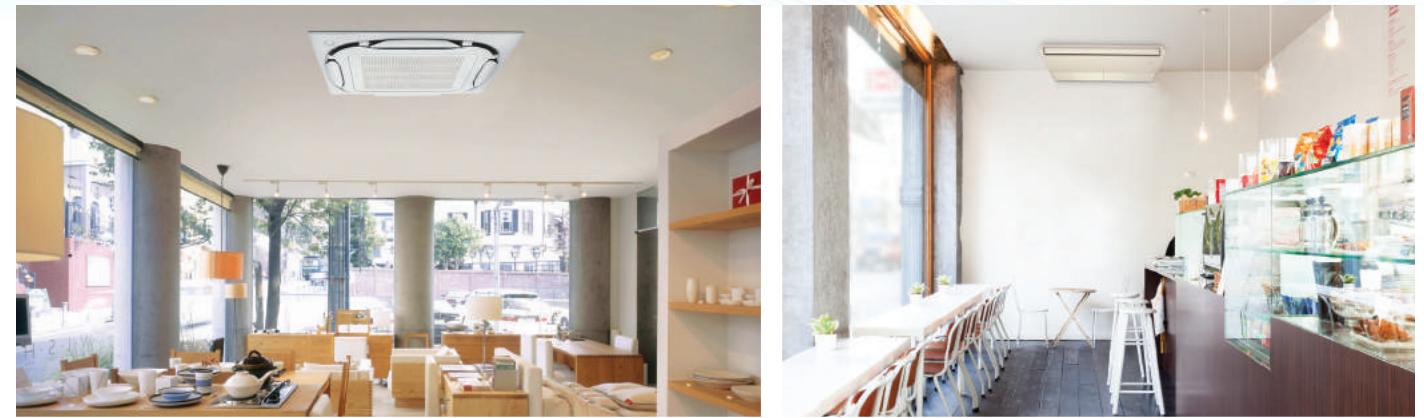
	Kiểu điều khiển	Điều khiển từ xa có dây	Điều khiển từ xa không dây
Điều khiển bằng một bộ điều khiển từ xa	(Hệ thống cơ bản)	 ● Lỗi kép, không phân cực (chiều dài dây tối đa 500m)	 ● Thiết bị thu tín hiệu được lắp trên dàn lạnh.
Điều khiển bằng hai bộ điều khiển từ xa	Dùng cho điều khiển từ 2 vị trí như phòng và phòng điều khiển, lối ra...	 ● Nối 2 bộ điều khiển từ xa có dây (Xem lưu ý 1)	 ● Điều khiển bằng 1 bộ điều khiển từ xa không dây và 1 bộ điều khiển từ xa có dây (Xem lưu ý 2,3) ● Thiết bị thu tín hiệu được lắp trên dàn lạnh
Điều khiển nhóm	Dùng cho điều khiển đồng thời 16 dàn lạnh.	 ● Chức năng cài đặt địa chỉ tự động	 ● Chức năng cài đặt địa chỉ tự động ● Thiết bị thu tín hiệu được lắp trên 1 dàn lạnh
Điều khiển bằng lệnh ngoại vi	Vận hành và giám sát bằng tín hiệu từ hộp điều khiển vận hành tại phòng giám sát (an ninh) của tòa nhà.	 (Lệnh ngoại vi) ● Cần có bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện	 (Lệnh ngoại vi) ● Cần có bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện
Điều khiển trung tâm	Điều khiển trung tâm đến 64 nhóm dàn lạnh từ khoảng cách xa đến 1 km.	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn) ● Cần có giao diện bộ tiếp hợp cho SkyAir (tùy chọn) (xem ghi chú 3)	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn) ● Cần có giao diện bộ tiếp hợp cho SkyAir (tùy chọn) (xem ghi chú 3)
Điều khiển liên động với HRV	Kết nối thông qua điều khiển nhóm sử dụng điều khiển từ xa.	 Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Có thể vận hành đồng thời hoặc độc lập bằng điều khiển từ xa (cài đặt bằng chế độ thông gió)	 Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Có thể vận hành đồng thời hoặc độc lập bằng điều khiển từ xa
	Điều khiển kết nối vùng bằng bộ điều khiển trung tâm	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (Phụ kiện tùy chọn) Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt cho dàn lạnh trong một vùng được vận hành bằng cơ chế khóa liên động. Cũng có thể vận hành độc lập bằng điều khiển từ xa.	 Bộ điều khiển từ xa trung tâm (Phụ kiện tùy chọn) Thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV ● Hệ thống thông gió thu hồi nhiệt cho dàn lạnh trong một vùng được vận hành bằng cơ chế khóa liên động.

Chú ý: 1 Điều khiển BRC1E62 chỉ có thể kết nối với điều khiển BRC1E62. 2 Khi sử dụng điều khiển từ xa không dây, không thể sử dụng hai điều khiển từ xa không dây. Có thể kết hợp BRC1E63 (Chính) và BRC7M (phụ). 3 Cassette âm trần nhỏ gọn (FFF) cần có giao diện bộ tiếp hợp cho SkyAir.

Đễ dàng thích ứng với hệ thống điều khiển trung tâm với chức năng cao cấp và trên phạm vi rộng



Điều khiển từ xa trung tâm DCS302CA61 (Phụ kiện tùy chọn)	Điều khiển Bật/Tắt đồng thời DCS301BA61 (Phụ kiện tùy chọn)	Bộ lập trình thời gian DST301BA61 (Phụ kiện tùy chọn)	Intelligent Controller DCS601C51 (Option)
 Điều khiển trung tâm, cài đặt đơn giản giống như điều khiển từ xa tiêu chuẩn, lên đến 64 nhóm (1,024 dàn lạnh).	 Điều khiển trung tâm bật/tắt theo nhóm hay đồng thời cho cả 256 dàn lạnh.	 Điều khiển đồng nhất lịch trình hàng tuần cho 1,024 dàn lạnh. Bộ lập trình thời gian cài đặt bật/tắt trong 1 phút, các thiết bị sẽ đồng thời thực hiện 2 lần một ngày trong vòng 1 tuần.	 Với nhiều chức năng nâng cao, hệ thống điều khiển bằng hình ảnh màu "tắt cả trong một" hỗ trợ quản lý hệ thống SkyAir bằng nhiều cách.
Giao diện bộ tiếp hợp dành cho SkyAir DTA112BA51 (Phụ kiện tùy chọn)		● Cassette âm trần nhỏ gọn (FFF) cần có giao diện bộ tiếp hợp cho SkyAir.	

Bất kể không gian nào, hãy mang đến sự thoải mái tiện nghi xứng tầm.

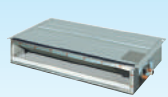
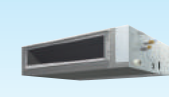




Tổng quan về các tính năng

Một chiều lạnh

		DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Đa hướng thổi>		DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN NHỎ GỌN		
		 FCF50-140CVM		 FFF50/60BV1		
Dàn lạnh		RZF50-71CV2V, 100-140CVM RZF71-140CYM		RZF50/60CV2V		
Điều khiển từ xa	Có dây	BRC1E63	—	BRC1E63	—	
	Không dây	—	BRC7M635F (K)	—	BRC7E531W	
Tiết kiệm năng lượng	1	Giám sát tiêu thụ điện năng *1	●			
	2	Chế độ cảm biến dừng *1	● Mặt nạ cảm biến			
	3	Chế độ cảm biến tốc độ thấp *1, 2	● Mặt nạ cảm biến			
	4	Tự động hiển thị TẮT *1	●		●	
	5	Tự động trở về điểm cài đặt *1	●		●	
	6	Cài đặt biên độ *1	●		●	
	7	Hẹn giờ TẮT (đã lập trình) *1	●		●	
	8	Hẹn giờ lập lịch hàng tuần *1	●		●	
	9	Hẹn giờ BẬT/TẮT		●		●
Tiện nghi	10	Luồng gió thổi tròn *1	●			
	11	Cài đặt ngược *1	●		●	
	12	Khởi động nhanh *1	●		●	
	13	Điều khiển luồng gió độc lập *1	●			
	14	Cảm biến hiện diện hồng ngoại		● Mặt nạ cảm biến		
	15	Cảm biến sàn hồng ngoại		● Mặt nạ cảm biến		
	16	Luồng gió tự động *1	● Mặt nạ cảm biến			
	17	Đảo gió tự động	●	●	●	●
	18	Lựa chọn kiểu đảo gió	●	●	●	●
	19	Chức năng ngăn gió lùa (chiều sườn)				
	20	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh	● 5 bước	● 5 bước	● 2 bước	● 2 bước
	21	Điều chỉnh lượng gió tự động	●	●		
	22	Chế độ quạt tốc độ cao				
	23	Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn *1	●		●	
	24	Ứng dụng cho các trần nhà cao	● 3.5m / 4.2m			
	25	Khởi động nóng				
	26	Ứng dụng làm lạnh quanh năm				
	27	Vận hành êm vào ban đêm *3	●		●	
Vệ sinh	28	Phin lọc kháng khuẩn	●		●	
	29	Phin lọc chống mốc				
	30	Máng nước xả có chứa ion bạc kháng khuẩn	●			
	31	Máng nước xả chống mốc			●	
Vận hành & bảo trì sửa chữa	32	Mặt nạ lưới tự động	●			
	33	Hệ thống bơm nước xả	●		●	
	34	Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 30 m *3	●		●	
	35	Phin lọc siêu bền	●		●	
	36	Tín hiệu lọc	●	●	●	●
	37	Phát hiện áp suất gas thấp *3	●		●	
	38	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp	●		●	
	39	Chức năng tự chẩn đoán	●	●	●	●
40	Hiện thị liên lạc về dịch vụ *1	●		●		
Tính năng điều khiển	41	Tự khởi động lại		●		
	42	Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi			●	
	43	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	●	● *7		
	44	Điều khiển nhóm bằng 1 bộ điều khiển từ xa	●	●	●	●
	45	Khóa liên động thiết bị ngoại vi *4		● Mặt nạ cảm biến		
	46	Tín hiệu ngoại vi TẮT cưỡng bức và vận hành BẬT/TẮT	●			
	47	Điều khiển theo lệnh ngoại vi *5	●		●	
	48	Điều khiển trung tâm từ xa	●		● *6	
	49	Điều khiển khóa liên động với HRV	●		●	
	50	Giao tiếp DIII-NET tiêu chuẩn	●		● *6	
Tùy chọn	51	Phin lọc hiệu suất cao	●			
	52	Phin lọc siêu bền	●			
	53	Bộ nạp gió tươi	●		●	
	54	Bộ bảo vệ quá áp cho PCB *3	●		●	

Lưu ý: *1: Áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E63 *2: Không áp dụng khi điều khiển nhóm *3: Áp dụng cho các dàn nóng
*6: Tùy chọn *7: Không thể sử dụng 2 điều khiển từ xa không dây. Có thể kết hợp BRC1E63 (Chính) và BRC7M (phụ).


		DÀN LẠNH NỔI ỒNG GIÓ MỎNG		DÀN LẠNH NỔI ỒNG GIÓ VỚI ẤP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH		DÀN LẠNH ẤP TRẦN		DÀN LẠNH TỰ ĐỨNG	
		 FDF50/60BV1		 FBA50-140BVMA		 FHA50-100BVMV FHA125/140BVMA		 FVA50-140AMVM	
Dàn lạnh		RZF50/60CV2V		RZF50-71CV2V, 100-140CVM RZF71-140CYM		RZF50-71CV2V, 100-140CVM RZF71-140CYM		RZF50-71CV2V, 100-140CVM RZF71-140CYM	
Điều khiển từ xa	Có dây	BRC1E63	—	BRC1E63	—	BRC1E63	—	BRC1E63	—
	Không dây	—	BRC4C64	—	BRC4C66	—	BRC7M56	—	BRC4C66
Tiết kiệm năng lượng	1								
	2								
	3								
	4	●		●		●		●	
	5	●		●		●		●	
	6	●		●		●		●	
	7	●		●		●		●	
	8	●		●		●		●	
	9		●		●		●		●
Tiện nghi	10								
	11	●		●		●		●	
	12	●		●		●		●	
	13								
	14								
	15								
	16								
	17					●	●	●	●
	18								
	19								
	20	● 2 bước	● 2 bước	● 3 bước	● 3 bước	● 5 bước	● 5 bước	● 3 bước	● 3 step
	21			●		●		●	
	22							● *8	
	23	●		●		●		●	
	24					● 3.5m / 4.3m			
	25								
	26								
	27	●		●		●		●	
Vệ sinh	28			● *6		●		●	
	29	●							
	30			●					
	31								
Vận hành & bảo trì sửa chữa	32								
	33			●		● *6		●	
	34	●		●		●		●	
	35			● *6		●		●	
	36	●	●	●	●	●	●	●	
	37	●		●		●		●	
	38	●		●		●		●	
	39	●	●	●	●	●	●	●	
40	●		●		●		●		
Tính năng điều khiển	41	●		●		●		●	
	42								
	43	●		●		●	● *7	●	
	44	●	●	●	●	●	●	●	
	45								
	46			●		●		●	
	47			●		●		●	
	48			●		●		●	
	49	●		●		●		●	
	50			●		●		●	
Tùy chọn	51			●					
	52								
	53					●			
	54	●		●		●		●	



*4: Cần bộ tiếp hợp nối dây (và hộp lắp đặt) *5: Cần bộ tiếp hợp nối dây cho thiết bị điện (và hộp lắp đặt)
*6: Áp dụng cho model FVA50-100

TÍNH NĂNG

Tổng quan về các tính năng

Hai chiều lạnh/sưởi

		DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Thời đa hướng>		
		 FCF71/100CVM		
		RZA71/100BV2V		
		BRC1E63	—	
		—	BRC7M634F (K)	
		Điều khiển từ xa Có dây Không dây		
Tiết kiệm năng lượng	1	Giám sát tiêu thụ điện năng *1	●	
	2	Chế độ cảm biến dừng *1	● Mặt nạ cảm biến	
	3	Chế độ cảm biến tốc độ thấp *1, 2	● Mặt nạ cảm biến	
	4	Tự động hiển thị TẮT *1	●	
	5	Tự động trở về điểm cài đặt *1	●	
	6	Cài đặt biên độ *1	●	
	7	Hẹn giờ TẮT (đã lập trình)*1	●	
	8	Hẹn giờ lập lịch hàng tuần *1	●	
	9	Hẹn giờ BẬT/TẮT		●
Tiện nghi	10	Luồng gió thổi tròn *1	●	
	11	Cài đặt ngược *1	●	
	12	Khởi động nhanh *1	●	
	13	Điều khiển luồng gió độc lập*1	●	
	14	Cảm biến hiện diện hồng ngoại		● Mặt nạ cảm biến
	15	Cảm biến sàn hồng ngoại		● Mặt nạ cảm biến
	17	Luồng gió tự động *1	● Mặt nạ cảm biến	
	18	Đảo gió tự động	●	●
	19	Lựa chọn kiểu đảo gió	●	
	20	Chức năng ngăn gió lùa (chiều sưởi)		●
	21	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh	● 5 bước	● 5 bước
	22	Điều chỉnh lượng gió tự động	●	●
	23	Chế độ quạt tốc độ cao		
	24	Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn *1	●	
	25	Ứng dụng cho các trần nhà cao	● 3.5m / 4.2m	
26	Khởi động nóng		●	
27	Ứng dụng làm lạnh quanh năm		●	
28	Vận hành êm vào ban đêm *3	●		
Vệ sinh	29	Phin lọc kháng khuẩn	●	
	30	Phin lọc chống mốc		
	31	Máng nước xả có chứa ion bạc kháng khuẩn	●	
	32	Máng nước xả chống mốc		
Vận hành & bảo trì sửa chữa	33	Mặt nạ lưới tự động	●	
	34	Hệ thống bơm nước xả	●	
	35	Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 30 m *3	●	
	36	Phin lọc siêu bền	●	
	37	Tín hiệu lọc	●	●
	38	Phát hiện áp suất gas thấp *3	●	
	39	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp	●	
	40	Chức năng tự chẩn đoán	●	●
	41	Hiển thị liên lạc về dịch vụ *1	●	
Tính năng điều khiển	42	Tự khởi động lại	●	
	43	Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi	●	●
	44	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	●	● *7
	45	Điều khiển nhóm bằng 1 bộ điều khiển từ xa	●	●
	46	Khóa liên động thiết bị ngoại vi *4		● Mặt nạ cảm biến
	47	Tín hiệu ngoại vi TẮT cưỡng bức và vận hành BẬT/TẮT	●	
	48	Điều khiển theo lệnh ngoại vi	●	
	49	Điều khiển trung tâm từ xa	●	
	50	Điều khiển khóa liên động với HRV	●	
	51	Giao tiếp DIII-NET tiêu chuẩn	●	
	Tùy chọn	52	Phin lọc hiệu suất cao	●
53		Phin lọc siêu bền	●	
54		Bộ nạp gió tươi	●	
55		Bộ bảo vệ quá áp cho PCB *3		

		DÀN LẠNH NỔI ONG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH		DÀN LẠNH ÁP TRẦN	
		 FBA71/100BVMA		 FBA71/100BVMV	
		RZA71/100BV2V		RZA71/100BV2V	
		BRC1E62	—	BRC1E63	—
		—	BRC4C65	—	BRC7M53
1					
2					
3					
4				●	
5	●			●	
6	●			●	
7	●			●	
8	●			●	
9			●		●
10					
11	●			●	
12	●			●	
13					
14					
15					
17					
18				●	●
19					
20				●	
21	● 3 bước	● 3 bước		● 5 bước	● 5 bước
22	●			●	●
23					
24	●				
25				● 3.5m / 4.3m	
26		●		●	
27		●		●	
28	●			●	
29		● *6		●	
30					
31		●			
32					
33					
34				● *6	
35				●	
36		● *6		●	
37	●	●		●	●
38				●	
39		●		●	
40	●	●		●	●
41	●			●	
42		●		●	
43	●		●	●	●
44	●			●	● *8
45	●		●	●	●
46					
47		●		●	
48		●		●	
49		●		●	
50		●		●	
51		●		●	
52		●			
53					
54				●	
55					

Lưu ý:

- *1: Áp dụng khi sử dụng điều khiển BRC1E63
- *2: Không áp dụng khi nhóm điều khiển
- *3: Áp dụng cho các dàn nóng
- *4: Cần bộ tiếp hợp nối dây (và hộp lắp đặt)
- *5: Cần bộ tiếp hợp nối dây cho thiết bị điện (và hộp lắp đặt)
- *6: Tùy chọn
- *7: Không thể sử dụng 2 điều khiển từ xa không dây
- *8: Có thể kết hợp BRC1E63 (Chính) và BRC7M (phụ)

TÍNH NĂNG

Các tính năng phong phú mang lại môi trường điều hòa không khí tiện nghi cho các cửa hàng và văn phòng

Lưu ý: Một số chức năng chỉ có ở một số dòng sản phẩm nhất định. Xin tham khảo danh mục chức năng đầy đủ của mỗi loại dàn lạnh ở các trang giới thiệu tổng quan tính năng.

Tiết kiệm năng lượng

1. Giám sát tiêu thụ điện năng

Điện năng tiêu thụ được hiển thị cho hiện tại và những ngày trước cũng như theo khoảng thời gian hàng tuần, hàng năm.

2. Chế độ cảm biến dừng

Khi phòng không có người, hệ thống tự động dừng.

3. Chế độ cảm biến tốc độ thấp

Khi phòng không có người, nhiệt độ cài đặt tự động thay đổi.

4. Tự động hiển thị TẮT

Khi ngừng hoạt động, màn hình LCD sẽ TẮT. Nó sẽ hiển thị trở lại khi ấn bất kỳ nút nào.

5. Tự động trở về điểm cài đặt

Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt thay đổi, nhiệt độ cài đặt mới sẽ trở về cài đặt trước đó sau khi hết thời hạn cài đặt trước.

6. Cài đặt biên độ

Tiết kiệm điện năng bằng cách giới hạn nhiệt độ cài đặt tối đa và tối thiểu. Tránh việc quá lạnh hoặc quá nóng.

7. Hẹn giờ TẮT (đã lập trình)

Cài đặt và lưu cài đặt trong một khoảng thời gian, có thể tự động tắt máy điều hòa sau khoảng thời gian cài đặt sẵn cho mỗi lần khởi động máy.

8. Hẹn giờ lập lịch hàng tuần

Có thể lập trình cài đặt đến 5 lần BẬT/TẮT cho mỗi ngày trong tuần. Không chỉ cài đặt thời gian, còn có thể cài đặt nhiệt độ.

9. Hẹn giờ BẬT/TẮT

Máy hoạt động khi thời gian cài đặt trước để BẬT trôi qua và dừng khi thời gian cài đặt trước để TẮT trôi qua.

Tiện nghi

10. Luồng gió thổi tròn

Tại thời điểm bắt đầu hoạt động, luồng gió sẽ thay đổi liên tục giữa thổi ngang và thổi hướng xuống (đảo gió trong khi làm lạnh), và gió được đưa đi khắp phòng loại bỏ tình trạng nhiệt độ không đồng đều.

11. Cài đặt ngưng

Duy trì nhiệt độ phòng ở một biên độ cụ thể trong lúc phòng không có người bằng cách khởi động tạm thời máy điều hòa đã được TẮT.

12. Khởi động nhanh

Tại thời điểm bắt đầu hoạt động, có thể vận hành ưu tiên công suất

13. Điều khiển luồng gió độc lập

Luồng gió tại mỗi cửa gió có thể được điều khiển độc lập với nhau để mang lại phân phối gió tối ưu.

14. Cảm biến hiện diện hồng ngoại

Cảm biến phát hiện sự hiện diện của người tại 1 trong 4 khu vực.

15. Cảm biến sàn hồng ngoại

Cảm biến phát hiện nhiệt độ sàn nhà và tự động điều chỉnh vận hành của dàn lạnh để giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa sàn và trần.

16. Luồng gió tự động

Khi tính năng này được cài đặt, hướng gió có thể thổi trực tiếp vào người hoặc thổi ra xa người khi phát hiện có người trong phòng.

17. Đảo gió tự động

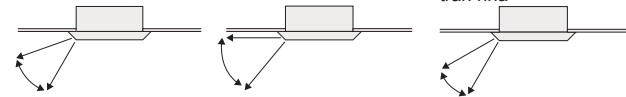
Mang lại không khí điều hòa để chịu cho mọi khu vực gần và xa máy điều hòa.

■ Có thể cố định hướng thổi gió tại góc mong muốn bằng điều khiển từ xa.

18. Lựa chọn kiểu đảo gió

Bạn có thể cài đặt hướng thổi gió tùy thích bằng điều khiển từ xa.

(1) Cài đặt hướng gió ở vị trí chuẩn (2) Cài đặt ngăn gió lùa ở vị trí ngăn bám bản trần nhà (3) Cài đặt hướng gió ở vị trí ngăn bám bản trần nhà



19. Chức năng ngăn gió lùa (chiều xuôi)

Để ngăn ngừa gió lạnh, tự động điều chỉnh luồng gió gần theo phương ngang khi bắt đầu vận hành xuôi hoặc khi máy nén tắt.

20. Tốc độ quạt có thể điều chỉnh

Cài đặt tốc độ cao để tận hưởng luồng gió mạnh tối đa và cài đặt tốc độ thấp để giảm thiểu sức gió thổi vào người.

21. Tự động điều chỉnh lưu lượng gió

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió theo chênh lệch nhiệt độ giữa nhiệt độ trong phòng và nhiệt độ cài đặt.

22. Chế độ quạt tốc độ cao

Có thể tăng tốc độ quạt lên khoảng 10% so với cài đặt tốc độ quạt "cao".

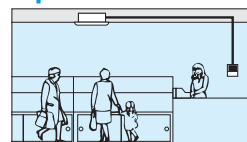
23. Hai bộ cảm biến nhiệt tùy chọn

Cả dàn lạnh và điều khiển từ xa có dây đều có bộ cảm biến nhiệt.

Cảm biến nhiệt độ gần hơn với nhiệt độ phòng giúp tăng cảm giác dễ chịu.

● Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều hòa được điều khiển từ một phòng khác.

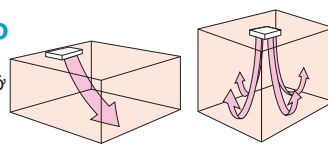
Chú ý: Điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt



24. Ứng dụng cho trần cao

Giúp lưu thông gió theo các hướng đến mặt sàn tạo cảm giác dễ chịu ở những nơi có trần cao và sử dụng máy điều hòa.

Lưu ý: Khi các máy điều hòa được lắp đặt trên trần cao, tùy thuộc vào từng loại máy mà có thể bị hạn chế một số chức năng liên quan đến độ cao tối đa, hướng thổi gió và lựa chọn các thiết bị phụ hợp



25. Khởi động nóng

Tránh luồng gió lạnh khi khởi động chế độ sưởi hoặc chuyển sang chế độ sưởi sau khi xả đá.

26. Ứng dụng làm lạnh quanh năm

Làm lạnh hiệu quả ngay cả khi vào mùa đông khi nhiệt độ trong nhà cao hơn nhiệt độ ngoài trời, ví dụ như trong các khu vực công cộng ngầm dưới đất hoặc văn phòng có nhiều máy tính.

27. Vận hành êm vào ban đêm

Chế độ vận hành êm tự động vào ban đêm sẽ khởi động sau 8 tiếng sau khi nhiệt độ đạt đỉnh điểm vào ban ngày và trở lại chế độ hoạt động bình thường 10 tiếng sau đó.

Vệ sinh

28. Phin lọc kháng khuẩn

Phin lọc được xử lý kháng khuẩn giúp ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc trên phin lọc.

29. Phin lọc chống mốc

Phin lọc vệ sinh được xử lý chống mốc.

30. Máng nước xả có chứa ion bạc kháng khuẩn

Xử lý kháng khuẩn được tích hợp sử dụng ion bạc trong máng nước xả để ngăn ngừa sự phát triển của chất nhờn, vi khuẩn và nấm mốc gây mùi hôi và tắc nghẽn.

31. Máng nước xả chống mốc

Máng nước xả chống mốc ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc trong điều kiện độ ẩm cao.

Vận hành & bảo trì sửa chữa

32. Mặt nạ lưới tự động

Việc vệ sinh lưới hút gió và phin lọc có thể được thực hiện mà không cần thang bằng việc hạ thấp lưới hút gió.

33. Hệ thống bơm nước xả

Độ dốc lớn cho phép thoát nước ngưng hiệu quả hơn. Độ cao ống lớn đặc biệt có ích khi đường ống nước xả dài.



34. Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 30 m

Nếu chiều dài ống môi chất lạnh không vượt quá 30m thì không cần nạp thêm môi chất lạnh.

35. Phin lọc siêu bền

Không cần bảo dưỡng trong vòng 1 năm *
Phin lọc có thể giặt và tái sử dụng
*Với nồng độ bụi 0.15mg/m³

36. Tín hiệu lọc

Tín hiệu lọc báo cho bạn biết khi nào cần làm vệ sinh phin lọc.
*Khi sử dụng điều khiển từ xa có dây, tín hiệu sẽ hiển thị trên màn hình LCD. Khi sử dụng điều khiển từ xa không dây đến tín hiệu sáng trên bộ nhận tín hiệu dàn lạnh.

37. Phát hiện áp suất gas thấp

Nạp thiếu môi chất lạnh thường khó phát hiện. Trong quá trình vận hành thử sau khi lắp đặt và kiểm tra thông thường, lượng môi chất lạnh được giám sát bằng một vi xử lý để duy trì áp suất hơi phù hợp. Độ tin cậy được đảm bảo và việc bảo dưỡng kiểm tra có thể được thực hiện nhanh chóng hơn.

38. Vận hành khẩn cấp

Ngay cả khi có sự cố xảy ra tại một vị trí nào đó trong hệ thống, quạt hoặc máy nén vẫn có thể hoạt động. (tùy vào lỗi gì).

39. Chức năng tự chẩn đoán

Các thông số hoạt động của dàn nóng và dàn lạnh, số liệu cảm biến tại một số vị trí trọng yếu trong hệ thống được giám sát liên tục bằng vi xử lý. Để nhanh chóng trong việc phản ứng khi xảy ra sự cố, thông báo sẽ hiển thị trên màn hình LCD của điều khiển từ xa và đèn LEC trên dàn lạnh sẽ phát sáng.

40. Hiển thị liên lạc về dịch vụ

Khi lắp đặt máy, có thể đăng kí thông tin người bảo hành sửa chữa vào điều khiển từ xa có dây.

Các đặc tính điều khiển

41. Tự khởi động lại

Nếu mất điện khi thiết bị đang hoạt động thì khi có điện trở lại, máy sẽ khởi động lại chế độ vận hành như trước thời điểm mất điện.

42. Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi

Khi phát hiện có sự chênh lệch nhiệt độ thực tế trong phòng và nhiệt độ cài đặt trước thì hệ thống sẽ tự động chuyển sang chế độ làm lạnh hoặc sưởi phù hợp.

43. Điều khiển bằng 2 điều khiển từ xa

Sử dụng 2 điều khiển từ xa để vận hành thiết bị tại chỗ hoặc từ một vị trí xa thiết bị.

*Khi sử dụng loại điều khiển từ xa không dây thì không thể điều khiển hệ thống bằng 2 điều khiển từ xa
Combination of BRC1E63 (main) and BRC7M (sub) is available.

44. Điều khiển nhóm bằng 1 điều khiển từ xa

Người sử dụng có thể bật/tắt 16 dàn lạnh cùng lúc bằng một điều khiển từ xa duy nhất. (khi sử dụng các dàn lạnh được kết nối với nhau thì các cài đặt phải giống nhau và việc bật/tắt sẽ thực hiện đồng thời).

45. Khóa liên động thiết bị ngoại vi

Sự hiện diện của người được phát hiện bằng cảm biến hồng ngoại tích hợp trên mặt nạ cảm biến, và tín hiệu phát hiện người có thể trở thành đầu ra liên kết với thiết bị ngoại vi. Có thể tiết kiệm năng lượng thông qua liên kết với các thiết bị ngoại vi như đèn chiếu sáng, với cảm biến người hồng ngoại.

*Cần bố tiếp hợp nối dây (và hộp lắp đặt)

46. Tín hiệu ngoại vi TẮT cưỡng bức và vận hành BẬT/TẮT

Máy điều hòa có thể được kết nối với hệ thống thẻ từ và BẬT/TẮT máy bằng việc khóa hoặc mở phòng. Máy điều hòa cũng có thể được TẮT bằng việc kết nối với hệ thống thông gió và tín hiệu TẮT của đèn.
*Cài đặt tại công trình bằng điều khiển từ xa.

47. Điều khiển bằng lệnh ngoại vi

Việc vận hành và giám sát được thực hiện bằng cách sử dụng tín hiệu liên lạc từ hộp điều khiển vận hành trong phòng giám sát của tòa nhà.
*Cần thiết nối dây bộ chuyển đổi cho các phụ kiện điện từ (và hộp cài đặt).

48. Điều khiển trung tâm từ xa

Tùy chọn điều khiển từ xa trung tâm giúp cho việc kiểm soát tập trung 1024 dàn lạnh (64 nhóm) từ cách xa lên đến 1km.

49. Chế độ điều khiển khóa liên động với HRV

Giúp cho việc điều khiển bằng cơ chế khóa liên động với các thiết bị bên ngoài như thiết bị thông gió thu hồi nhiệt HRV.

50. Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Giao diện tiêu chuẩn giúp cho việc kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm mà không cần thiết bị tiếp hợp.

Phụ kiện tùy chọn

51. Phin hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%

52. Phin lọc siêu bền

Không cần bảo dưỡng trong khoảng 4 năm* (10.000 giờ) ở các cửa hàng và văn phòng.

*Đối với mật độ bụi 0.15 mg/m³

53. Bộ nạp gió tươi

Người dùng có thể lấy gió sạch cho máy điều hòa từ bên ngoài. Phụ kiện này tiện lợi ở những nơi không thể lắp quạt thông gió.

54. Bộ bảo vệ quá áp cho PCB

Mạch tùy chọn loại bỏ việc sử dụng ổn áp và cung cấp thêm một phương thức bảo vệ khác cho các thành phần trong dàn nóng như động cơ quạt và máy nén.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Thổi đa hướng> (1 Pha) Một chiều lạnh

Tên sản phẩm		50	60	71	100	125	140	
Dàn lạnh	Dàn lạnh	FCF50CVM	FCF60CVM	FCF71CVM	FCF100CVM	FCF125CVM	FCF140CVM	
	Dàn nóng	RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V	RZF100CVM	RZF125CVM	RZF140CVM	
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz			1 Pha, 220-240V / 220-230V, 50Hz / 60Hz			
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)	
		Btu/h (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	1.14	1.53	1.93	2.97	4.18	5.47	
COP	W/W	4.39	3.92	3.68	3.37	2.99	2.56	
CSPF	Wh/Wh	6.60	6.31	6.17	5.50	5.15	5.00	
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị						
	Mặt nạ trang trí	Màu trắng sáng						
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	23.0 / 21.0 / 18.5 / 16.0 / 13.5			34.5 / 31.0 / 27.5 / 24.0 / 20.0		
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	cfm	812 / 741 / 653 / 565 / 477			1,218 / 1,094 / 971 / 847 / 706		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	dB(A)	37.0 / 34.5 / 32.0 / 29.5 / 27.5			45.0 / 41.5 / 38.0 / 35.0 / 32.5		
	Thiết bị	mm	256x840x840			298x840x840		
	Mặt nạ trang trí	mm	50x950x950					
	Trọng lượng máy	kg	22			24		
	Mặt nạ trang trí	kg	5.5					
	Dải hoạt động	°CWB	14 đến 25					
Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà						
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel					
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín					
	Công suất động cơ	kW	1.3			1.6		
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	1.2(Đã nạp cho)			1.3(Đã nạp cho 30 m)		
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48	49	52	54	
	Thiết bị	dB(A)	44		45			
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	595x845x300			695x930x350		
	Trọng lượng máy	kg	41			48		
	Dải hoạt động	°CDB	21 đến 46			21 đến 46		
Ống nối	Lống (Loe)	mm	φ9.5			φ15.9		
	Lống (Loe)	mm	φ15.9			φ26.0 (Lỗ)		
	Ống xả	Dàn lạnh	mm			VP25 (I.D. φ25xO.D. φ32)		
	Dàn nóng	mm	φ26.0 (Lỗ)			φ26.0 (Lỗ)		
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương)			30		
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30			30			
Cách nhiệt		Cả ống ống hơi và ống lỏng						



DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Thổi đa hướng> (3 Pha) Một chiều lạnh

Tên sản phẩm		71	100	125	140	
Dàn lạnh	Dàn lạnh	FCF71CVM	FCF100CVM	FCF125CVM	FCF140CVM	
	Dàn nóng	RZF71CYM	RZF100CYM	RZF125CYM	RZF140CYM	
Nguồn điện	Dàn nóng	3 Pha, 380-415V / 380V, 50Hz / 60Hz				
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)	
		Btu/h (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	1.93	2.97	4.18	5.47	
COP	W/W	3.68	3.37	2.99	2.56	
CSPF	Wh/Wh	6.17	5.50	5.15	5.00	
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị				
	Mặt nạ trang trí	Màu trắng sáng				
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	23.0 / 21.0 / 18.5 / 16.0 / 13.5		34.5 / 31.0 / 27.5 / 24.0 / 20.0	
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	cfm	812 / 741 / 653 / 565 / 477		1,218 / 1,094 / 971 / 847 / 706	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	dB(A)	37.0 / 34.5 / 32.0 / 29.5 / 27.5		45.0 / 41.5 / 38.0 / 35.0 / 32.5	
	Thiết bị	mm	256x840x840		298x840x840	
	Mặt nạ trang trí	mm	50x950x950			
	Trọng lượng máy	kg	22		24	
	Mặt nạ trang trí	kg	5.5			
	Dải hoạt động	°CWB	14 đến 25			
Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà				
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel			
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín			
	Công suất động cơ	kW	1.6		2.4	
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	1.3(Đã nạp cho 30 m)		1.9(Đã nạp cho 30 m)	
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48	49	52
	Thiết bị	dB(A)	44		45	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	695x930x350		990x940x320	
	Trọng lượng máy	kg	48		64	
	Dải hoạt động	°CDB	21 đến 46		21 đến 46	
Ống nối	Lống (Loe)	mm	φ9.5		φ15.9	
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		φ26.0 (Lỗ)	
	Ống xả	Dàn lạnh	mm		VP25 (I.D. φ25xO.D. φ32)	
	Dàn nóng	mm	φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)	
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương)		30	
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30		30		
Cách nhiệt		Cả ống ống hơi và ống lỏng				

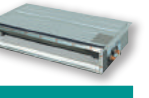
Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang).
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đóng âm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.



DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG NHỎ GỌN (1 Pha) Một chiều lạnh

Tên sản phẩm		50	60	
Dàn lạnh	Dàn lạnh	FFF50BV1	FFF60BV1	
	Dàn nóng	RZF50CV2V	RZF60CV2V	
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz		
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	
		Btu/h (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	1.51	2.00	
COP	W/W	3.31	3.00	
CSPF	Wh/Wh	4.96	4.73	
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị		
	Mặt nạ trang trí	Trắng		
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	15.0 / 10.0	
	Độ ồn ³ (Cao/Thấp)	cfm	530 / 353	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	dB(A)	41 / 32	
	Thiết bị	mm	260(286*)x575x575 (*Bao gồm hộp điều khiển)	
	Mặt nạ trang trí	mm	55x700x700	
	Trọng lượng máy	kg	17.5	
	Mặt nạ trang trí	kg	2.7	
	Dải hoạt động	°CWB	14 đến 25	
Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà		
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel	
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín	
	Công suất động cơ	kW	1.3	
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	1.2(Đã nạp cho 30 m)	
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48
	Thiết bị	dB(A)	44	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	595x845x300	
	Trọng lượng máy	kg	41	
	Dải hoạt động	°CDB	21 đến 46	
Ống nối	Lống (Loe)	mm	φ9.5	
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9	
	Ống xả	Dàn lạnh	mm	VP20 (I.D. φ20xO.D. φ26)
	Dàn nóng	mm	φ26.0 (Lỗ)	
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)	
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30		
Cách nhiệt		Cả ống ống hơi và ống lỏng		

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang).
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đóng âm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.



DÀN LẠNH ÂM TRẦN ỐNG GIÓ MỎNG (1 Pha) Một chiều lạnh

Tên sản phẩm		50	60	
Dàn lạnh	Dàn lạnh	FDF50BV1	FDF60BV1	
	Dàn nóng	RZF50CV2V	RZF60CV2V	
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz		
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.3-6.3)	
		Btu/h (7,800-19,100)	20,500 (7,800-21,500)	
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	1.51	1.98	
COP	W/W	3.31	3.03	
CSPF	Wh/Wh	4.98	4.78	
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị		
	Mặt nạ trang trí	Màu trắng sáng		
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	16.0 / 13.5	
	Độ ồn ³ (Cao/Thấp)	cfm	565 / 477	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	dB(A)	38 / 34	
	Thiết bị	mm	200x1100x620	
	Mặt nạ trang trí	mm	30	
	Trọng lượng máy	kg	30	
	Mặt nạ trang trí	kg	3.0	
	Dải hoạt động	°CWB	14 đến 25	
Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà		
	Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel	
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín	
	Công suất động cơ	kW	1.3	
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	1.2(Đã nạp cho 30 m)	
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48
	Thiết bị	dB(A)	44	
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	595x845x300	
	Trọng lượng máy	kg	41	
	Dải hoạt động	°CDB	21 đến 46	
Ống nối	Lống (Loe)	mm	φ9.5	
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9	
	Ống xả	Dàn lạnh	mm	VP20 (I.D. φ20xO.D. φ26)
	Dàn nóng	mm	φ26.0 (Lỗ)	
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)	
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30		
Cách nhiệt		Cả ống ống hơi và ống lỏng		

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang).
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đóng âm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



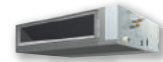
DÀN LẠNH NỘI ỚNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH (1 Pha)

Một chiều lạnh

		50	60	71	100	125	140			
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FBA50BVMA	FBA60BVMA	FBA71BVMA	FBA100BVMA	FBA125BVMA	FBA140BVMA			
	Dàn nóng	RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V	RZF100CVM	RZF125CVM	RZF140CVM			
Nguồn điện	Dàn lạnh	1 Pha, 220-240V / 220-230V, 50Hz / 60Hz			1 Pha, 220-240V / 220-230V, 50Hz / 60Hz					
	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz								
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.3-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)		
		Btu/h	17,100 (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)		
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	kW	1.35	1.64	2.15	3.01	4.44	5.69		
COP		W/W	3.70	3.66	3.30	3.32	2.82	2.46		
CSPF		Wh/Wh	5.51	5.30	5.19	4.88	4.70	4.47		
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng								
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	18.0 / 15.0 / 12.5		23.0 / 19.5 / 16.0		32.0 / 27.0 / 22.5		36.0 / 30.5 / 25.0	
		Áp suất tĩnh bên ngoài ³	635 / 530 / 441		812 / 688 / 565		1,130 / 953 / 794		1,271 / 1,077 / 883	
		Độ ồn ⁴ (Cao/Trung bình/Thấp)	35.0 / 33.0 / 31.0		38.0 / 35.0 / 33.0		40.0 / 37.5 / 35.0			
		Phin lọc ⁵	14 đến 25							
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	245x1000x800			245x1400x800				
		Trọng lượng máy	37			47				
		Dải hoạt động	°CWB							
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà							
		Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel						
Máy nén		Loại	Swing dạng kín							
		Công suất động cơ	1.3		1.6		2.4			
		Mức nạp môi chất làm lạnh (R32)	1.2(Đã nạp cho 30 m)		1.3(Đã nạp cho 30 m)		1.9(Đã nạp cho 30 m)			
		Độ ồn ⁴	48		49		52		54	
			44		45		45		54	
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	595x845x300			695x930x350			990x940x320	
		Trọng lượng máy	41			48			64	
		Dải hoạt động	°CDB							
Ống nối	Lồng (Loe)	mm	φ9.5		φ15.9		φ15.9			
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		φ15.9		φ15.9			
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (I.D.φ25xO.D.φ32)							
		Dàn nóng	φ26.0 (Lỗ)		φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)			
		Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m							
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m								
	Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m								
	Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng								

DÀN LẠNH NỘI ỚNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH (3 Pha)

Một chiều lạnh



		71	100	125	140				
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FBA71BVMA	FBA100BVMA	FBA125BVMA	FBA140BVMA				
	Dàn nóng	RZF71CYM	RZF100CYM	RZF125CYM	RZF140CYM				
Nguồn điện	Dàn lạnh	1 Pha, 220-240V / 220-230V, 50Hz / 60Hz							
	Dàn nóng	3 Pha, 380-415V / 380V, 50Hz / 60Hz							
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)			
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)			
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	kW	2.15	3.01	4.44	5.69			
COP		W/W	3.30	3.32	2.82	2.46			
CSPF		Wh/Wh	5.19	4.88	4.70	4.47			
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng							
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	23.0 / 19.5 / 16.0		32.0 / 27.0 / 22.5		36.0 / 30.5 / 25.0		
		Áp suất tĩnh bên ngoài ³	812 / 688 / 565		1,130 / 953 / 794		1,271 / 1,077 / 883		
		Độ ồn ⁴ (Cao/Trung bình/Thấp)	38.0 / 35.0 / 33.0		40.0 / 37.5 / 35.0				
		Phin lọc ⁵	14 đến 25						
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	245x1000x800		245x1400x800				
		Trọng lượng máy	37		47				
		Dải hoạt động	°CWB						
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà						
		Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel					
Máy nén		Loại	Swing dạng kín						
		Công suất động cơ	1.6		2.4				
		Mức nạp môi chất làm lạnh (R32)	1.3(Đã nạp cho 30 m)		1.9(Đã nạp cho 30 m)				
		Độ ồn ⁴	48		49		54		
			44		45		54		
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	695x930x350			990x940x320			
		Trọng lượng máy	48			64			
		Dải hoạt động	°CDB						
Ống nối	Lồng (Loe)	mm	φ9.5		φ15.9		φ15.9		
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		φ15.9		φ15.9		
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (I.D.φ25xO.D.φ32)						
		Dàn nóng	φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)				
		Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m						
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m							
	Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m							
	Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng							

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Áp suất tĩnh bên ngoài có thể thay đổi theo 11 mức độ bằng điều khiển từ xa.
⁴Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lượng dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.
⁵Phin lọc khi không phải là phụ kiện tiêu chuẩn phải có, nhưng khuyến cáo gắn bộ phận này vào hệ thống ống nối gió ở phía hút gió. Chọn hiệu suất lọc bụi (phương pháp trọng lực) 50% hoặc hơn.

DÀN LẠNH ÁP TRẦN (1 Pha)

Một chiều lạnh



		50	60	71	100	125	140			
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FHA50BVMV	FHA60BVMV	FHA71BVMV	FHA100BVMV	FHA125BVMV	FHA140BVMV			
	Dàn nóng	RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V	RZF100CVM	RZF125CVM	RZF140CVM			
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz								
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.3-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)		
		Btu/h	17,100 (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)		
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	kW	1.20	1.53	2.30	3.24	4.29	5.40		
COP		W/W	4.17	3.92	3.09	3.09	2.91	2.59		
CSPF		Wh/Wh	6.30	6.11	5.91	5.17	5.09	4.78		
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng								
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	15.0 / 13.5 / 12.0 / 11.0 / 10.0		20.5 / 18.8 / 17.0 / 15.5 / 14.0		28.0 / 26.0 / 24.0 / 22.0 / 20.0		31.0 / 29.0 / 27.0 / 25.0 / 23.0	
		cmf	530 / 477 / 424 / 388 / 353		724 / 664 / 600 / 547 / 494		988 / 918 / 847 / 777 / 706		1,094 / 1,024 / 953 / 883 / 812	
		Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	37.0 / 36.0 / 35.0 / 33.5 / 32.0		38.0 / 37.0 / 36.0 / 35.0 / 34.0		42.0 / 40.0 / 38.0 / 36.0 / 34.0		44.0 / 42.5 / 41.0 / 39.0 / 37.0	
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	235x960x690			235x1270x690			235x1590x690	
		Trọng lượng máy	25			32			38	
		Dải hoạt động	°CWB							
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà							
		Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel						
		Máy nén	Loại	Swing dạng kín						
		Công suất động cơ	1.3		1.6		2.4			
		Mức nạp môi chất làm lạnh (R32)	1.2(Đã nạp cho 30 m)		1.3(Đã nạp cho 30 m)		1.9(Đã nạp cho 30 m)			
		Độ ồn ³	48		49		52		54	
			44		45		45		54	
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	595x845x300			695x930x350			990x940x320	
		Trọng lượng máy	41			48			64	
		Dải hoạt động	°CDB							
Ống nối	Lồng (Loe)	mm	φ9.5		φ15.9		φ15.9			
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		φ15.9		φ15.9			
	Ống xả	Dàn lạnh	VP20 (I.D.φ20xO.D.φ26)							
		Dàn nóng	φ26.0 (Lỗ)		φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)			
		Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m							
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m								
	Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m								
	Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng								

		71	100	125	140					
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FHA71BVMV	FHA100BVMV	FHA125BVMV	FHA140BVMV					
	Dàn nóng	RZF71CYM	RZF100CYM	RZF125CYM	RZF140CYM					
Nguồn điện	Dàn nóng	3 Pha, 380-415V / 380V, 50Hz / 60Hz								
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)				
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)				
Công suất điện tiêu thụ	Làm lạnh	kW	2.30	3.24	4.29	5.40				
COP		W/W	3.09	3.09	2.91	2.59				
CSPF		Wh/Wh	5.91	5.17	5.09	4.78				
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng sáng								
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	20.5 / 18.8 / 17.0 / 15.5 / 14.0		28.0 / 26.0 / 24.0 / 22.0 / 20.0		31.0 / 29.0 / 27.0 / 25.0 / 23.0		34.0 / 31.5 / 29.0 / 26.5 / 24.0	
		cmf	724 / 664 / 600 / 547 / 494		988 / 918 / 847 / 777 / 706		1,094 / 1,024 / 953 / 883 / 812		1,200 / 1,112 / 1,024 / 935 / 847	
		Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	38.0 / 37.0 / 36.0 / 35.0 / 34.0		42.0 / 40.0 / 38.0 / 36.0 / 34.0		44.0 / 42.5 / 41.0 / 39.0 / 37.0		46.0 / 44.0 / 42.0 / 40.0 / 38.0	
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	235x960x690			235x1270x690			235x1590x690	
		Trọng lượng máy	32			38				
		Dải hoạt động	°CWB							
	Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà							
		Dàn tản nhiệt	Loại	Micro channel						
		Máy nén	Loại	Swing dạng kín						
		Công suất động cơ	1.6		2.4					
		Mức nạp môi chất làm lạnh (R32)	1.3(Đã nạp cho 30 m)		1.9(Đã nạp cho 30 m)					
		Độ ồn ³	48		49		52		54	
			44		45		45		54	
		Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	695x930x350			990x940x320				
		Trọng lượng máy	48			64				
		Dải hoạt động	°CDB							
Ống nối	Lồng (Loe)	mm	φ9.5		φ15.9		φ15.9			
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		φ15.9		φ15.9			
	Ống xả	Dàn lạnh	VP20 (I.D.φ20xO.D.φ26)							
		Dàn nóng	φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)					
		Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m							
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m								
	Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m								
	Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng								

Lưu ý:
¹Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
²Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh.
³Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lượng dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vọng âm.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG (1 Pha)

Một chiều lạnh

		50	60	71	100	125	140		
Tên Model	Dàn lạnh	FVA50AMVM	FVA60AMVM	FVA71AMVM	FVA100AMVM	FVA125AMVM	FVA140AMVM		
	Dàn nóng	RZF50CV2V	RZF60CV2V	RZF71CV2V	RZF100CVM	RZF125CVM	RZF140CVM		
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz			1 Pha, 220-240V, 50Hz				
Công suất làm lạnh ^{1,2} Chỉ số (Tối thiểu - Tối đa)	kW	5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)		
		Btu/h	17,100 (7,800-19,100)	20,500 (8,900-21,500)	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	1.23	1.79	2.51	3.48	4.48		
COP		W/W	4.07	3.35	2.83	2.79	2.45		
CSPF		Wh/Wh	6.03	4.86	4.46	4.19	4.18		
Dàn lạnh	Màu	Trắng sáng							
	Lưu lượng gió (C / TB / T)	m ³ /phút	18 / 16 / 14			28 / 25 / 22		28 / 26 / 24	
	Độ ồn ³ (C / TB / T)	cfm	635 / 565 / 494			988 / 883 / 777		988 / 918 / 847	
	Kích thước (C×R×D)	dB(A)	43 / 41 / 38			50 / 47 / 44		51 / 48 / 46	
	Trọng lượng máy	mm	1,850×600×270			1,850×600×350		1,850×600×350	
	Giới hạn hoạt động	kg	42			50		50	
Dàn nóng	Màu	Trắng ngà							
	Dàn trao đổi nhiệt	Loại	Micro channel						
	Máy nén	Loại	Máy nén Swing dạng kín						
	Công suất	kW	1.30			1.60		2.40	
	Nạp sẵn gas (R32)	kg	1.2 (Đã nạp cho 30 m)			1.3 (Đã nạp cho 30 m)		1.9 (Đã nạp cho 30 m)	
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48			49		52
	Chế độ ban đêm	dB(A)	44			45		45	
	Kích thước (C×R×D)	mm	595×845×300			695×930×350		990×940×320	
	Trọng lượng	kg	41			48		64	
	Giới hạn hoạt động	°CDB	21 to 46			21 to 46		21 to 46	
Ống kết nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5						
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9						
	Nước xả	Dàn lạnh	mm	VP20 (I.D.φ20×O.D.φ26)					
	Dàn nóng	mm	φ26.0 (Lỗ)			φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)	
Chiều dài đường ống tối đa	m	50 (Chiều dài tương đương 70)							
Độ cao chênh lệch đường ống tối đa	m	30							
Bọc cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi								



DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG (3 Pha)

Một chiều lạnh

		71	100	125	140		
Tên Model	Dàn lạnh	FVA71AMVM	FVA100AMVM	FVA125AMVM	FVA140AMVM		
	Dàn nóng	RZF71CYM	RZF100CYM	RZF125CYM	RZF140CYM		
Nguồn điện	Dàn nóng	3 Pha, 380-415V, 50Hz					
Công suất làm lạnh ^{1,2} Chỉ số (Tối thiểu - Tối đa)	kW	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.5)		
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)	34,100 (17,100-38,200)	42,700 (19,500-47,800)	47,800 (21,200-52,900)	
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	kW	2.51	3.48	4.48		
COP		W/W	2.83	2.87	2.79		
CSPF		Wh/Wh	4.46	4.19	4.67		
Dàn lạnh	Màu	Trắng sáng					
	Lưu lượng gió (C / TB / T)	m ³ /min	18 / 16 / 14		28 / 26 / 24		
	Độ ồn ³ (C / TB / T)	cfm	635 / 565 / 494		988 / 918 / 847		
	Kích thước (C×R×D)	dB(A)	43 / 41 / 38		51 / 48 / 46		
	Trọng lượng máy	mm	1,850×600×270		1,850×600×350		
	Giới hạn hoạt động	kg	42		50		
Dàn nóng	Màu	Trắng ngà					
	Dàn trao đổi nhiệt	Loại	Micro channel				
	Máy nén	Loại	Máy nén Swing dạng kín				
	Công suất	kW	1.60		2.40		
	Nạp sẵn gas (R32)	kg	1.3 (Đã nạp cho 30 m)		1.9 (Đã nạp cho 30 m)		
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	48		49	
	Chế độ ban đêm	dB(A)	44		45		
	Kích thước (C×R×D)	mm	695×930×350		990×940×320		
	Trọng lượng	kg	48		64		
	Giới hạn hoạt động	°CDB	21 to 46		21 to 46		
Ống kết nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5				
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9				
	Nước xả	Dàn lạnh	VP20 (I.D.φ20×O.D.φ26)				
	Dàn nóng	mm	φ18.0 (Lỗ)		φ26.0 (Lỗ)		
Chiều dài đường ống tối đa	m	50 (Chiều dài tương đương 70)					
Độ cao chênh lệch đường ống tối đa	m	30					
Bọc cách nhiệt	Ống lỏng và ống hơi						

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
² Công suất sưởi định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB, 15°CWB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
³ Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ dàn lạnh
⁴ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vòm âm.
⁵ Áp suất tĩnh bên ngoài có thể thay đổi theo 11 mức bằng điều khiển từ xa.
⁶ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vòm âm.

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Thổi đa hướng> (1 Pha)

Hai chiều lạnh/sưởi



		71	100		
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FCF71CVM	FCF100CVM		
	Dàn nóng	RZA71BV2V	RZA100BV2V		
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz			
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	7.1 (3.2-8.0)			
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)		
Công suất sưởi ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	7.1 (3.2-8.0)			
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)		
COP	Làm lạnh	3.70	3.80		
	Sưởi	4.49	4.20		
CSPF	Làm lạnh	5.75	5.41		
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị			
	Mặt nạ trang trí	Mặt nạ trang trí			
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	23.0 / 21.0 / 18.5 / 16.0 / 13.5		
	Độ ồn ³ (H / HM / M / ML / L)	cfm	812 / 741 / 653 / 565 / 477		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	dB(A)	37.0 / 34.5 / 32.0 / 29.5 / 27.5		
	Thiết bị	mm	256×840×840		
	Mặt nạ trang trí	mm	50×950×950		
	Trọng lượng máy	kg	22		
	Mặt nạ trang trí	kg	5.5		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB	14 đến 25	
Sưởi	°CDB	15 đến 27			
Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà			
	Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm		
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín		
	Công suất động cơ	kW	2.4		
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	2.6 (Đã nạp cho 30 m)		
	Độ ồn ³	Lạnh/Sưởi	dB(A)	48 / 50	
	Vận hành vào ban đêm	dB(A)	45		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	990×940×320		
	Trọng lượng	kg	73		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CDB	-5 đến 50	
Sưởi	°CWB	-15 đến 15.5			
Ống nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5		
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (I.D.φ25×O.D.φ32)		
	Dàn nóng	mm	φ26.0 (Lỗ)		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30			
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng				

DÀN LẠNH NỐI ỐNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH (1 Pha)

Hai chiều lạnh/sưởi



		71	100		
Tên sản phẩm	Dàn lạnh	FBA71BVMA	FBA100BVMA		
	Dàn nóng	RZA71BV2V	RZA100BV2V		
Nguồn điện	Dàn lạnh	1 Pha, 220V, 50Hz			
Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz				
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	7.1 (3.2-8.0)			
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)		
Công suất sưởi ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW	7.1 (3.2-8.0)			
		Btu/h	24,200 (10,900-27,300)		
COP	Làm lạnh	3.20	3.55		
	Sưởi	3.20	3.55		
CSPF	Làm lạnh	5.69	5.36		
Dàn lạnh	Màu sắc	Thiết bị			
	Quạt	Thiết bị			
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	23.0 / 19.5 / 16.0		
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	cfm	812 / 688 / 565		
	Áp suất tĩnh bên ngoài ⁴	Pa	Định mức 50 (50-150)		
	Phin lọc ⁵	mm	38.0 / 35.0 / 33.0		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	245×1000×800		
	Trọng lượng máy	kg	37		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB	14 đến 25	
	Sưởi	°CDB	15 đến 27		
Dàn nóng	Màu sắc	Màu trắng ngà			
	Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm		
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín		
	Công suất động cơ	kW	2.4		
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	2.6 (Đã nạp cho 30 m)		
	Độ ồn ³	Lạnh/Sưởi	dB(A)	48 / 50	
	Vận hành vào ban đêm	dB(A)	45		
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	990×940×320		
	Trọng lượng máy	kg	73		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CDB	-5 đến 50	
Sưởi	°CWB	-15 đến 15.5			
Ống nối	Lông (Loe)	mm	φ9.5		
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (I.D.φ25×O.D.φ32)		
	Dàn nóng	mm	φ26.0 (Lỗ)		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30			
Cách nhiệt	Cả ống hơi và ống lỏng				

DÀN LẠNH ÁP TRẦN (1 Pha)

Hai chiều lạnh/sưởi



Tên sản phẩm	Dàn lạnh	71		100	
		FHA71BVMV	FHA100BVMV	RZA71BV2V	RZA100BV2V
Loại dàn nóng	Dàn nóng	1 Pha, 220V, 50Hz			
Công suất làm lạnh ^{1,2}		7.1 (3.2-8.0)		10.0 (5.0-11.2)	
Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		24,200 (10,900-27,300)		34,100 (17,100-38,200)	
Công suất sưởi ^{1,2}		7.1 (3.2-8.0)		10.0 (5.0-11.2)	
Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		24,200 (10,900-27,300)		34,100 (17,100-38,200)	
Công suất điện tiêu thụ ^{1,2}	Làm lạnh	2.22		2.86	
	Sưởi	1.82		2.50	
COP	Làm lạnh	3.20		3.50	
	Sưởi	3.90		4.00	
CSPF	Làm lạnh	5.69		5.36	
Dàn lạnh	Màu sắc	Màu trắng			
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /phút	20.5 / 18.8 / 17.0 / 15.5 / 14.0		28.0 / 26.0 / 24.0 / 22.0 / 20.0
	Độ ồn ³ (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)	38.0 / 37.0 / 36.0 / 35.0 / 34.0		42.0 / 40.0 / 38.0 / 36.0 / 34.0
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	235x1270x690		235x1590x690
	Trọng lượng máy	kg	32		38
	Dài hoạt động	Làm lạnh	14 đến 25		
		Sưởi	15 đến 27		
Dàn nóng	Màu sắc	Trắng ngà			
	Dàn tản nhiệt	Loại	Ống đồng cánh nhôm		
	Máy nén	Loại	Swing dạng kín		
	Công suất động cơ	kW	2.4		
	Mức nạp môi chất lạnh (R32)	kg	2.6 (Đã nạp cho 30 m)		
	Độ ồn ³	Làm lạnh/sưởi	48 / 50		51 / 53
		Vận hành vào ban đêm	45		48
	Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm	990x940x320		
	Trọng lượng máy	kg	73		74
	Dài hoạt động	Làm lạnh	-5 đến 50		
		Sưởi	-15 đến 15.5		
Ống nối	Lồng (Loe)	mm	φ9.5		
	Hơi (Loe)	mm	φ15.9		
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (I.D.φ25xO.D.φ32)		
		Dàn nóng	φ26.0 (Lỗ)		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	50 (Chiều dài tương đương 70)			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30			
Cách nhiệt		Cả ống hơi và ống lỏng			

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
 Công suất sưởi định mức dựa trên các điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng 20°CDB, 15°CWB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB; ống dẫn môi chất làm lạnh tương đương 7.5 m (theo phương ngang)
² Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt độ động cơ dàn lạnh
³ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vang âm.
⁴ Áp suất tĩnh bên ngoài có thể thay đổi theo 11 mức bằng điều khiển từ xa.
⁵ Giá trị quy đổi trong điều kiện phòng không đối ẩm. Nếu đo lường dưới các điều kiện lắp đặt thực tế thì giá trị thực thường cao hơn thông số kỹ thuật do tiếng ồn môi trường và độ vang âm.

Dàn lạnh

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN <Thổi đa hướng>



Loại phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FCF50CVM	FCF60CVM	FCF71CVM	FCF100CVM	FCF125CVM	FCF140CVM
1 Mặt nạ trang trí	Mặt nạ tiêu chuẩn với cảm biến	Màu trắng sáng	BYCQ125EEF				
		Màu đen	BYCQ125EEK				
	Mặt nạ tiêu chuẩn	Màu trắng sáng	BYCQ125EAF				
		Màu đen	BYCQ125EAK				
2 Tấm chắn miệng gió ⁴	Mặt nạ thiết kế ¹	Màu trắng sáng	BYCQ125EAPF				
	Mặt nạ lưới tự động ^{2,3}	Màu trắng sáng	BYCQ125EASF				
3 Miếng đệm mặt nạ	Sử dụng cho thổi 3 hướng, thổi 4 hướng		KDBH551C160				
	Sử dụng cho thổi 2 hướng		KDBH552C160				
4 Bộ nạp gió tươi	Loại có buồng ^{5,6}	Không ống nối chữ T	KDDP55B160 (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160-2) ⁸				
		Có ống nối chữ T	KDDP55B160K (Thành phần: KDDP55C160-1, KDDP55B160K2) ⁸				
	Loại lắp trực tiếp ⁷		KDDP55X160A				
5 Phin lọc hiệu suất cao ⁹ (có buồng lọc)	(Phương pháp đo màu 65%)		KAFP556C80	KAFP556C160			
	(Phương pháp đo màu 90%)		KAFP557C80	KAFP557C160			
6 Phin lọc hiệu suất cao có thể thay thế được ^{9,10}	(Phương pháp đo màu 65%)		KAFP552B80	KAFP552B160			
	(Phương pháp đo màu 90%)		KAFP553B80	KAFP553B160			
7 Buồng lọc			KDDFP55C160				
8 Phin lọc có độ bền cao có thể thay thế được			KAFP551K160				
9 Phin lọc siêu bền (có buồng lọc)			KAFP551H161				
10 Thiết bị phin lọc siêu bền (bao gồm buồng lọc) ⁹			KAFP55C160				
11 Phin lọc siêu bền có thể thay thế được ^{9,10}			KAFP55H160H				
12 Buồng ống gió nhánh ⁴			KDJP55C80	KDJP55C160			
13 Bộ cách nhiệt khi độ ẩm cao ¹¹			KDTP55K80	KDTP55K160			
14 Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC7M635F (Màu trắng sáng) / BRC7M635K (Màu đen)				
		Hai chiều lạnh sưởi	BRC7M634F (Màu trắng sáng) / BRC7M634K (Màu đen)				
15 Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹²		BRC1E63				
16 Điều khiển trung tâm từ xa ¹³			DCS302CA61				
17 Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất ¹³			DCS301BA61				
18 Thiết bị lập trình thời gian ¹³			DST301BA61				
19 Điều khiển cảm ứng thông minh ¹³			DCS601C51				
20 Bộ tiếp hợp để nối dây ¹⁴			KRP1C11A				
21 Bộ tiếp hợp nối dây cho các thiết bị điện ¹⁴			KRP4AA53				
22 Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB			KRP1H98A				
23 Cảm biến nhiệt từ xa (đối với nhiệt độ trong phòng)			KRCS01-5B				

Lưu ý:
¹ Khi lắp đặt mặt nạ thiết kế, chiều cao máy (kích thước trần cần thiết) cao hơn mặt nạ tiêu chuẩn 42mm. Mặt nạ thiết kế không thể vận hành thổi 2 và 3 hướng
² Điều khiển từ xa chuyên dùng (BRC16A2) dành cho mặt nạ lưới gió hồi tự động được kèm theo sản phẩm sử dụng cho việc nâng lên và hạ xuống lưới hút gió.
³ Khi lắp đặt mặt nạ lưới gió hồi tự động, chiều cao máy cao hơn mặt nạ tiêu chuẩn 55mm
⁴ Luồng gió tuần hoàn không hoạt động trong lựa chọn này.
⁵ Khi lắp đặt bộ nạp gió tươi (loại có buồng), cần đóng góc của 2 miệng gió ra.
⁶ Thể tích gió tươi đối với loại lắp trực tiếp bằng khoảng 1% lưu lượng gió dàn lạnh.
⁷ Đề xuất lắp đặt loại có buồng khi cần nhiều gió tươi hơn.
⁸ Vui lòng đặt hàng sử dụng tên của cả 2 thành phần thay vì tên của bộ.
⁹ Tùy chọn này không thể lắp đặt cho mặt nạ thiết kế và mặt nạ lưới gió hồi tự động.
¹⁰ Cần lắp đặt buồng lọc.
¹¹ Hãy sử dụng bộ cách nhiệt khi bạn cho rằng nhiệt độ và độ ẩm bên trong trần vượt quá 30°C và 60%.
¹² Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa bán tại địa phương.
¹³ Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Phụ kiện này không cần thiết.
¹⁴ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP1H98A) cần có.

Loại thổi đa hướng: Danh mục các bộ phận tùy chọn cần cho các kiểu thổi gió khác nhau.
 Đối với mỗi kiểu thổi gió - thổi đa hướng, 4 hướng, 3 hướng, 2 hướng, nối ống nhánh thì sự tương thích của mỗi bộ phận lắp đặt độc lập (thể hiện ở cột bên trái) đối với phụ kiện tùy chọn (liệt kê theo hàng ngang của mỗi bảng) được thể hiện trong ô giao giữa dòng và cột tương ứng. Vòng tròn biểu thị sự tương thích và dấu X biểu thị sự không tương thích. Bất kỳ tùy chọn nào không được thể hiện bên dưới sẽ không phù hợp để lắp đặt độc lập hoặc kèm phụ kiện.

Thổi đa hướng • Thổi 4 hướng		Các phụ kiện tùy chọn								
Các bộ phận tùy chọn có thể lắp đặt	Các phụ kiện tùy chọn	Mặt nạ thiết kế	Mặt nạ lưới tự động	Miếng đệm mặt nạ ¹	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	Bộ lọc hiệu suất cao ²	Bộ lọc độ bền cao ²	
Mặt nạ/lưới liên quan	Mặt nạ thiết kế		X	O	O	O	X	X	X	
	Mặt nạ lưới tự động	X		O	O	O	X	X	X	
	Miếng đệm mặt nạ ¹	O	O		O	O	X	O	O	
Chức năng phụ trợ liên quan	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	O	O	O		X	X	O	O	
	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	O	O	O	X		O	O	O	
	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	X	X	X	X	O		X	X	
Phin lọc liên quan	Bộ lọc hiệu suất cao ²	X	X	O	O	O	X		X	
	Bộ lọc độ bền cao ²	X	X	O	O	O	X	X		

Thổi 3 hướng • Thổi 2 hướng ⁵		Các phụ kiện tùy chọn								
Các bộ phận tùy chọn có thể lắp đặt	Các phụ kiện tùy chọn	Mặt nạ thiết kế	Mặt nạ lưới tự động	Miếng đệm mặt nạ ^{1,3}	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	Bộ lọc hiệu suất cao ²	Bộ lọc độ bền cao ²	
Mặt nạ/lưới liên quan	Mặt nạ lưới tự động	X		Δ	O	Δ	X	X	X	
	Miếng đệm mặt nạ ^{1,3}	X	Δ		Δ		X	X	Δ	
Chức năng phụ trợ liên quan	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	X	O	Δ		X	X	X	O	
	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	X	O	Δ	X		O	X	O	
	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	X	X	X	X	O		X	X	
Phin lọc liên quan	Bộ lọc độ bền cao ²	X	X	Δ	O	O	X	X		

Nối ống gió nhánh		Các phụ kiện tùy chọn								
Các bộ phận tùy chọn có thể lắp đặt	Các phụ kiện tùy chọn	Mặt nạ thiết kế	Mặt nạ lưới tự động	Miếng đệm mặt nạ ¹	Bộ nạp gió sạch (có buồng lọc) ^{1,2}	Bộ nạp gió sạch (lắp đặt trực tiếp)	Bộ dụng cụ cách nhiệt khi độ ẩm cao	Bộ lọc hiệu suất cao ²	Bộ lọc độ bền cao ²	
Buồng ống gió nhánh ¹	Nhánh 1 hướng/dàn thổi 3 hướng	O	O	O	O	O ⁴	X	X	O	
	Nhánh 2 hướng/dàn thổi 2 hướng	X	O	X	O	O ⁴	X	X	O	
	Nhánh 1 hướng/dàn thổi 2 hướng	X	O	X	O	O ⁴	X	X	O	

1. Trong một số trường hợp, tùy thuộc vào cách dàn được gắn trên trần mà việc sử dụng các ống gió nhánh và bộ nạp gió sạch có thể thực hiện được hoặc không. Trước khi lắp đặt người dùng phải đảm bảo đã kiểm tra việc lắp nối có khả thi không. Cụ thể phải đảm bảo vị trí bị đẩy xuống thấp hơn do bộ sung các miếng đệm mặt nạ là chấp nhận được.
 2. Sử dụng bộ dụng cụ nối buồng lọc nếu hai loại buồng tùy chọn được sử dụng cùng lúc. Trong trường hợp này, bộ nạp gió sạch phải được lắp ở phía trên.
 3. Không thể sử dụng miếng đệm mặt nạ trong trường hợp lắp đặt thổi 2 hướng.
 4. Không thể lắp ống gió nhánh cùng phía với bộ nạp gió sạch (gắn trực tiếp) khi lắp đặt.
 5. Khi thổi 2 hướng hoặc 3 hướng được lựa chọn thì sẽ không có luồng gió thổi tròn.

DANH MỤC TỰY CHỌN

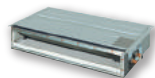
Dàn lạnh



DÀN LẠNH CASSETTE THỜI 4 HƯỚNG NHỎ GỌN

STT	Loại phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ	
			FFF50BV1	FFF60BV1
1	Mặt nạ trang trí		BYFQ60B3W1	
2	Tấm chắn miệng gió		KDBH44BA60	
3	Miếng đệm mặt nạ		KDBQ44BA60A	
4	Bộ nạp gió tươi	Loại lắp đặt trực tiếp	KDDQ44XA60	
5	Phin lọc hiệu suất cao có thể thay thế được		KAFQ441BA60	
6	Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC7E531W
7	Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹		BRC1E62
8	Điều khiển trung tâm từ xa ²			DCS302CA61
9	Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất ²			DCS301BA61
10	Thiết bị lập trình thời gian ²			DST301BA61
11	Điều khiển cảm ứng thông minh ²			DCS601C51
12	Bộ tiếp hợp để nối dây ³			KRP1BA57
13	Bộ tiếp hợp nối dây cho các thiết bị điện (2) ³			KRP4AA53
14	Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB			KRP1BA101
15	Cảm biến nhiệt từ xa (đối với nhiệt độ trong phòng)			BRCS01A-1
16	Giao diện bộ tiếp hợp cho đồng SkyAir			DTA112BA51

Lưu ý:
¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa bán tại địa phương.
² Phụ kiện tùy chọn này yêu cầu DTA112BA51.
³ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP1D93A) là cần thiết.



DÀN LẠNH ẨM TRẦN NỔI ỒNG GIÓ MỎNG

STT	Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ	
			FDF50BV1	FDF60BV1
1	Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC4C64
2	Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹		BRC1E62
3	Cảm biến từ xa (đối với nhiệt độ phòng)			BRCS01A-1
4	Bộ cách nhiệt khi độ ẩm cao			KDT25N63

Lưu ý:
¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa bán tại địa phương.



DÀN LẠNH NỔI ỒNG GIÓ VỚI ÁP SUẤT TĨNH TRUNG BÌNH

STT	Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ				
			FBA50BVMA	FBA60BVMA	FBA71BVMA	FBA100BVMA	FBA125BVMA
1	Phin lọc hiệu suất cao ¹	65%	KAFP632C80			KAFP632C160	
		90%	KAFP633C80			KAFP633C160	
2	Buồng lọc (sử dụng khi hút gió phía sau) ¹		KDDFP63B80			KDDFP63B160	
3	Phin lọc có độ bền cao ¹		KAFP631B80			KAFP631B160	
4	Mặt nạ bảo trì	Trắng	KTBJ25K80W			KTBJ25K160W	
		Trắng sáng	KTBJ25K80F			KTBJ25K160F	
		Nâu	KTBJ25K80T			KTBJ25K160T	
5	Bộ tiếp hợp xả khí		KDAP25A71A			KDAP25A140A	
6	Tấm chắn mặt bên		KDBD63A160				
7	Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC4C66			
			Hai chiều lạnh/sưởi	BRC4C65			
8	Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ²		BRC1E62			
9	Bộ tiếp hợp nối dây dẫn			KRP1C64 *			
10	Bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện(2)			KRP4AA51 *			
11	Tấm đỡ bộ tiếp hợp PCB. ^{3,4,5}			KRP4A98			
12	Cảm biến nhiệt từ xa (đối với nhiệt độ phòng)			BRCS01A-4			
13	Điều khiển trung tâm từ xa ⁶			DCS302CA61			
14	Điều khiển vận hành bật tắt đồng nhất ⁶			DCS301BA61			
15	Bộ lập trình thời gian ⁶			DST301BA61			
16	Điều khiển cảm ứng thông minh ⁶			DCS601C51			

Lưu ý:
¹ Nếu lắp phin lọc hiệu suất cao và phin lọc độ bền cao vào dàn lạnh thì cần có buồng lọc.
² Dây dẫn cho điều khiển từ xa có thể mua tại địa phương.
³ Tấm đỡ cần thiết đối với mỗi loại bộ tiếp hợp có đánh dấu *.
⁴ Có thể có định 2 bộ tiếp hợp trên một tấm đỡ.
⁵ Chỉ có thể lắp một tấm đỡ cho mỗi dàn lạnh.
⁶ Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dùng cho đồng SkyAir. Tuy nhiên phụ kiện này không cần thiết.

Dàn lạnh



DÀN LẠNH ÁP TRẦN

STT	Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ				
			FHA50BVMV	FHA60BVMV	FHA71BVMV	FHA100BVMV	FHA125BVMA
1	Phin lọc độ bền cao có thể thay thế	Lưới nhựa	KAFP501A56		KAFP501A80	KAFP501A160	
2	Bộ nạp gió tươi		KDDQ50A140				
3	Bơm nước xả		KDUP50R160				
4	Dụng cụ nối ống chữ L (hướng lên trên)		KHFP5N160				
5	Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC7M56			
			Hai chiều lạnh/sưởi	BRC7M53			
6	Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹		BRC1E63			
7	Điều khiển trung tâm từ xa ²			DCS302CA61			
8	Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất ²			DCS301BA61			
9	Thiết bị lập trình thời gian ²			DST301BA61			
10	Điều khiển cảm ứng thông minh ²			DCS601C51			
11	Bộ tiếp hợp cho các phụ kiện điện			KRP1BA54			
12	Bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện ³			KRP4AA52			
13	Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB			KRP1D93A			
14	Tấm đỡ bộ tiếp hợp			KKSAP50A56			
15	Cảm biến nhiệt từ xa (đối với nhiệt độ trong phòng)			BRCS01A-4			
16	Hộp điện có đầu tiếp đất (3 cụm)			KJB311AA			
17	Hộp điện có đầu tiếp đất (2 cụm)			KJB212AA			

Lưu ý:
¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có thể bán tại địa phương.
² Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dành cho đồng SkyAir. Phụ kiện này không cần thiết.
³ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP1D93A) là cần thiết.



DÀN LẠNH TỬ ĐỨNG

STT	Tên phụ kiện	Ghi chú	Tên dụng cụ				
			FVA50AMVM	FVA60AMVM	FVA71AMVM	FVA100AMVM	FVA125AMVM
1	Phin lọc độ bền cao có thể thay thế		KAFJ95L160				
2	Điều khiển từ xa	Không dây	Một chiều lạnh	BRC4C66			
3	Điều khiển điều hướng từ xa	Có dây ¹		BRC1E63			
4	Điều khiển trung tâm từ xa ²			DCS302CA61			
5	Điều khiển vận hành Bật/Tắt đồng nhất ²			DCS301BA61			
6	Thiết bị lập trình thời gian ²			DST301BA61			
7	intelligent Touch Controller ²			DCS601C51			
8	Bộ tiếp hợp cho các phụ kiện điện ³			KRP1BA57			
9	Bộ tiếp hợp nối dây cho các phụ kiện điện (2) ³			KRP4AA52			
10	Hộp lắp đặt cho bộ tiếp hợp PCB			KRP4AA95			

Note:
¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có thể bán tại địa phương.
² Dàn lạnh được trang bị chuẩn với bộ tiếp hợp giao diện dành cho đồng SkyAir. Phụ kiện này không cần thiết.
³ Hộp lắp đặt dành cho bộ tiếp hợp PCB (KRP4AA95) là cần thiết.

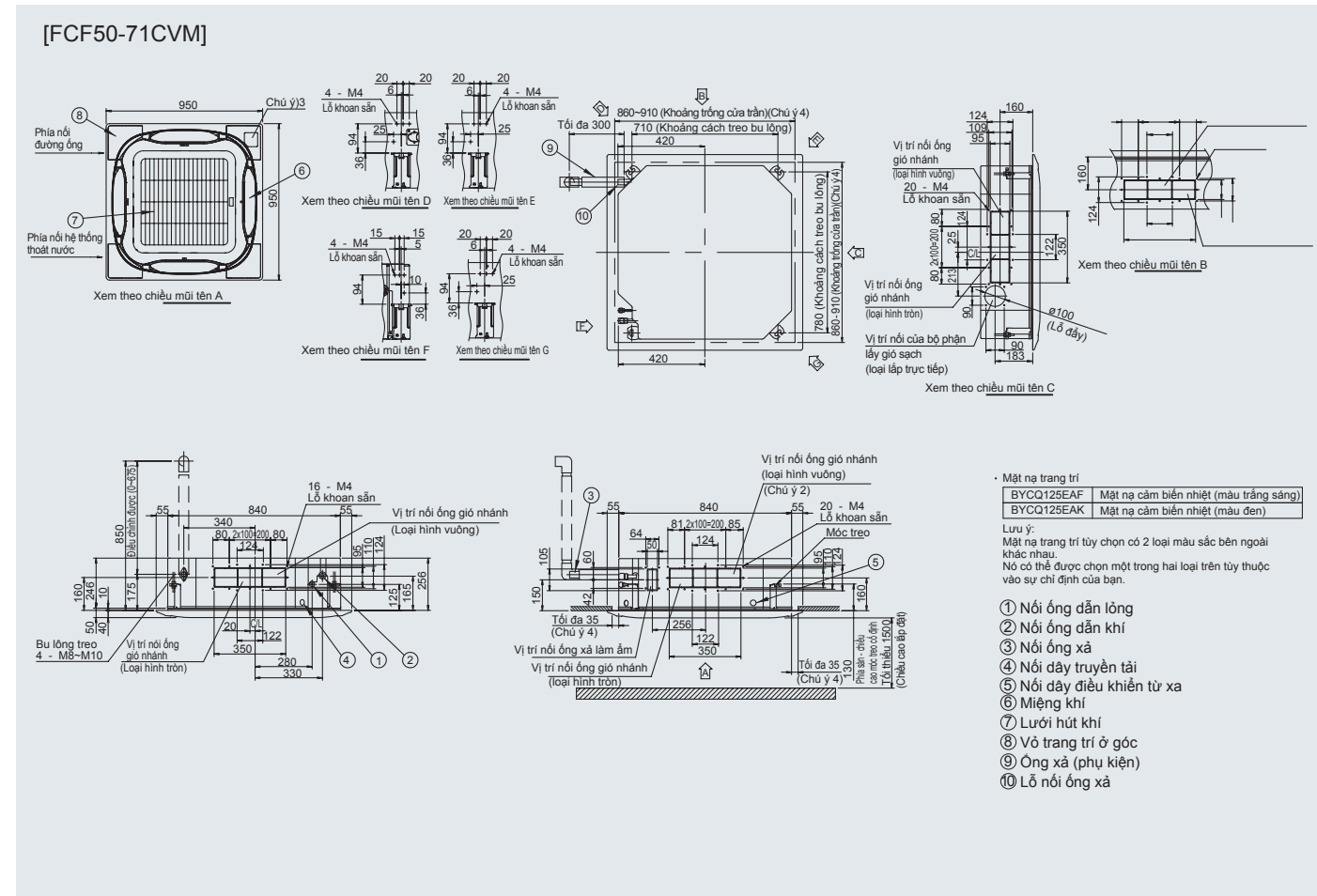
Dàn nóng



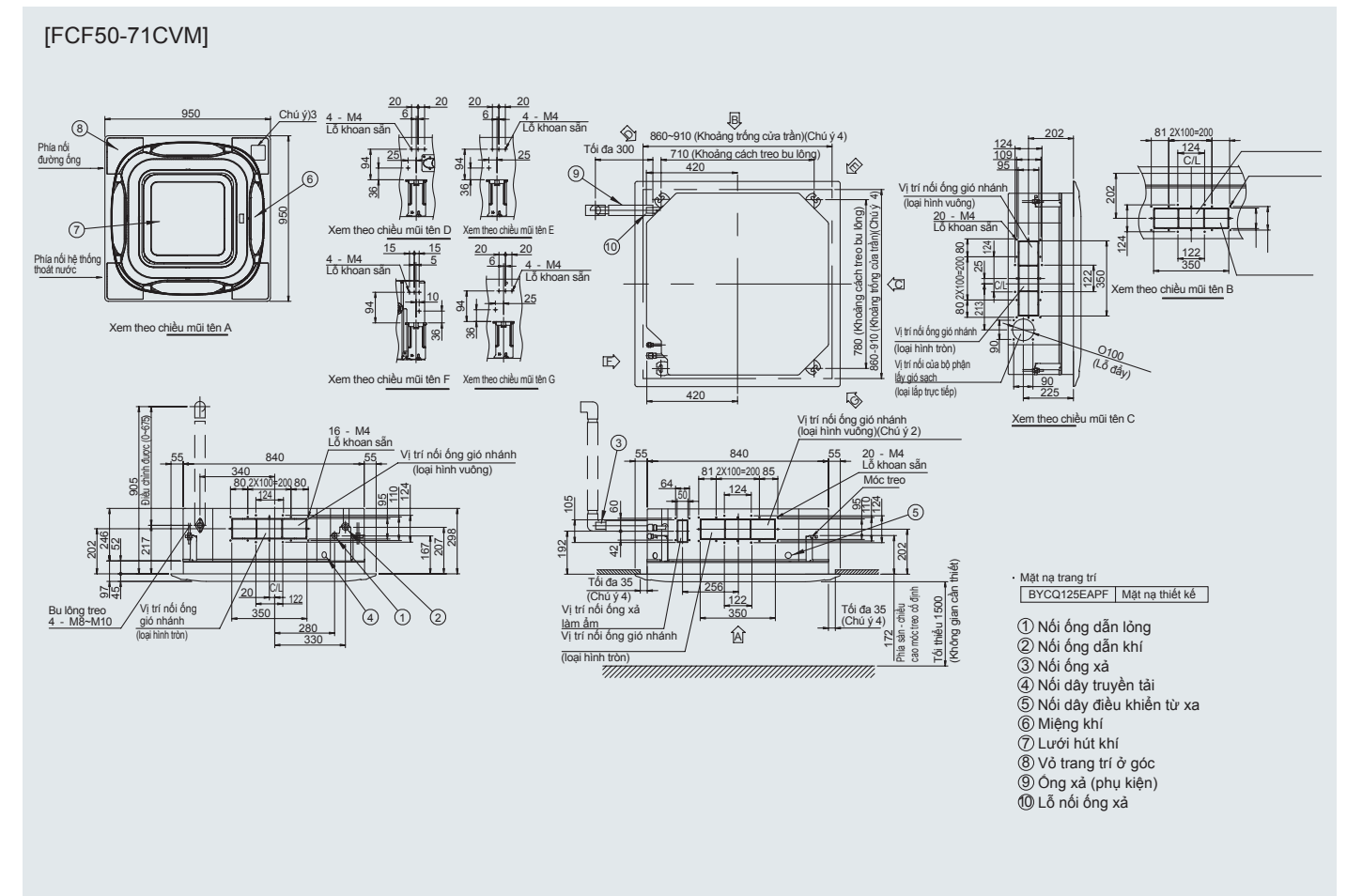
STT	Tên phụ kiện		Tên dụng cụ			
			1 Pha	3 Pha	1 Pha	
			RZF50/60/71CV2V	RZF100CVM	RZF125/140CVM	—
			—	RZF71/100CYM	RZF125/140CYM	—
			—	—	—	RZA71/100BV2V
1	Nút xả nước trung tâm		KKP014A4	KKP937A4	KKPJ5G280	KKPJ5G280
2	Tấm cố định để chống đổ dàn		—	—	KKTP5B112	KKTP5B112
3	Dây cố định để chống đổ dàn		—	—	K-KYZP15C	K-KYZP15C
4	Bộ tiếp hợp		—	KRP58M51	KRP58M51+EKMKSA1	KRP58M51+EKMKSA1
5	Điện áp quá tải PCB	1 Pha	BRV2BPSF	BRV2BPSS	BRV2BPL	—
		3 Pha	—	—	BRV2BPSS+BRV2BPSS	—

KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

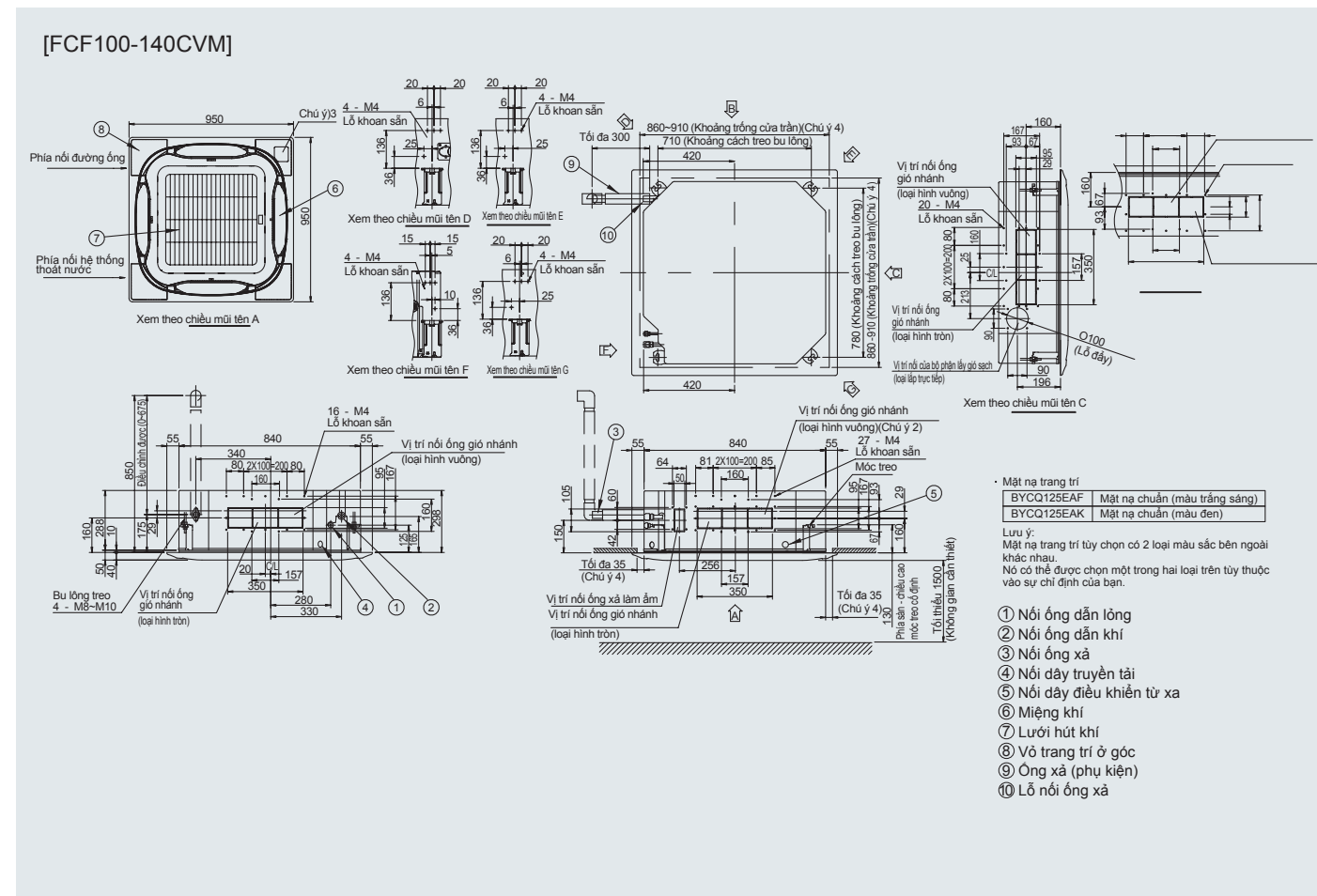
LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN / Mặt nạ tiêu chuẩn



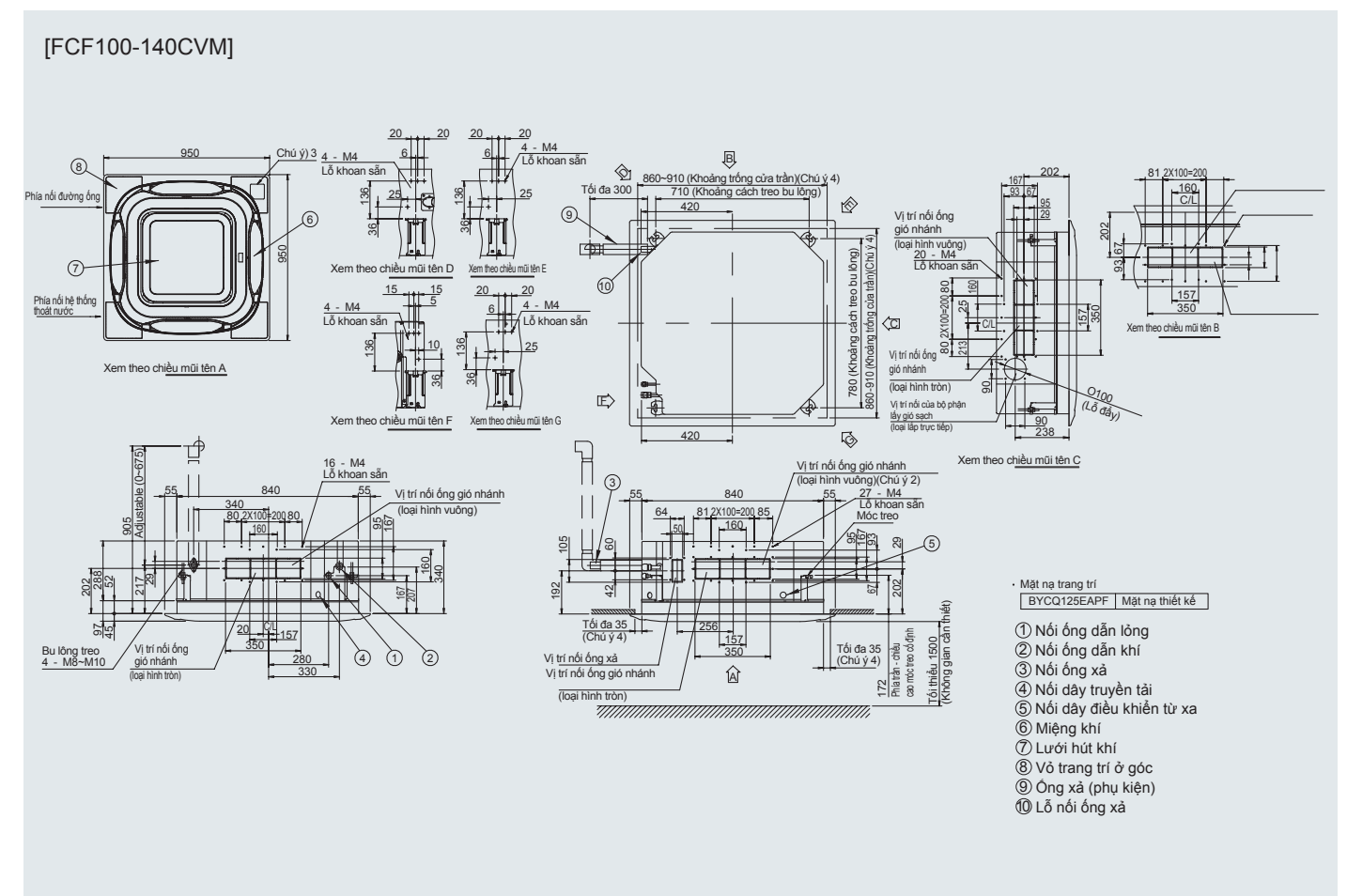
LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN / Mặt nạ thiết kế



LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN / Mặt nạ tiêu chuẩn



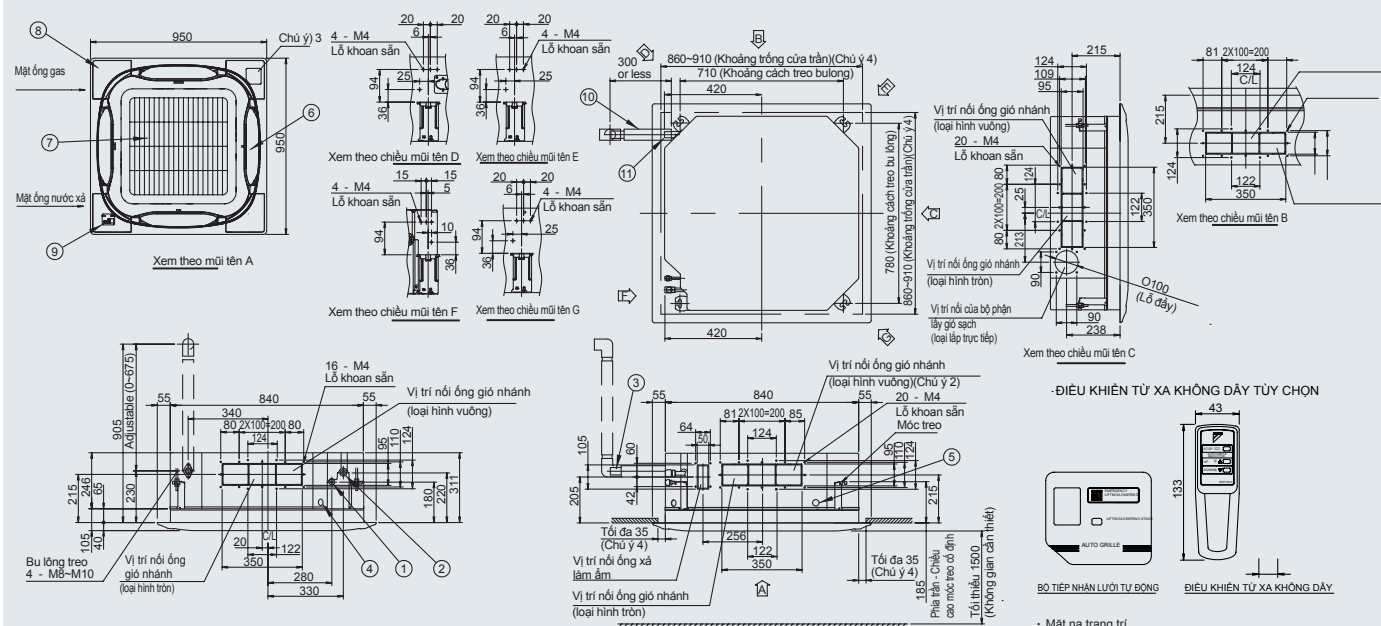
LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN / Mặt nạ thiết kế



KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN / Mặt nạ lưới tự động

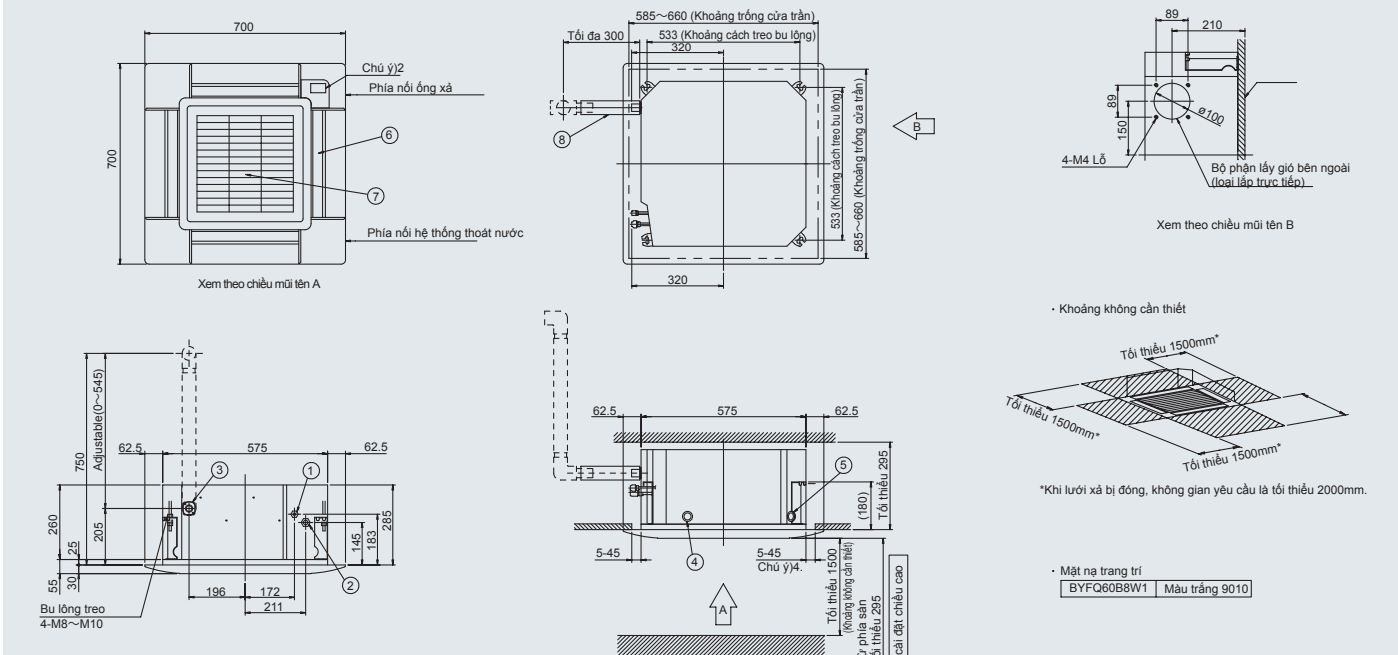
[FCF50-71CVM]



- ① Nối ống dẫn lỏng
- ② Nối ống dẫn khí
- ③ Nối ống xả
- ④ Nối dây truyền tải
- ⑤ Nối dây điều khiển từ xa
- ⑥ Miếng khí
- ⑦ Lưới hút khí
- ⑧ Vỏ trang trí ở góc
- ⑨ Bộ tiếp nhận lưới tự động
- ⑩ Ống xả (phụ kiện)
- ⑪ Lỗ nối ống xả

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG NHỎ GỌN

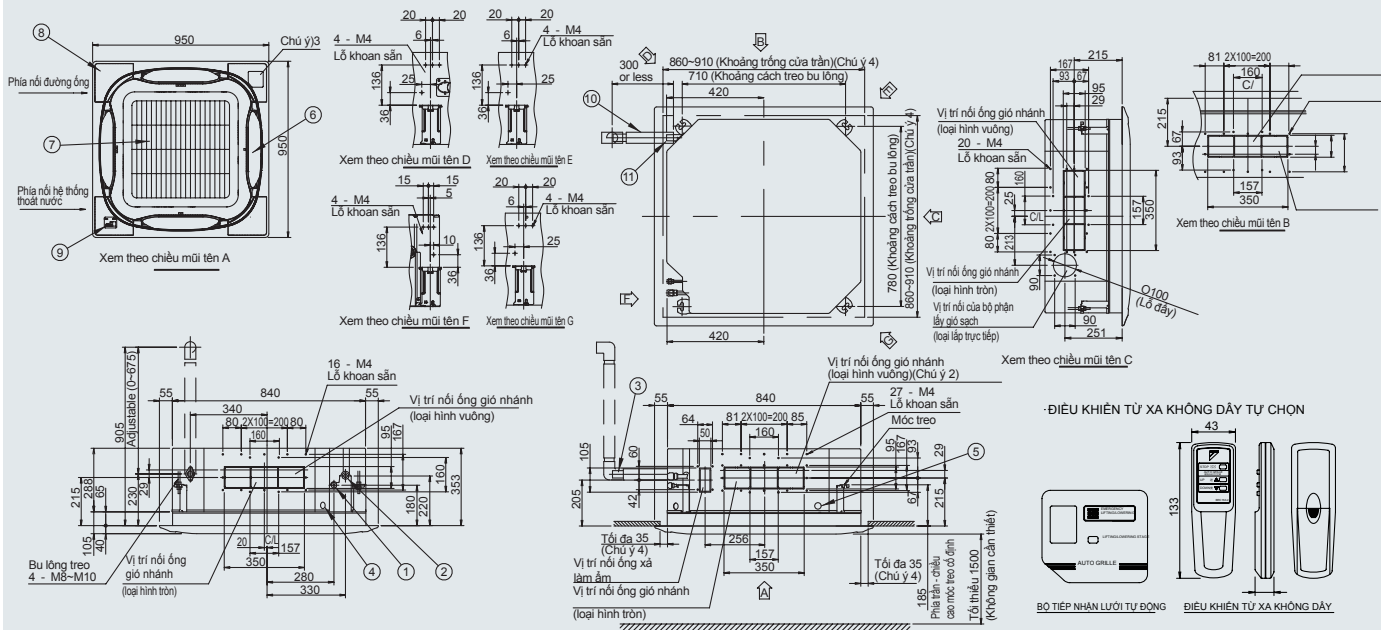
[FFF50/60BV1]



- ① Kết nối ống lỏng
- ② Kết nối ống hơi
- ③ Kết nối ống xả
- ④ Kết nối nguồn điện
- ⑤ Kết nối có dây điều khiển từ xa
- ⑥ Lưới xả khí
- ⑦ Lưới hút khí
- ⑧ Ống xả (phụ kiện)

LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN / Mặt nạ lưới tự động

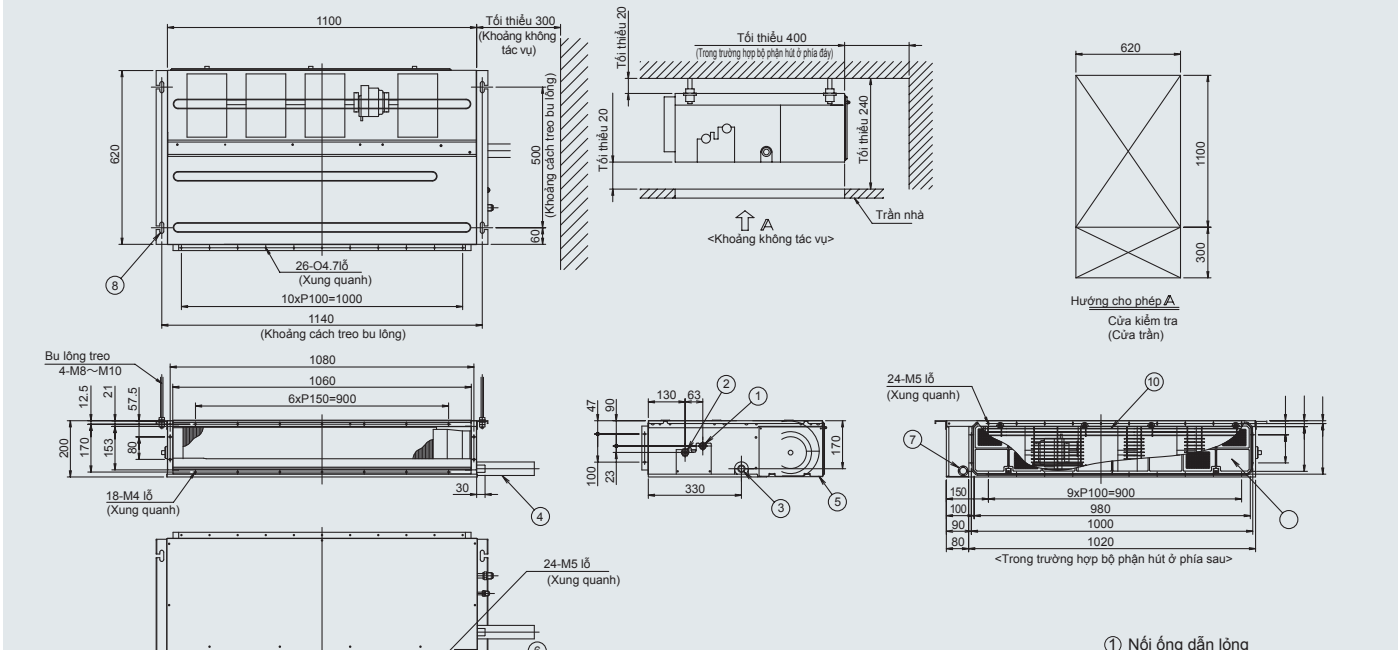
[FCF100-140CVM]



- ① Nối ống dẫn lỏng
- ② Nối ống dẫn khí
- ③ Nối ống xả
- ④ Nối dây truyền tải
- ⑤ Nối dây điều khiển từ xa
- ① Nối ống dẫn lỏng
- ② Nối ống dẫn khí
- ③ Nối ống xả
- ④ Nối dây truyền tải
- ⑤ Nối dây điều khiển từ xa

DÀN LẠNH ÂM TRẦN ỐNG GIÓ MỎNG

[FDF50/60BV1]

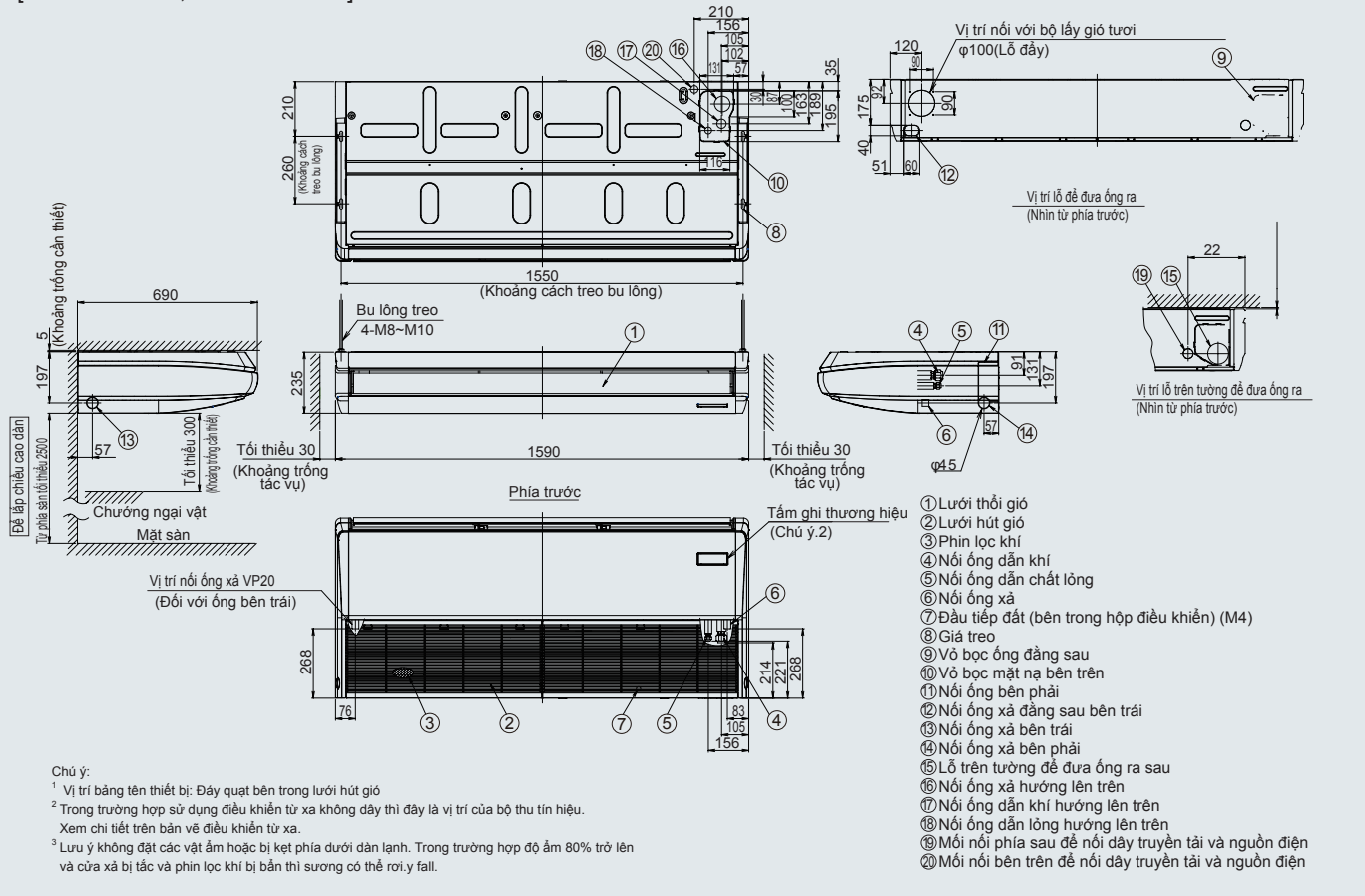


- ① Nối ống dẫn lỏng
- ② Nối ống dẫn khí
- ③ Ổ điện cho ống xả
- ④ Ống xả (phụ kiện)
- ⑤ Hộp điều khiển
- ⑥ Nối dây chuyển giao
- ⑦ Nối nguồn điện
- ⑧ Đỡ giá treo
- ⑨ Phin lọc không khí (phụ kiện)
- ⑩ Lưới bảo vệ

KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

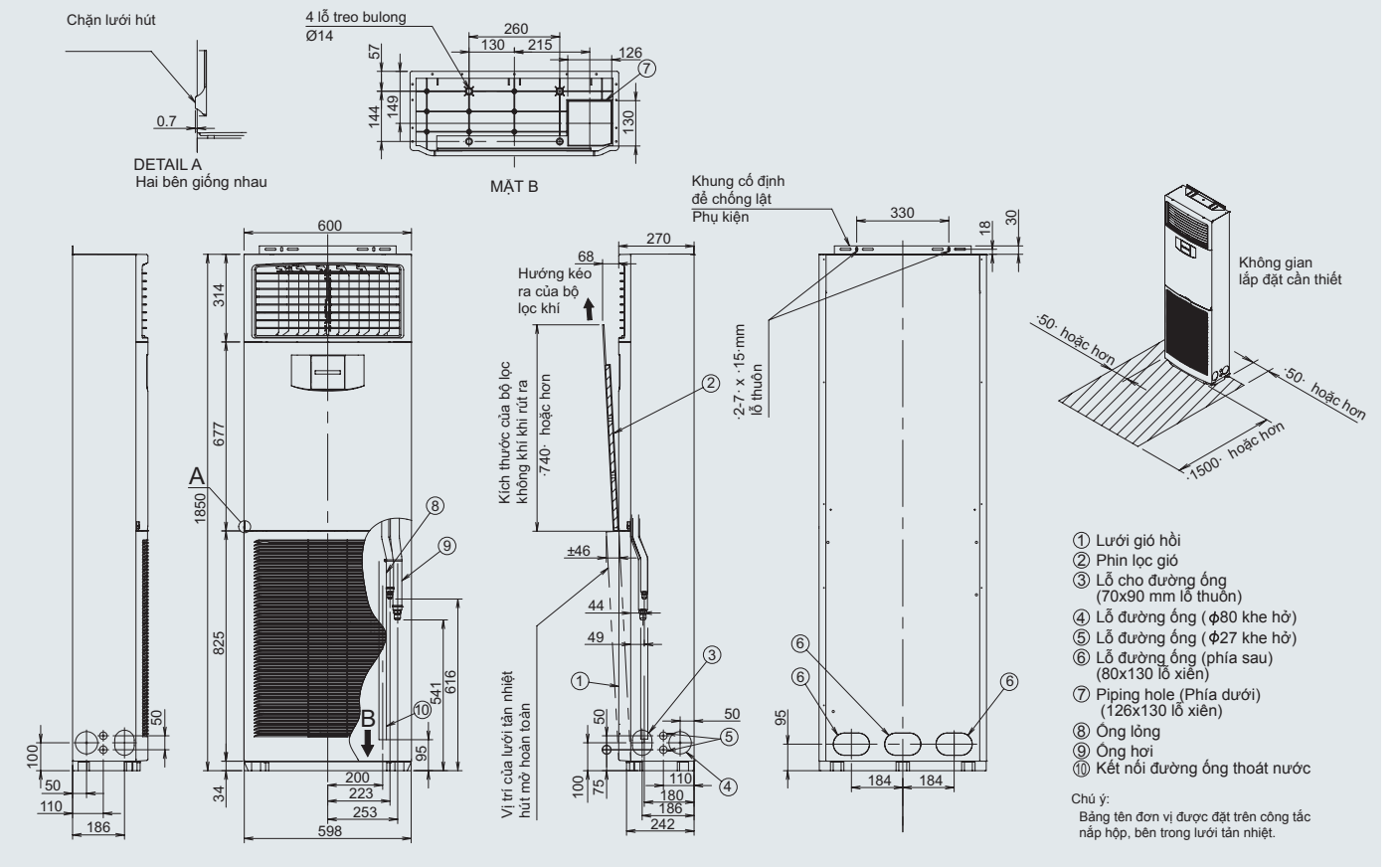
DÀN LẠNH ÁP TRẦN

[FHA100BVMV, 125/140BVMA]



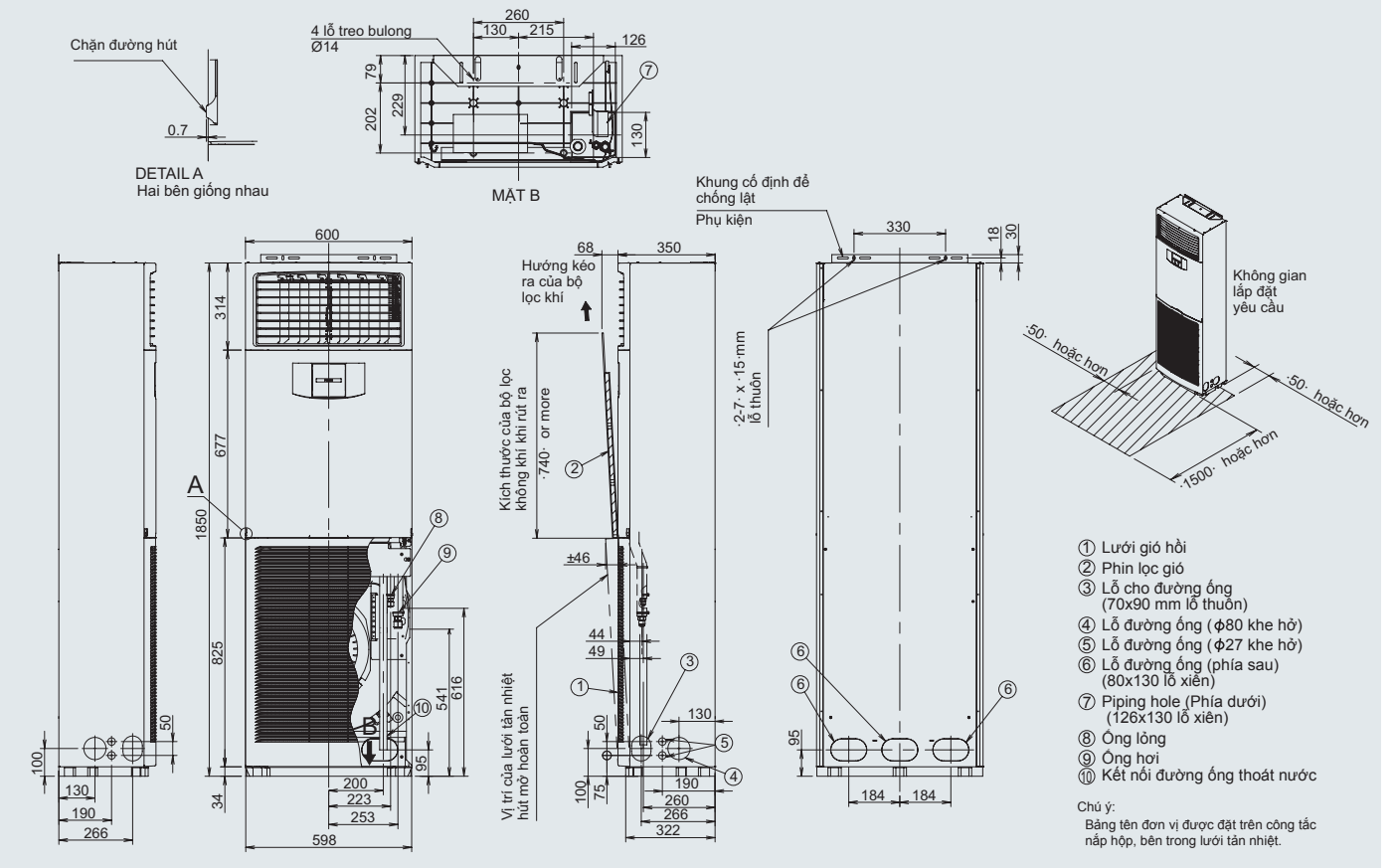
DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG

[FVA50-71AMVM]



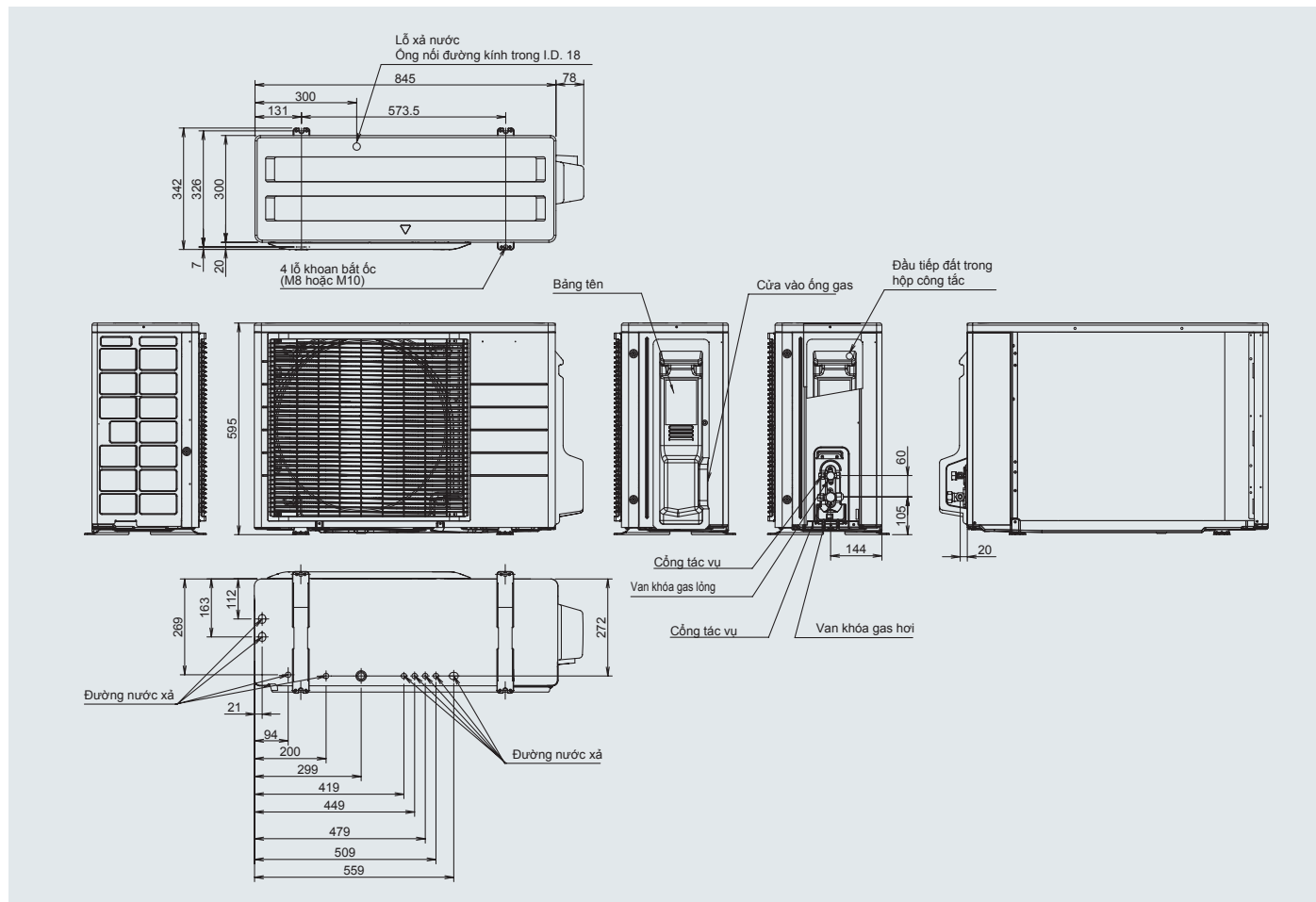
DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG

[FVA100-140AMVM]

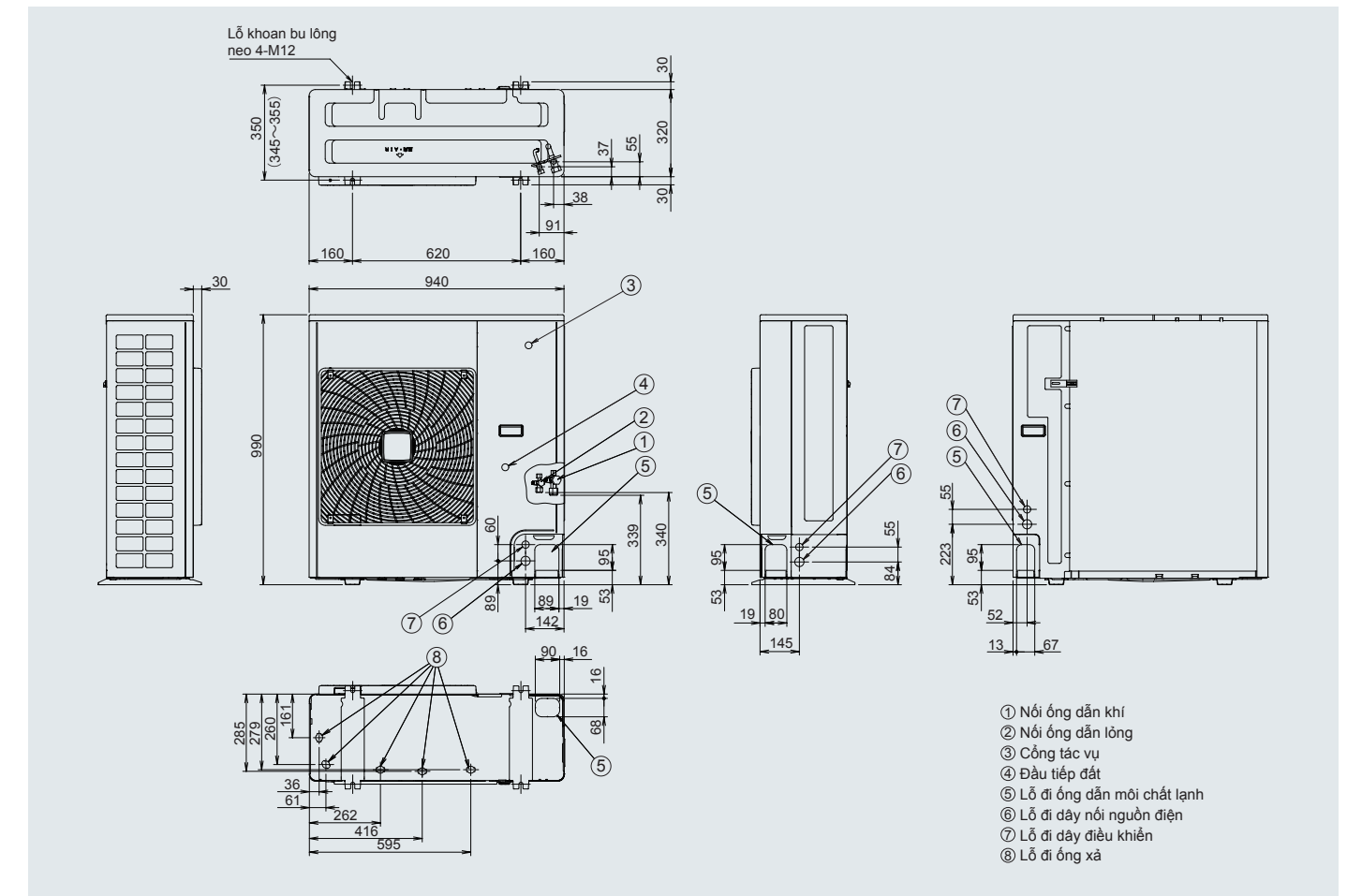


KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

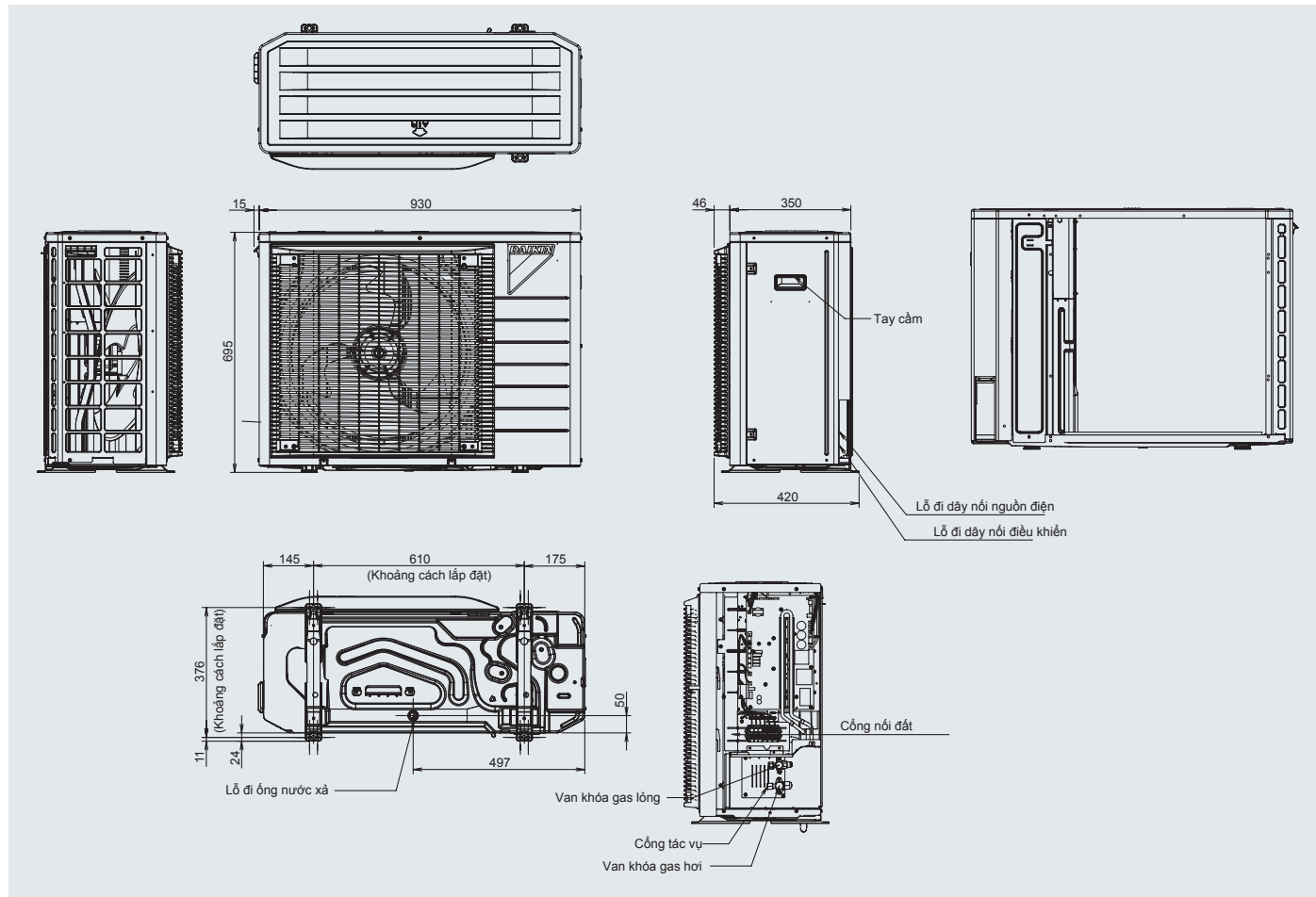
DÀN NÓNG // RZF50/60/71CV2V



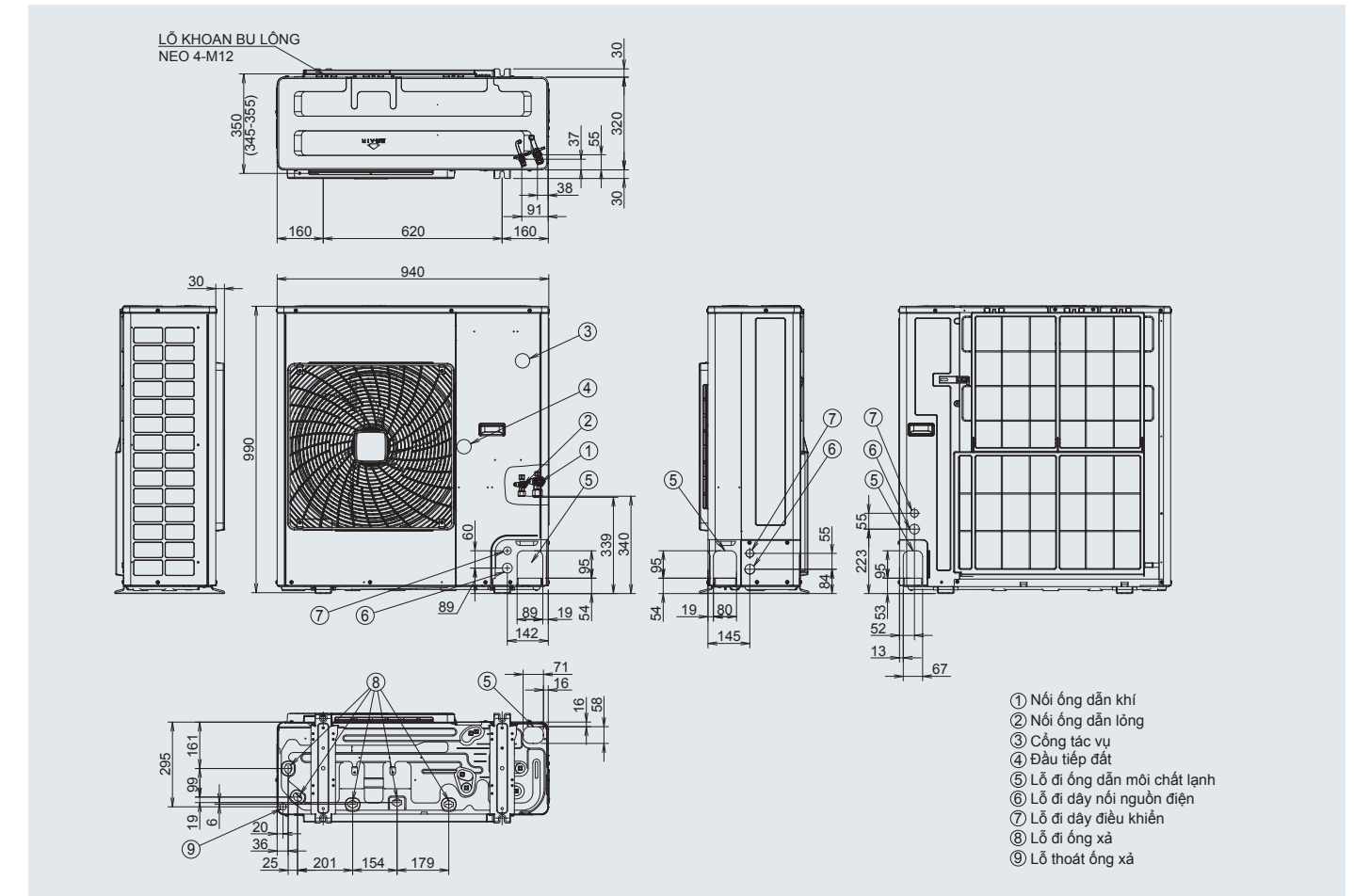
DÀN NÓNG // RZF125/140CVM / CYM



DÀN NÓNG // RZF100CVM, RZF71/100CYM



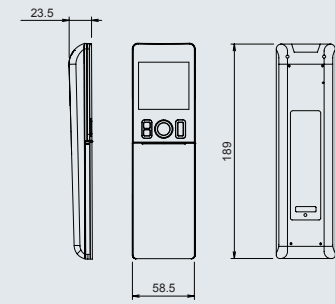
DÀN NÓNG // RZA71/100BV2V



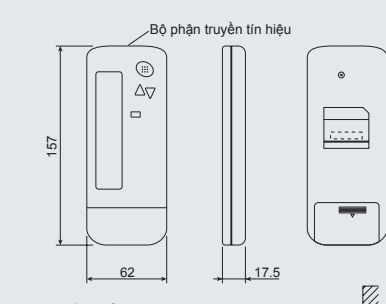
ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

〈Loại không dây〉

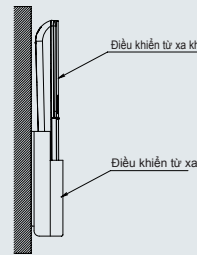
• Kích thước điều khiển từ xa



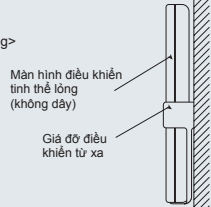
• Kích thước điều khiển từ xa



• Giá đỡ điều khiển từ xa Quy trình lắp đặt <Lắp điều khiển lên tường〉

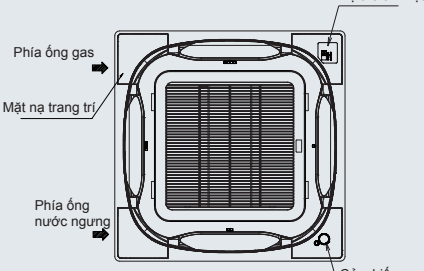


• Giá đỡ điều khiển từ xa Quy trình lắp đặt <Lắp điều khiển lên tường〉

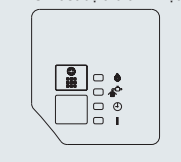


LOẠI CASSETTE ẨM TRẦN <Đa Hướng Thổi〉

• Trình tự lắp đặt bộ thu tín hiệu

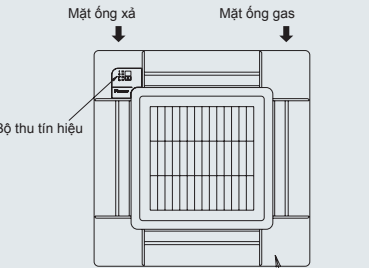


• Chi tiết bộ thu tín hiệu

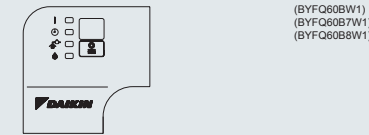


DÀN LẠNH ẨM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI LOẠI NHỎ GON

• Quy trình lắp đặt bộ thu tín hiệu

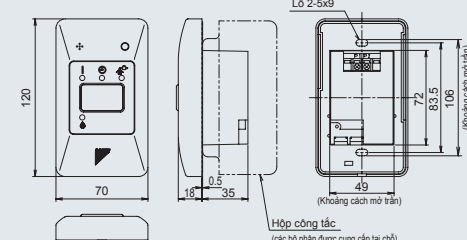


• Chi tiết bộ thu tín hiệu

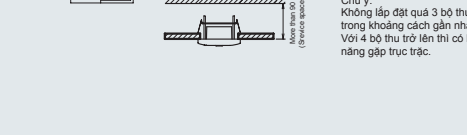


DÀN LẠNH NỘI ỚNG GIÓ VỚI ẤP SUẤT TÍNH TRUNG BÌNH

• Chi tiết bộ thu tín hiệu

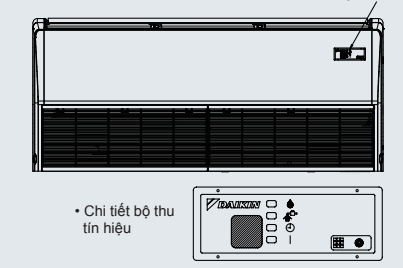


• Chi tiết bộ thu tín hiệu

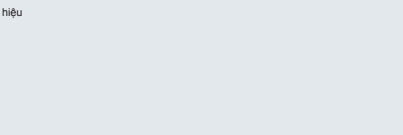


DÀN LẠNH ẨM TRẦN

• Quy trình lắp đặt bộ thu tín hiệu



• Chi tiết bộ thu tín hiệu

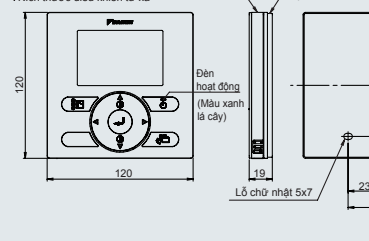


〈Loại điều khiển có dây〉

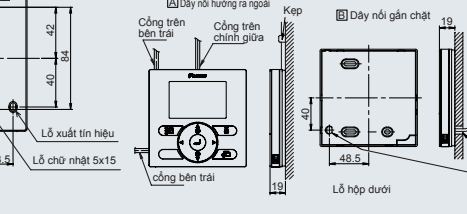
• Kích thước điều khiển từ xa

BRC1E62/63

• Kích thước điều khiển từ xa



• Cách lắp đặt



Chú ý)
1. Dây nối điều khiển từ xa và ghim kẹp giữ điều khiển không dính kem. Các bộ phận này được cung cấp tại chỗ.
2. Nếu lỗ có kích thước quá lớn hoặc vị trí lắp không phù hợp thì điều khiển có thể rơi ra ngoài.

Thông số dây nối điều khiển

Loại	Dây vinyl có vỏ bọc ngoài hoặc dây cáp (bọc cách điện dây 1mm trở lên)
Kích thước	0.75-1.25 mm ²
Tổng chiều dài	500 m

■ Dành cho các dòng RZF50-140CVM/CV2V, RZF71-140CYM, RZA71/100BV2V

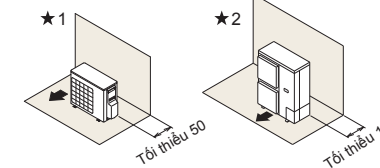
★ 1.RZF50/60/71/100CVM / CV2V, 71/100CYM ★ 2.RZF125/140CVM / CYM, RZA71/100BV2V series

1) Khi có vật cản ở phần gió vào

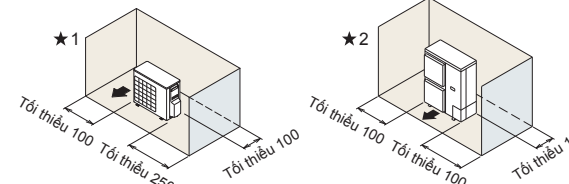
1) Khi không có vật cản phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn

Khi chỉ có một vật cản ở phần gió vào

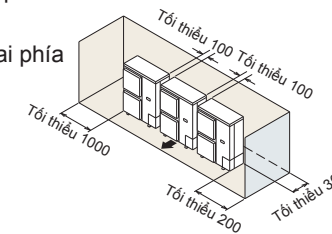


Khi có vật cản ở cả 2 phía



2. Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)

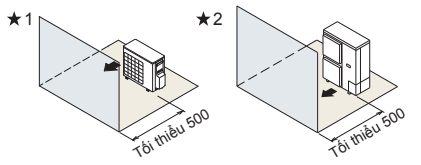
Khi có vật cản cả hai phía



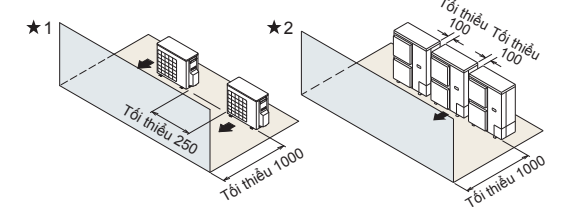
2) Khi có vật cản ở phần gió ra

1) Khi không có vật cản ở phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn

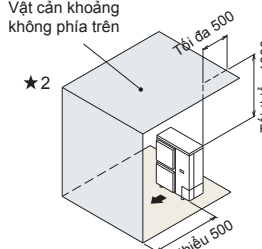


2. Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)

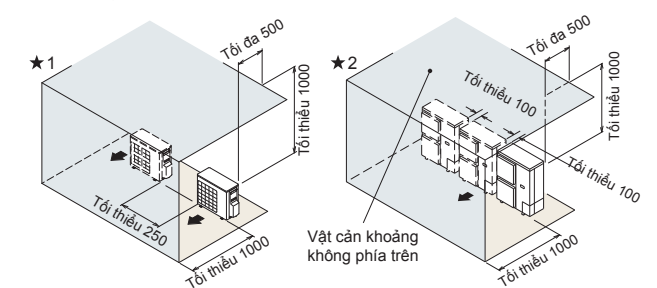


2) Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn



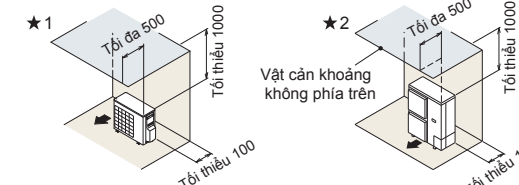
2. Áp dụng cho việc lắp nhiều dàn (hai dàn trở lên)



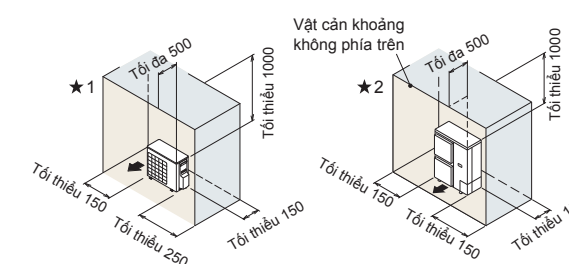
2) Khi có vật cản khoảng không phía trên

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn

Khi có vật cản ở lối vào

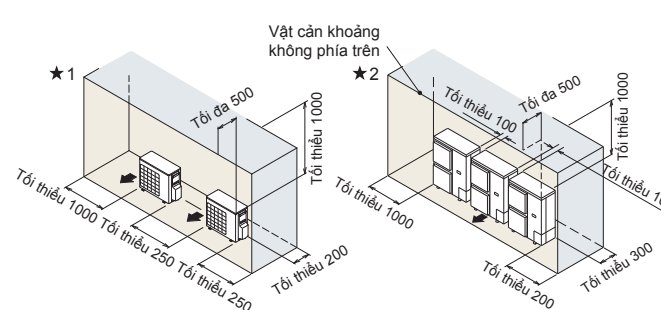


Khi có vật cản ở lối vào và cả hai phía



2. Áp dụng cho việc lắp đặt nhiều dàn (hai dàn trở lên)

Khi có vật cản ở phần gió vào và cả hai phía

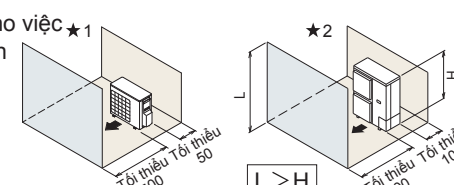


3) Khi có vật cản ở phần gió vào và cả hai phía (Khi vật cản ở phần gió ra cao hơn dàn)

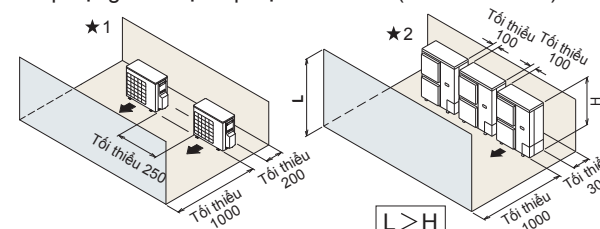
1) Khi khoảng không mở phía trên

(Không có giới hạn chiều cao vật cản ở phần gió ra)

1. Áp dụng cho việc lắp một dàn



2. Áp dụng cho việc lắp đặt nhiều dàn (hai dàn trở lên)



Lưu ý: Đối với các cách lắp đặt khác, xin xem sổ tay hướng dẫn lắp đặt hoặc tài liệu kỹ thuật.